

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1	HOÀNG ĐỨC HẢI	05/01/2009	8C5	THCS NAM SƠN	9.3	8.8	8.5	44.5	014066
2	NGÔ HOÀNG KHÔI NGUYỄN	28/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	9.3	8.5	9.0	44.5	003129
3	NGUYỄN HOÀNG YẾN	19/08/2009	8C5	THCS NAM SƠN	8.3	9.5	9.0	44.5	014244
4	LƯƠNG HUỲNH GIA HUY	17/12/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	8.8	8.3	10.0	44.2	007111
5	NGUYỄN THẾ TRƯỜNG	26/06/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.8	8.0	9.6	43.1	001241
6	TRẦN PHƯƠNG LINH	01/08/2009	8C4	THCS NAM SƠN	8.0	9.0	9.0	43	014120
7	ĐẶNG MINH CHÂU	09/04/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	9.3	8.0	8.4	42.9	001035
8	NGÔ THÙY DƯƠNG	19/05/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	8.8	8.0	9.0	42.5	002064
9	TRẦN NGUYỄN NGỌC HÀ	24/10/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.8	8.8	42.3	001072
10	NGUYỄN BÍCH NGỌC	10/04/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	7.0	9.3	9.8	42.3	007193
11	TỔNG NGỌC HÂN	02/11/2009	8A	THCS AN HOÀ	7.8	9.0	8.7	42.2	003057
12	DƯƠNG BÍCH KHUÊ	13/04/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.3	8.0	9.6	42.1	001116
13	LẠI KHÁNH HUYỀN	26/10/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.5	8.0	9.0	42	001108
14	HOÀNG MINH TIẾN	05/07/2009	8A	THCS AN HOÀ	7.3	9.0	9.4	41.9	003170
15	HOÀNG TÚ UYÊN	22/05/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.5	8.5	7.8	41.8	002250
16	VŨ ĐỨC HÙNG	29/05/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.5	8.0	8.8	41.8	001110
17	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	26/12/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	8.8	8.5	7.2	41.7	008031
18	BÙI LÊ HÙNG	21/02/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	8.5	8.0	8.6	41.6	001109
19	BÙI THỊ PHƯƠNG LINH	15/06/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	7.5	8.5	9.6	41.6	008068
20	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	28/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.8	7.5	9.0	41.5	002241
21	ĐOÀN BẢO KHÁNH	02/11/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.5	8.0	8.5	41.5	002123
22	BÙI GIA KHẢI	16/02/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.8	7.5	8.9	41.4	002121
23	NGUYỄN GIA MINH	13/01/2009	8C4	THCS NAM SƠN	8.3	8.3	8.4	41.4	014134
24	ĐỖ ĐỨC ANH	06/01/2009	8C4	THCS NAM SƠN	9.3	8.0	6.8	41.3	014008
25	VŨ THỊ HẢI YẾN	16/10/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	8.3	8.0	8.6	41.2	010203
26	NGUYỄN CÔNG THÀNH	08/10/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	8.3	8.3	8.2	41.2	002219
27	NGUYỄN QUANG DUY	17/09/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.0	8.0	9.2	41.2	002053
28	NGUYỄN NGỌC LINH	30/06/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.3	8.0	8.6	41.1	001131
29	PHAN THÙY DƯƠNG	24/01/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	8.5	8.5	7.0	41	007063
30	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	29/10/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	9.0	41	001066

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
31	ĐINH PHƯƠNG LINH	15/01/2009	8C5	THCS NAM SƠN	7.5	9.0	8.0	41	014111
32	HOÀNG BÍCH LIÊN	15/04/2009	8A	THCS AN HOÀ	7.5	8.8	8.4	40.9	003098
33	NGUYỄN BÁ CƯỜNG	06/05/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.3	8.5	9.4	40.9	001042
34	ĐÀO VĂN AN	03/04/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	9.0	8.0	6.8	40.8	001001
35	ĐÀO PHƯƠNG THÙY	10/05/2009	8C5	THCS NAM SƠN	8.3	9.0	6.2	40.7	014208
36	PHẠM THỊ XUÂN THẢO	23/03/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	7.8	8.8	7.6	40.6	007254
37	TRẦN THỊ THANH XUÂN	15/06/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.3	8.8	8.6	40.6	001260
38	ĐẶNG HOÀI TRANG	30/10/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.5	8.3	9.0	40.5	002231
39	VŨ THỊ PHƯƠNG HOA	23/05/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	8.3	7.5	8.8	40.4	010070
40	PHẠM DUY KHÁNH	28/09/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	8.5	7.5	8.4	40.4	009086
41	NGUYỄN MINH THƯ	30/05/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	8.0	8.0	8.4	40.4	010172
42	ĐINH THỊ HÒA	08/06/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	8.3	8.0	7.8	40.3	001097
43	ĐÀO NGỌC HUYỀN	11/02/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.3	8.0	7.8	40.3	001107
44	LÝ ANH THƯ	28/09/2009	8C5	THCS NAM SƠN	8.0	9.0	6.3	40.3	014210
45	BÙI HOÀNG LÂM	14/08/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.5	8.0	7.2	40.2	001121
46	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYÊN	24/03/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	8.3	8.0	7.6	40.2	010038
47	VŨ ĐỨC HOÀNG	22/12/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	8.2	40.2	001096
48	PHẠM TIẾN ĐẠT	22/06/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	8.0	8.0	8.2	40.2	010050
49	TRƯƠNG THỊ KHÁNH VÂN	01/07/2009	8A1	THCS AN HỒNG	8.0	8.0	8.2	40.2	004245
50	VŨ HÀ LINH	30/05/2009	8C4	THCS NAM SƠN	7.5	8.0	9.2	40.2	014121
51	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	30/05/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.0	8.5	9.2	40.2	008074
52	ĐỖ MINH HÙNG	26/11/2009	8C5	THCS NAM SƠN	8.0	8.5	7.1	40.1	014089
53	ĐẶNG KIM NGÂN	13/10/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	7.3	9.0	7.6	40.1	007188
54	NGUYỄN KHÁNH LY	06/01/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.5	8.0	7.0	40	001145
55	DƯƠNG KHÁNH LINH	24/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	8.0	8.0	8.0	40	014109
56	NGUYỄN THỊ HỒNG MINH	22/10/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	9.0	6.3	9.4	39.9	002171
57	TRẦN TRUNG KHẢI	06/03/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.8	8.9	39.9	002122
58	NGUYỄN MAI ANH	05/09/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.3	7.3	8.8	39.8	002020
59	PHẠM THỊ MAI ANH	03/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	8.0	8.5	6.8	39.8	003009
60	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	07/09/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.8	8.0	8.3	39.8	004018

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
61	HOÀNG THỊ PHƯƠNG DUNG	17/08/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.5	8.0	8.8	39.8	002051
62	NGUYỄN HÀ MY	15/07/2009	8C4	THCS NAM SƠN	7.3	8.3	8.8	39.8	014140
63	NGUYỄN THANH HƯƠNG	26/12/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	7.0	8.5	8.8	39.8	008060
64	NGUYỄN THẾ SƠN	21/05/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	8.3	8.0	7.2	39.7	016203
65	TRẦN THU DƯƠNG	16/10/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.8	8.5	7.2	39.7	002069
66	PHẠM BÌNH NHI	19/01/2009	8C5	THCS NAM SƠN	8.5	8.0	6.6	39.6	014165
67	PHẠM THỊ THANH BÌNH	02/09/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	8.8	8.0	39.5	009021
68	ĐÀO VŨ ĐAN THANH	23/02/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.0	8.3	9.0	39.5	002216
69	VŨ HÀ VY	03/04/2009	8C4	THCS NAM SƠN	7.3	9.0	6.9	39.4	014241
70	PHẠM THÀNH LONG	21/09/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.8	7.0	7.8	39.3	001144
71	LÊ THỊ KIM NGÂN	14/10/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.3	7.5	7.8	39.3	006083
72	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	15/11/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	8.0	8.3	6.8	39.3	008017
73	NGUYỄN TRỌNG TÍN	05/08/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	8.0	7.3	8.8	39.3	011130
74	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	18/02/2009	8A	THCS AN HOÀ	7.8	8.5	6.8	39.3	003095
75	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	11/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	7.8	8.5	6.8	39.3	014129
76	PHẠM HẰNG NGA	09/06/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.8	9.0	7.8	39.3	008088
77	NGUYỄN NHẬT MINH	17/06/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.5	7.5	7.2	39.2	002169
78	QUYỄN HÀ LINH	07/06/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	7.2	39.2	001139
79	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	24/07/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.8	8.0	7.7	39.2	002090
80	LÊ NHẬT HUY	06/02/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.5	8.7	39.2	002114
81	NGUYỄN VĂN TÀI	10/07/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.5	9.0	8.2	39.2	003154
82	VŨ THỊ ANH THƯ	17/08/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.8	8.0	7.6	39.1	016229
83	ĐÀO PHÚC LÂM	20/12/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	8.5	7.6	39.1	009094
84	TRẦN HƯƠNG GIANG	19/11/2009	8A	THCS LÊ LỢI	8.0	8.0	7.0	39	012025
85	ĐÀO KHÁNH LINH	12/09/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	7.5	9.0	6.0	39	007140
86	NGUYỄN HOÀI NGUYỄN	01/10/2008	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	7.5	8.5	7.0	39	008097
87	ĐINH NGỌC LIÊN	08/10/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.8	6.0	9.4	38.9	002137
88	NGUYỄN THẾ DƯƠNG	03/04/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.0	8.3	6.4	38.9	002066
89	VŨ GIA NGỌC	13/10/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	6.8	38.8	001175
90	ĐẶNG HÀ PHƯƠNG	04/12/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	7.8	7.5	8.3	38.8	011107

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
91	ĐẶNG THỊ HÀ LINH	16/01/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	7.5	8.0	7.8	38.8	011071
92	NGUYỄN BẢO NGÂN	11/09/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	7.0	8.5	7.8	38.8	008092
93	NGUYỄN ĐỨC ĐỆ	05/02/2010	8D	THCS QUỐC TUẤN	8.0	7.5	7.7	38.7	015033
94	TRẦN KHÁNH TOÀN	16/03/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.3	8.0	8.2	38.7	001228
95	PHAN ĐỨC ANH	26/07/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.5	6.5	8.6	38.6	002025
96	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	08/09/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	6.6	38.6	001171
97	HOÀNG THỊ GIANG	15/10/2009	8C1	THCS NAM SƠN	8.3	8.3	5.5	38.5	014058
98	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	27/05/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	7.8	8.5	6.0	38.5	007149
99	NGUYỄN TUẤN ANH	26/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	7.5	8.3	7.0	38.5	003008
100	NGUYỄN QUỲNH MAI	28/07/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	7.3	9.0	6.0	38.5	007165
101	VŨ PHƯƠNG THẢO	04/12/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.8	9.0	7.0	38.5	014202
102	NGÔ VĂN THIỆU	27/07/2009	8A1	THCS AN HỒNG	9.0	6.0	8.4	38.4	004209
103	ĐỖ NHƯ NAM KHÁNH	21/06/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.5	6.5	8.4	38.4	002125
104	NGUYỄN KIM NGÂN	21/11/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.3	7.3	7.4	38.4	006084
105	BÙI THỊ MINH TRANG	03/07/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.8	7.4	38.4	002230
106	LÊ VĂN THUẬN	05/04/2009	8D	THCS BẮC SƠN	7.5	8.0	7.4	38.4	006105
107	NGUYỄN NGỌC QUỲNH CHI	27/11/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	7.5	7.5	8.4	38.4	011014
108	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	24/08/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	8.0	7.8	38.3	009072
109	LƯƠNG VĂN ĐỨC	13/01/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.3	7.3	7.2	38.2	002078
110	PHÙNG KHÁNH LINH	25/07/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	6.2	38.2	001138
111	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	27/07/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.0	7.0	8.2	38.2	006085
112	LÊ HẢI CHÂU	31/01/2009	8C4	THCS NAM SƠN	7.5	8.8	5.6	38.2	014038
113	PHẠM QUỲNH TRANG	04/09/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.5	8.5	6.2	38.2	016243
114	TRẦN THÙY DƯƠNG	08/12/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	7.5	8.0	7.2	38.2	008028
115	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG LY	16/10/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	8.3	7.5	6.6	38.1	001147
116	HOÀNG GIA BẢO	18/11/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.8	7.5	7.6	38.1	005024
117	NGUYỄN LÊ THÙY LINH	16/07/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.8	7.0	8.6	38.1	001129
118	ĐÀO KHÁNH LINH	30/12/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.5	6.5	8.0	38	006059
119	NGUYỄN HIỂU MINH	19/08/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.5	8.0	7.0	38	001158
120	VŨ THỊ THỦY	27/01/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.5	8.0	7.0	38	001218

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
121	VŨ THANH HUYỀN	17/12/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.3	8.5	6.4	37.9	005083
122	ĐOÀN HÀ NHƯ	25/09/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.3	8.5	6.4	37.9	005164
123	PHẠM MINH CHÂU	18/04/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.8	9.0	6.4	37.9	014039
124	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	30/04/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.5	6.0	8.8	37.8	001077
125	TRẦN TÂM ANH	14/03/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.3	8.8	5.8	37.8	001026
126	TRẦN TRƯỞNG LÂM PHƯƠNG	07/05/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.3	8.0	7.3	37.8	005180
127	LÊ NGỌC TIẾN	06/12/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.0	9.8	37.8	001225
128	CÁP TRƯỞNG DIỆU LINH	05/06/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.8	7.0	8.2	37.7	001125
129	TRẦN THÙY TRANG	05/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	8.0	8.0	5.6	37.6	007277
130	LÊ THỊ KIM ANH	24/02/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.0	7.5	6.6	37.6	006006
131	PHẠM HÀ VY	06/08/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.5	7.0	8.6	37.6	001258
132	NGUYỄN KHÁNH LY	17/09/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	7.0	8.0	7.6	37.6	015081
133	TỔNG THỊ THÙY DƯƠNG	22/01/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.5	8.5	7.6	37.6	003038
134	NGUYỄN VĂN THANH	06/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	5.8	8.8	8.6	37.6	007244
135	NGUYỄN NGỌC LINH SAN	11/02/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	8.3	7.5	6.0	37.5	002207
136	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	02/01/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.3	7.0	7.0	37.5	002073
137	NGUYỄN ANH DŨNG	13/06/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	7.3	7.0	9.0	37.5	011024
138	NGUYỄN HÀ NHI	17/02/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	6.0	8.8	8.0	37.5	007202
139	PHẠM KHÁNH LINH	17/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.5	6.5	7.4	37.4	002147
140	NGUYỄN THANH MAI	23/02/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	8.0	6.0	9.4	37.4	013097
141	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	23/08/2009	8C2	THCS NAM SƠN	7.8	8.5	4.9	37.4	014178
142	LÊ TIẾN THÀNH	27/09/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	7.8	7.8	6.4	37.4	007249
143	TRẦN THỊ MINH CHÂU	21/04/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	7.3	8.3	6.4	37.4	007038
144	TRẦN KHÁNH NGỌC	26/10/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	7.4	37.4	001174
145	NGUYỄN LÊ MỸ HOA	21/10/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.3	8.8	7.4	37.4	008054
146	LƯƠNG QUANG HUY	24/02/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.8	6.5	8.8	37.3	009069
147	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	20/02/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	8.8	7.2	37.22	009005
148	NGUYỄN KHÁNH VINH	14/07/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.3	5.8	9.2	37.2	002258
149	LƯU MINH VŨ	03/03/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.8	7.5	6.7	37.2	005241
150	ĐÀO QUANG DŨNG	07/04/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.5	8.0	6.2	37.2	001047

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
151	TRỊNH THỊ TUYẾN	19/12/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.5	7.8	6.7	37.2	005227
152	NGÔ THỊ THẢO	14/05/2009	8A	THCS AN HOÀ	7.5	7.5	7.2	37.2	003160
153	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	19/03/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	7.3	8.0	6.6	37.2	007126
154	LÊ QUANG BÌNH	07/09/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	7.0	8.5	6.2	37.2	010019
155	ĐỖ TÚ UYÊN	26/02/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.8	8.8	6.2	37.2	014231
156	PHAN THỊ PHƯƠNG ANH	10/10/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	8.0	7.5	6.1	37.1	015011
157	VŨ ĐĂNG THỊNH	27/10/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.0	7.6	37.1	002223
158	LÊ ĐỨC TRƯỜNG	18/04/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.8	7.0	7.6	37.1	008142
159	LÊ HUYỀN NGỌC	07/01/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.3	7.0	8.6	37.1	001173
160	PHẠM NGỌC LINH	17/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.5	6.0	8.0	37	002148
161	VŨ THỊ MINH NHI	02/11/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.3	6.8	7.0	37	006090
162	TÔ THỊ PHƯƠNG ÁNH	18/02/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	7.5	7.5	7.0	37	013024
163	MAI TIẾN ĐẠT	26/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.5	7.5	7.0	37	016056
164	ĐINH PHƯƠNG THẢO	15/11/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.5	7.5	7.0	37	004198
165	HOÀNG VĂN ĐỊNH	26/11/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	7.3	7.5	7.4	37	010052
166	BÙI NGỌC DIỆP	20/07/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.8	9.0	5.5	37	014045
167	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	10/05/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.3	8.0	4.4	36.9	001013
168	VŨ HOÀNG NGÂN	27/09/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.8	8.0	5.4	36.9	001172
169	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	12/08/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.5	7.8	6.4	36.9	002201
170	NGÔ THỊ HẢI YẾN	30/04/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	7.3	8.0	6.4	36.9	015140
171	NGUYỄN TRÚC QUỲNH	26/03/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	7.5	7.4	36.9	005187
172	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	16/06/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	6.5	8.3	7.2	36.8	007120
173	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	02/03/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	7.3	7.3	7.6	36.8	010053
174	LÊ HOÀI NAM	12/10/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	6.5	8.5	6.8	36.8	007183
175	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	13/03/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.5	8.0	7.8	36.8	008030
176	VŨ TRƯỜNG GIANG	09/07/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.5	8.7	36.7	016068
177	PHAN HUYỀN PHƯƠNG	20/04/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.3	7.5	7.2	36.7	005178
178	PHẠM BẢO PHƯƠNG	20/12/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.5	7.8	8.2	36.7	002202
179	NGUYỄN HÀ VY	13/05/2009	8C2	THCS AN HƯNG	8.0	7.3	6.1	36.6	005247
180	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	01/12/2009	8C1	THCS NAM SƠN	7.8	8.0	5.1	36.6	014183

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
181	NGUYỄN BẢO LINH	29/12/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.5	7.0	7.6	36.6	001126
182	ĐÀO THU HUYỀN	02/06/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	7.0	8.5	5.6	36.6	007117
183	NGUYỄN THANH NGỌC	13/08/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	7.0	7.5	7.6	36.6	013109
184	ĐINH THANH HOA	20/08/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.8	8.3	6.6	36.6	009059
185	TRẦN THANH HƯƠNG	19/04/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	8.0	6.5	7.5	36.5	016093
186	MAI TIẾN MINH	12/01/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.8	7.0	7.0	36.5	001156
187	NGUYỄN BÌNH MINH	02/02/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.3	8.0	6.0	36.5	001157
188	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	18/01/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.3	8.0	6.0	36.5	016173
189	CAO MINH ÁNH	25/10/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.3	7.5	7.0	36.5	001032
190	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	11/12/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	7.3	7.5	7.0	36.5	007150
191	LÊ MINH THƯ	26/09/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	6.8	8.0	7.0	36.5	011124
192	NGUYỄN THỊ MỸ HOA	04/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.5	8.3	7.0	36.5	003061
193	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	10/08/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	8.8	7.0	36.5	009044
194	PHẠM ĐỖ KHÁNH LINH	07/10/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.5	8.8	8.0	36.5	014119
195	PHẠM ĐỨC MINH	15/09/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.8	5.3	8.4	36.4	002173
196	VŨ ĐỨC QUANG MINH	30/08/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.5	6.5	8.4	36.4	009121
197	CHU VŨ THẢO VÂN	13/11/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.3	7.3	7.4	36.4	002252
198	PHẠM MAI PHƯƠNG	13/06/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.0	8.0	6.4	36.4	005179
199	NGÔ THÙY LÂM	08/06/2009	8A3	THCS AN HỒNG	8.3	6.0	7.8	36.3	004108
200	PHẠM THỊ DUNG	28/07/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	8.0	7.3	5.8	36.3	008021
201	VŨ THỊ THANH	01/10/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	7.8	7.5	5.8	36.3	007247
202	NGUYỄN THỊ YẾN MINH	13/09/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.3	8.0	5.8	36.3	001159
203	NGÔ NGUYỄN THÁI LONG	26/10/2009	8C5	THCS NAM SƠN	7.3	6.5	8.8	36.3	014124
204	MAI YẾN NHI	16/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.0	8.5	5.3	36.3	005163
205	ĐỖ THU THẢO	02/09/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.8	8.0	6.8	36.3	008122
206	NGUYỄN TUẤN HUY	08/11/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	6.8	7.0	8.8	36.3	001104
207	TRẦN THANH TUẤN	24/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	6.5	8.8	5.8	36.3	007286
208	PHƯƠNG MAI LINH	27/02/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	6.3	8.5	6.8	36.3	007151
209	ĐỖ KHẮC BÌNH	27/08/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	9.0	6.0	6.2	36.2	002035
210	VŨ ĐỨC DŨNG	28/03/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.0	7.0	6.2	36.2	001049

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
211	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	22/10/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.8	7.5	5.7	36.2	004052
212	TRẦN ĐÌNH QUANG VINH	08/10/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.8	6.3	8.2	36.2	002259
213	TRẦN TRỌNG CƯỜNG	08/04/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.5	8.0	5.2	36.2	002048
214	LÊ HỮU TRIỆU PHÚC	07/06/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.5	7.5	6.2	36.2	016188
215	NGUYỄN HẢI NAM	30/01/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	7.5	7.0	7.2	36.2	011088
216	TRẦN NGỌC MINH	10/10/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.3	7.3	7.0	36.2	012060
217	NGUYỄN HÀ TRANG	06/06/2009	8A6	THCS AN HỒNG	7.0	9.0	4.2	36.2	004222
218	TRẦN THỊ QUẾ ANH	27/07/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	6.2	36.2	001028
219	TRẦN NGỌC DIỆP	10/08/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	7.0	8.0	6.2	36.2	010030
220	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	27/12/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.0	8.0	6.2	36.2	008020
221	CAO KHÁNH LY	13/07/2009	8C5	THCS NAM SƠN	7.0	7.5	7.2	36.2	014128
222	LÊ NGỌC ANH	16/03/2009	8B	THCS AN HOÀ	7.0	7.0	8.2	36.2	003004
223	TRỊNH THỊ THU HƯƠNG	07/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	6.5	8.0	7.2	36.2	007128
224	LÊ MINH NGUYỆT	05/04/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.3	7.0	5.6	36.1	002191
225	KHẮC THANH VÂN	22/07/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.3	6.5	6.6	36.1	006125
226	MÃ TRANG ANH	29/07/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.8	8.0	4.6	36.1	001014
227	NGUYỄN BẢO NGỌC	04/02/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.8	6.0	8.6	36.1	008095
228	NGUYỄN MINH TUẤN	22/10/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	7.3	7.0	7.6	36.1	001243
229	LƯU THỊ NHI	14/03/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.3	9.0	5.6	36.1	003131
230	PHẠM TRANG THANH	12/04/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	6.3	8.5	6.6	36.1	007246
231	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	13/09/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.0	7.0	6.0	36	006123
232	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	19/03/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	8.0	7.0	6.0	36	001170
233	NGUYỄN QUỐC VIỆT	07/09/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	8.0	6.5	7.0	36	015134
234	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	24/02/2009	8B	THCS LÊ LỢI	8.0	6.3	7.4	36	012029
235	NGUYỄN HẢI LINH	26/10/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.0	6.0	8.0	36	001127
236	PHẠM HÀ MINH ANH	30/03/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.8	5.8	9.0	36	002027
237	TRẦN PHẠM QUỐC VIỆT	21/07/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.5	8.0	5.0	36	016266
238	ĐẶNG ANH THƯ	09/09/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.5	7.0	7.0	36	001220
239	HOÀNG NGỌC QUỐC BẢO	09/01/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	7.3	7.0	7.5	36	015013
240	PHẠM TRÚC MAI	10/02/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.5	7.0	36	016146

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
241	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	28/11/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.8	7.5	7.4	36	010082
242	TRỊNH THỊ NAM GIANG	04/05/2009	8C3	THCS AN HÙNG	6.8	8.0	6.5	36	005059
243	LÊ THỊ HẢI YẾN	11/10/2009	8D	THCS AN HOÀ	6.3	9.3	5.0	36	003197
244	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	25/10/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	6.0	8.8	6.4	36	007127
245	NGUYỄN THANH THẢO	09/12/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	5.5	8.0	9.0	36	015113
246	ĐỖ TRẦN NHƯ THY	31/03/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.8	6.5	5.4	35.9	002228
247	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	07/01/2009	8A1	THCS AN HỒNG	8.0	6.3	7.4	35.9	004204
248	NGUYỄN ANH ĐỨC	20/01/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	8.0	5.5	8.9	35.9	016060
249	NGUYỄN THÙY LINH	23/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.5	6.3	8.4	35.9	008075
250	NGÔ PHÚ TRƯỜNG	03/07/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.0	7.8	8.4	35.9	003183
251	LÊ THỊ HẢI YẾN	11/08/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.8	8.5	9.4	35.9	014242
252	LƯƠNG PHƯƠNG THÚY	14/01/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	8.0	6.5	6.8	35.8	016225
253	NGUYỄN KHÁNH LINH	22/01/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	8.0	6.0	7.8	35.8	001128
254	NGUYỄN HOÀNG THẢO MY	05/10/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.8	4.8	35.8	002177
255	LÊ THÙY TRANG	25/07/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.0	7.8	35.8	001231
256	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	12/03/2009	8A5	THCS AN HỒNG	7.5	6.5	7.7	35.7	004013
257	HỒ QUỲNH CHI	11/09/2009	8C1	THCS AN HÙNG	7.3	7.5	6.2	35.7	005033
258	CAO MAI TRANG	18/05/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	8.3	5.2	35.7	009181
259	LÊ NGỌC YẾN NHI	18/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.8	8.0	6.2	35.7	014162
260	ĐỖ THỊ HỒNG	09/10/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	6.8	8.0	6.2	35.7	001098
261	VŨ THỊ THU NGÂN	24/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.8	7.3	7.7	35.7	014153
262	TRẦN THỊ NGỌC CHÂU	21/04/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	6.3	8.5	6.2	35.7	007039
263	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	16/11/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	8.3	7.2	35.7	008120
264	BÙI QUỲNH ANH	13/11/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	6.0	8.3	7.2	35.7	007005
265	ĐÀO THỊ CẨM TÚ	23/03/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.0	7.8	8.2	35.7	014229
266	NGUYỄN LA BẢO NGỌC	02/11/2009	8C6	THCS AN HÙNG	8.0	7.0	5.6	35.6	005157
267	NGUYỄN LÊ QUANG TÚ	29/12/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.5	7.5	5.6	35.6	002246
268	NGUYỄN GIA PHONG	27/06/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	7.5	7.0	6.6	35.6	015100
269	NGUYỄN TÙNG LÂM	18/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.0	8.0	5.6	35.6	016114
270	TRẦN HOÀNG LINH	11/04/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	7.0	7.5	6.6	35.6	007152

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
271	NGUYỄN ANH ĐỨC	15/12/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.0	7.6	35.6	001062
272	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	29/08/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.0	7.6	35.6	001043
273	NGUYỄN MAI CHI	21/11/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	6.5	8.6	35.6	009027
274	TRẦN THỊ THANH NGỌC	25/05/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	6.5	7.5	7.6	35.6	013112
275	VŨ THÀNH HIẾU	20/04/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	7.3	8.6	35.6	009057
276	VŨ THỊ THU HUỆ	30/01/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	7.6	35.6	001099
277	PHẠM ĐỨC BÌNH	10/03/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.3	6.0	7.0	35.5	002036
278	PHẠM THỊ THANH	04/09/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.0	6.0	35.5	002218
279	ĐOÀN HỮU BẢO NAM	13/07/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	7.3	6.3	8.5	35.5	011087
280	ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG	12/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	6.8	8.0	6.0	35.5	002194
281	ĐINH VĂN TRỌNG	05/10/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.8	7.5	7.0	35.5	015127
282	NGUYỄN HOÀI ANH	07/07/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.3	9.0	7.0	35.5	007012
283	BÙI THỊ KHÁNH LINH	03/07/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	8.0	6.0	7.4	35.4	002138
284	NGUYỄN DUY QUÂN	26/08/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.5	7.0	6.4	35.4	001192
285	ĐỖ TUẤN HƯNG	09/02/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.5	6.0	8.4	35.4	001112
286	LÊ DƯƠNG THANH	20/03/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.0	8.0	5.4	35.4	016211
287	LÊ HUYỀN TRANG	29/01/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	6.5	7.0	8.4	35.4	001229
288	VŨ THỊ THU HIỀN	08/01/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.3	8.0	6.8	35.4	010067
289	ĐỖ NGỌC NHI	12/08/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.0	8.0	7.4	35.4	008100
290	NGUYỄN THỊ HẬU	30/08/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	6.0	7.5	8.4	35.4	010061
291	LÊ NGUYỄN HÀ ANH	01/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	5.5	8.5	7.4	35.4	005009
292	NGUYỄN MỸ LINH	14/09/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.8	6.0	7.8	35.3	001130
293	LÊ TUỆ NHI	29/06/2009	8C5	THCS NAM SƠN	7.5	7.0	6.3	35.3	014164
294	NGUYỄN QUỐC HƯNG	07/04/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.5	8.0	6.3	35.3	014091
295	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	28/02/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	8.5	5.5	7.2	35.2	013075
296	ĐÀM LÊ MINH NHẬT	20/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	7.8	6.5	6.7	35.2	014160
297	PHẠM THỊ KHÁNH LINH	30/08/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.5	7.0	6.2	35.2	001135
298	VŨ THỊ THÙY CHI	30/09/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.5	7.2	35.2	016029
299	NGUYỄN BẢO AN	24/12/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.5	6.0	8.2	35.2	009002
300	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	14/11/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.3	6.8	7.0	35.2	012032

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
301	CHU THỊ NGỌC LINH	30/11/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.3	6.3	8.2	35.2	008069
302	ĐỖ NGUYỄN THU ANH	18/08/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.3	9.2	35.2	002014
303	PHẠM THỊ PHƯƠNG DUNG	04/12/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.5	8.8	4.6	35.2	014048
304	ĐỖ QUỐC AN	02/08/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.5	7.5	7.2	35.2	015001
305	LÊ THỊ THẢO	16/05/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.5	7.5	7.2	35.2	014198
306	TRẦN ĐỨC HIẾU	02/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	6.3	8.3	6.0	35.2	007097
307	TRẦN HỒNG NGỌC	20/08/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.8	6.0	7.6	35.1	008096
308	LƯƠNG TUẤN DŨNG	06/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.3	6.5	7.6	35.1	016042
309	NGUYỄN LÊ HÀ LINH	29/08/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	6.8	6.5	8.6	35.1	015074
310	VŨ HIỀN ANH	15/10/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	5.8	9.0	5.6	35.1	007029
311	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	28/09/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	4.3	8.5	9.6	35.1	007194
312	NGÔ THỊ PHƯƠNG NGÂN	16/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	8.0	7.5	4.0	35	003127
313	LÊ THỊ MAI	12/08/2009	8D	THCS BẮC SƠN	8.0	6.8	5.5	35	006071
314	ĐỒNG BÁ VŨ	10/07/2009	8A	THCS LÊ LỢI	8.0	6.5	6.0	35	012097
315	NGUYỄN ANH KỲ	29/10/2009	8A	THCS LÊ LỢI	8.0	6.5	6.0	35	012048
316	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	26/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	8.0	6.5	6.0	35	016224
317	ĐINH HOÀNG ANH	25/12/2009	8C2	THCS NAM SƠN	7.8	7.8	4.0	35	014007
318	PHẠM TUẤN ANH	03/04/2009	8C4	THCS NAM SƠN	7.5	7.5	5.0	35	014020
319	LÊ QUANG VŨ	26/06/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.5	6.0	8.0	35	001253
320	ĐỖ MINH NGUYỆT	15/01/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.3	7.3	6.0	35	002190
321	NGUYỄN THỊ BẢO VÂN	03/03/2009	8A6	THCS AN HỒNG	7.3	7.0	6.5	35	004244
322	NGUYỄN MINH ANH	15/10/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	7.0	7.0	7.0	35	013011
323	LƯU VŨ THÙY CHI	22/01/2009	8A	THCS AN HOÀ	7.0	7.0	7.0	35	003021
324	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	06/01/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	7.0	7.0	35	012020
325	TRẦN TUẤN ANH	05/08/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	6.5	7.5	7.0	35	007026
326	VŨ NGUYỄN HÙNG	19/12/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	6.5	7.0	8.0	35	001111
327	NGUYỄN HUYỀN THANH	03/08/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	6.0	7.5	8.0	35	011118
328	NGÔ HIẾU LAM	23/09/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	5.3	7.8	9.0	35	011064
329	NGÔ ANH DŨNG	07/03/2009	8C3	THCS NAM SƠN	7.8	8.0	3.4	34.9	014050
330	VŨ TUỆ NHI	20/04/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.3	7.0	6.4	34.9	001179

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
331	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	23/05/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	8.8	3.4	34.9	009160
332	ĐINH KHÔI NGUYỄN	21/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	8.0	5.5	7.8	34.8	016175
333	NGUYỄN MAI UYÊN CHI	22/12/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.8	6.8	5.8	34.8	008018
334	LÊ KHÁNH HUYỀN	26/10/2009	8E	THCS AN HOÀ	7.0	8.5	3.8	34.8	003071
335	NGUYỄN QUỲNH CHI	10/01/2009	8A5	THCS AN HỒNG	7.0	7.3	6.3	34.8	004034
336	NGUYỄN HIẾU MINH THÀNH	15/12/2009	8A2	THCS AN HỒNG	7.0	7.0	6.8	34.8	004197
337	HOÀNG THỊ THANH HƯƠNG	02/06/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	6.8	7.8	5.6	34.8	007125
338	NGUYỄN VŨ DƯƠNG TRÚC	21/05/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	6.8	6.5	8.2	34.8	010183
339	ĐỖ YẾN NHI	04/10/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.8	7.3	6.8	34.8	008101
340	CAO THỊ MAI TRANG	24/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.5	8.0	5.8	34.8	005211
341	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	31/12/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.0	8.0	6.8	34.8	014177
342	PHẠM TRUNG HIẾU	05/12/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.5	7.0	5.7	34.7	002096
343	MAI THỊ XUÂN THƯ	23/11/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.3	7.0	6.2	34.7	001221
344	NGUYỄN MINH QUÂN	15/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.0	7.3	6.2	34.7	002204
345	NGUYỄN VIỆT TRUNG	07/10/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.0	6.0	8.7	34.7	016247
346	NGUYỄN THU MINH	08/07/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	6.8	8.5	4.2	34.7	007172
347	VŨ THỊ THANH VÂN	19/01/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.8	7.5	6.2	34.7	003186
348	NGUYỄN MINH ĐỨC	31/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.8	7.0	7.2	34.7	005051
349	NGUYỄN THÀNH LONG	09/06/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.3	7.0	8.2	34.7	005127
350	LƯU KIM DUNG	19/12/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.8	8.0	7.2	34.7	016038
351	PHẠM VĂN TRUNG HIẾU	15/12/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.5	7.8	8.2	34.7	008051
352	TRẦN HOÀNG ANH	08/08/2009	8A	THCS LÊ LỢI	8.3	5.0	8.0	34.6	012008
353	KHUẤT MINH DƯƠNG	09/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.3	6.8	4.6	34.6	002060
354	PHẠM NGUYỄN THANH TÂM	14/02/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	8.0	7.0	4.6	34.6	001202
355	NGÔ DUY KHÁNH	05/08/2009	8A	THCS LÊ LỢI	8.0	6.3	6.0	34.6	012044
356	TRẦN GIA NHƯ	03/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.3	8.0	4.1	34.6	005165
357	VŨ ĐỨC THỊNH	16/11/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	7.0	7.0	6.6	34.6	010165
358	TRẦN KHÁNH LINH	10/02/2009	8A	THCS AN HOÀ	7.0	7.0	6.6	34.6	003107
359	LƯU BẢO NGỌC MINH	07/11/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.0	6.6	34.6	001155
360	ĐOÀN VŨ VIỆT ANH	12/12/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.0	7.0	6.6	34.6	005006

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
361	NGUYỄN LÊ HẢI ANH	03/11/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	6.5	7.6	34.6	012003
362	TRẦN TRỌNG ĐỨC	18/12/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	7.0	6.5	7.6	34.6	001063
363	NGUYỄN THÙY VÂN	30/01/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	6.8	8.0	5.0	34.6	007295
364	VŨ ĐỨC THUẬN	12/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.5	7.0	7.6	34.6	016222
365	NGUYỄN THỊ THU TRANG	27/03/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.0	8.0	6.6	34.6	004225
366	NGUYỄN NHẬT MINH	30/09/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.8	5.8	7.5	34.5	002170
367	NGUYỄN TIẾN THỊNH	03/06/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	7.3	7.5	5.0	34.5	015118
368	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	11/09/2009	8A6	THCS AN HỒNG	7.3	6.5	7.0	34.5	004149
369	LÊ VŨ PHƯƠNG MINH	16/10/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	6.8	7.0	7.0	34.5	001154
370	NGUYỄN HÀ VI	07/07/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.5	7.0	7.5	34.5	005237
371	TƯỜNG TRẦN TÂM ANH	15/10/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	6.3	8.5	5.0	34.5	007028
372	LÊ HỒNG ANH	31/08/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	7.5	6.5	6.4	34.4	011004
373	ĐỖ NHẬT TÀI	09/06/2009	8B	THCS AN HOÀ	7.0	7.0	6.4	34.4	003153
374	TRẦN PHƯƠNG MAI	29/10/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	6.3	7.8	34.4	012058
375	BÙI DIỆP ÁNH	03/06/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	6.4	34.4	001031
376	PHẠM MINH TRIẾT	20/03/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.0	7.5	7.4	34.4	008136
377	NGUYỄN NGỌC QUỲNH CHI	16/03/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	7.5	6.5	6.3	34.3	015022
378	PHẠM KHÁNH LINH	28/01/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.5	5.0	9.3	34.3	002146
379	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	20/05/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	7.0	5.8	34.3	005158
380	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	03/09/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	7.3	7.0	5.8	34.3	011122
381	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	06/01/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.8	7.0	6.8	34.3	008026
382	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHƯ	21/03/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.3	8.0	5.8	34.3	003134
383	VŨ LÊ THANH HÀ	11/12/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.0	8.0	6.3	34.3	014065
384	NGUYỄN KHÁNH LINH	10/11/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	5.8	7.5	7.8	34.3	009102
385	VŨ TÙNG DƯƠNG	01/06/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.8	7.5	7.8	34.3	003039
386	ĐOÀN HẢI NAM	22/01/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	8.3	6.0	5.6	34.2	010121
387	HOÀNG THỊ MỸ LAN	05/12/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	7.8	6.5	5.6	34.2	010093
388	ĐẶNG THÙY LINH	06/02/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.3	6.5	6.6	34.2	012050
389	PHẠM THANH PHONG	28/09/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	4.2	34.2	001180
390	PHẠM LAM ANH	08/01/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	6.5	8.0	5.2	34.2	010009

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
391	NGUYỄN HOÀNG THU HOÀI	18/10/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	6.5	7.8	5.6	34.2	007101
392	NGUYỄN VIỆT THÙY	17/05/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	6.5	7.0	7.2	34.2	015121
393	CAO THỊ VÂN ANH	06/08/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	6.5	7.0	7.2	34.2	013002
394	TRẦN PHƯƠNG CHI	18/09/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.3	7.3	7.0	34.2	012014
395	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	19/03/2009	8C1	THCS NAM SƠN	6.3	8.0	5.7	34.2	014236
396	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG VY	07/04/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.3	7.8	6.2	34.2	002261
397	TRẦN MINH HIẾU	29/04/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	6.0	8.0	6.2	34.2	007098
398	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	17/09/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	5.5	7.5	8.2	34.2	013015
399	ĐINH BẢO NGỌC	07/05/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.3	6.0	5.6	34.1	002185
400	NGÔ TUẤN MINH	24/12/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.5	5.0	9.1	34.1	002167
401	MAI ĐỨC PHÁT	13/10/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.8	7.0	6.6	34.1	014169
402	NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/05/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	6.3	7.0	7.6	34.1	002206
403	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	06/10/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	6.0	8.3	5.6	34.1	007017
404	HOÀNG ANH ĐỨC	01/07/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.5	5.5	6.0	34	002077
405	NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	31/01/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.3	6.8	4.0	34	002075
406	VŨ PHƯƠNG LINH	08/08/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.3	5.3	7.0	34	002152
407	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	29/03/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	7.5	7.5	4.0	34	007252
408	VŨ ĐỨC THỊNH	29/05/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	7.3	6.3	7.0	34	015119
409	VŨ BÁ HIẾU	23/08/2009	8C5	THCS NAM SƠN	7.0	8.3	3.5	34	014079
410	NGUYỄN ĐĂNG VINH	05/01/2009	8A5	THCS AN HỒNG	7.0	7.0	6.0	34	004249
411	NGUYỄN LÊ HOÀNG ANH	26/03/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	7.0	6.0	34	012004
412	VŨ NGỌC MAI	20/10/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	6.5	8.0	5.0	34	001150
413	VŨ ĐỨC DUY	13/11/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.3	8.0	5.4	34	010037
414	ĐÀO NGỌC DIỆP	18/07/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	6.0	7.8	6.4	34	007053
415	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	26/07/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	8.0	34	012042
416	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	02/01/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	5.8	9.0	4.4	34	007090
417	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	03/08/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.5	7.5	8.0	34	008077
418	BÙI QUỲNH ANH	29/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	7.5	7.8	3.4	33.9	014006
419	PHAN HOÀNG ANH	20/06/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	6.3	6.8	33.9	005016
420	NGUYỄN MINH THIÊN	08/04/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.8	6.4	33.9	002221

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
421	ĐỖ VIỆT ANH	21/02/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.8	7.5	5.4	33.9	008004
422	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	28/06/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.8	7.0	6.4	33.9	002004
423	NGÔ TUẤN HIỆP	30/11/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	7.3	6.4	33.9	009058
424	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	23/12/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.3	7.0	7.4	33.9	016047
425	TRỊNH DUY VŨ	03/08/2009	8C6	THCS AN HƯNG	6.0	8.3	5.4	33.9	005242
426	NGUYỄN LÊ TÙNG LÂM	25/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.3	8.5	6.4	33.9	007136
427	ĐOÀN PHƯƠNG LINH	25/06/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.3	8.0	9.4	33.9	008070
428	NGUYỄN MAI CHI	09/10/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.5	6.0	6.8	33.8	002044
429	VŨ MINH HIẾU	26/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.0	6.8	33.8	016076
430	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC VINH	24/12/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	7.5	5.0	8.8	33.8	002257
431	NGUYỄN HUY HOÀNG	10/02/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	7.0	7.0	5.8	33.8	007105
432	PHẠM PHƯƠNG THẢO	19/12/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.0	6.5	6.8	33.8	004205
433	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG UYÊN	28/11/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.0	7.8	33.8	002251
434	NGÔ THÁI AN	18/02/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.8	6.8	6.8	33.8	006001
435	HOÀNG MINH VƯƠNG	20/09/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.5	8.0	4.8	33.8	004252
436	LÊ ANH THƯ	29/05/2009	8C	THCS BẮC SƠN	6.5	7.0	6.8	33.8	006109
437	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	22/02/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	6.5	6.5	7.8	33.8	013065
438	NGUYỄN HÀ ANH	06/05/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.3	7.8	5.8	33.8	008005
439	NGÔ THÙY DƯƠNG	29/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.3	7.3	6.8	33.8	003037
440	NGUYỄN TRỌNG THÁI AN	04/09/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.3	8.3	6.8	33.8	007004
441	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	25/06/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.5	6.8	33.8	010011
442	NGUYỄN THỊ MAI ANH	08/09/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	5.0	7.5	8.8	33.8	013014
443	TRẦN GIA HUY	13/04/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	8.5	4.8	7.2	33.7	013073
444	LÊ MINH HOÀNG	21/10/2009	8A1	THCS AN HỒNG	8.3	6.5	4.2	33.7	004072
445	ĐÌNH PHƯƠNG TRINH	02/03/2009	8C2	THCS AN HƯNG	8.0	5.8	6.2	33.7	005217
446	PHAN VĂN MINH HIẾU	24/09/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	8.0	5.0	7.7	33.7	016075
447	NGUYỄN ĐỨC SƠN	30/12/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	7.3	7.5	4.2	33.7	007239
448	TRẦN MINH NGHĨA	17/07/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.3	6.5	6.2	33.7	002184
449	MAI TRUNG HẬU	24/02/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.5	8.7	33.7	016072
450	NGUYỄN ANH QUÂN	28/12/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.8	7.5	5.2	33.7	014180

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
451	LÊ NGỌC ĐÀN	09/06/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.8	7.0	6.2	33.7	004048
452	ĐÌNH THU HÀ	22/02/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	7.0	7.2	33.7	009041
453	ĐÌNH VĂN ĐẠT	30/06/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.0	7.3	7.2	33.7	006031
454	NGUYỄN NGHĨA THÀNH	22/02/2009	8C4	THCS NAM SƠN	5.8	7.5	7.2	33.7	014195
455	NGUYỄN NGỌC LAN	15/11/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.8	8.5	7.2	33.7	008064
456	VŨ THỊ BẢO NGỌC	13/09/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.3	6.0	7.0	33.6	012066
457	HÀ MỸ KỲ	24/09/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	7.5	4.6	33.6	009093
458	BÙI THỊ CHÂM ANH	02/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.0	7.0	5.6	33.6	005005
459	ĐOÀN ÁNH DƯƠNG	19/12/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.0	5.6	33.6	001050
460	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	19/06/2009	8A3	THCS AN HỒNG	7.0	6.5	6.6	33.6	004089
461	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	28/12/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.5	6.6	33.6	002082
462	PHẠM NGUYỄN TÚ UYÊN	24/09/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	6.3	7.0	33.6	012092
463	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	05/08/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	7.0	6.0	7.6	33.6	001132
464	NGUYỄN TẤN VŨ	16/05/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.5	7.0	6.6	33.6	002260
465	ĐÀO ĐỨC TÀI	21/09/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.0	7.5	6.6	33.6	006097
466	ĐÀO KHÁNH HUYỀN	07/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	5.8	8.3	5.4	33.6	007116
467	TRẦN NGỌC THỦY	24/07/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.5	8.8	5.0	33.6	010168
468	NGÔ VIỆT DŨNG	02/06/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.3	8.0	7.0	33.6	010039
469	TRẦN PHƯƠNG HẠNH	26/01/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	7.6	33.6	010059
470	NGUYỄN MẠNH HẢO	31/08/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	7.6	33.6	010058
471	ĐOÀN ĐỨC LỘC	11/12/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	8.3	5.5	6.0	33.5	002154
472	LÊ THỊ HẰNG	01/01/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.3	7.0	5.0	33.5	004059
473	VŨ ĐẶNG HẢI SƠN	11/10/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.3	6.5	6.0	33.5	002210
474	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	27/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.8	6.5	7.0	33.5	015103
475	LÊ NGUYỄN ANH KHOA	17/09/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.5	7.8	5.0	33.5	014101
476	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	24/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.3	7.5	6.0	33.5	015125
477	NGUYỄN DƯƠNG GIA BẢO	12/07/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.0	6.8	7.9	33.5	005027
478	TRƯƠNG BẢO CHÂU	28/09/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	5.8	8.0	6.0	33.5	007040
479	LƯU THỊ MINH TÂM	13/08/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	5.8	8.0	6.0	33.5	001200
480	LÊ NGỌC CHÂU	20/04/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	5.8	7.0	8.0	33.5	015019

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
481	LÊ MẠNH QUÝ	10/08/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	9.0	5.0	5.4	33.4	016201
482	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	28/06/2009	8B	THCS BẮC SƠN	7.3	7.3	4.4	33.4	006134
483	ĐẶNG QUANG PHONG	30/04/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	7.0	6.5	6.4	33.4	015099
484	MAI BẢO KHÁNH	10/01/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	6.8	7.5	4.8	33.4	011059
485	PHẠM MINH ANH	26/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.8	7.5	4.9	33.4	014019
486	PHAN HƯƠNG GIANG	10/12/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.3	7.0	6.8	33.4	010054
487	TRẦN ĐÌNH TUẤN ANH	11/12/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	6.0	8.0	5.4	33.4	007023
488	BÙI HẢI ĐĂNG	23/08/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.0	7.0	7.4	33.4	008032
489	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	13/03/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.3	9.0	4.9	33.4	014046
490	LƯU DIỄM QUỲNH	06/08/2009	8C6	THCS AN HƯNG	5.0	7.5	8.4	33.4	005185
491	NGUYỄN NGỌC ANH	13/11/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	4.8	8.8	6.4	33.4	007015
492	BÙI XUÂN LƯƠNG	02/02/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.5	5.3	5.8	33.3	002155
493	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	19/02/2009	8C1	THCS NAM SƠN	7.5	5.8	6.8	33.3	014062
494	HOÀNG ANH TỬ	14/02/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	7.3	7.0	4.8	33.3	002243
495	DƯƠNG VĂN HẢI	21/07/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.8	8.0	3.8	33.3	015042
496	TRẦN MINH HOÀNG	12/01/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	7.3	33.3	016078
497	PHẠM PHƯƠNG THẢO	12/08/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.5	8.0	6.3	33.3	014200
498	PHẠM LƯƠNG HẢI	22/12/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	7.3	8.8	33.3	009048
499	NGUYỄN THANH THẢO	04/11/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.8	8.0	7.8	33.3	008124
500	LÊ QUANG LỘC	01/08/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	8.3	5.5	5.6	33.2	010108
501	HOÀNG LAN THÙY DƯƠNG	15/11/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.5	7.5	3.2	33.2	002059
502	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN KIẾT	16/02/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.3	6.3	6.2	33.2	002132
503	LÊ THỊ THU QUYÊN	30/11/2009	8A6	THCS AN HỒNG	7.3	6.3	6.2	33.2	004189
504	NGUYỄN QUỐC TUẤN	10/09/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.5	4.2	33.2	016255
505	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	07/04/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.0	5.2	33.2	016200
506	TẠ ĐỖ QUỲNH ANH	25/08/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.8	6.8	6.1	33.2	005017
507	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	13/09/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.0	7.0	7.2	33.2	008087
508	NGUYỄN THỊ HUẾ	20/01/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	5.5	8.0	6.2	33.2	007109
509	NGUYỄN ĐỨC ANH	20/06/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	5.0	8.0	7.2	33.2	007010
510	NGUYỄN MINH HIẾU	11/02/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	8.3	6.0	4.6	33.1	002094

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
511	VŨ NGỌC ANH	02/10/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	8.0	6.3	4.6	33.1	016016
512	NGUYỄN TUYẾT MAI	18/11/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	7.8	6.0	5.6	33.1	002158
513	ĐÀO QUỐC TÀI	18/09/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	6.8	7.3	5.0	33.1	007241
514	LƯƠNG THANH THÚY	14/01/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.8	6.0	7.6	33.1	016226
515	NGUYỄN BẢO CHÂM	02/02/2009	8C1	THCS NAM SƠN	5.5	8.3	5.6	33.1	014037
516	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	31/12/2009	8A	THCS LÊ LỢI	8.0	5.5	6.0	33	012059
517	NGUYỄN KHÁNH LINH	11/05/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.8	5.5	6.5	33	016123
518	DƯƠNG HẢI CƯỜNG	07/10/2009	8A2	THCS AN HỒNG	7.5	6.0	6.0	33	004036
519	ĐỖ CẨM LINH	27/03/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	6.5	6.0	33	012051
520	ĐỖ KHÁNH CHI	16/09/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	6.0	7.0	33	012012
521	NGUYỄN ÁNH LINH	01/04/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	6.8	7.0	5.5	33	011073
522	NGUYỄN QUỐC BẢO	20/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.8	6.3	7.0	33	016022
523	VŨ THỊ MINH THÚY	08/08/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.5	7.0	6.0	33	006108
524	ĐÀO THỊ PHƯƠNG ANH	25/08/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	7.3	6.0	33	009004
525	PHẠM THÙY DƯƠNG	03/10/2009	8A4	THCS AN HỒNG	6.3	7.0	6.5	33	004046
526	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG THẢO	29/09/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	7.0	7.0	33	008123
527	TRẦN THỊ MINH GIANG	08/08/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	7.0	33	001068
528	NGUYỄN HÀ LINH	15/01/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.0	6.5	8.0	33	015073
529	PHẠM THANH VÂN	15/06/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	5.5	8.0	6.0	33	016263
530	NGUYỄN THỊ HUYỀN	17/01/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	5.5	7.0	8.0	33	010078
531	NGUYỄN VĂN PHÚC	30/07/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	5.0	8.3	6.5	33	007214
532	ĐỖ MAI TRANG	17/05/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.8	6.0	5.4	32.9	002232
533	LƯU THỊ QUỲNH ANH	13/04/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.5	5.8	6.4	32.9	002018
534	VŨ BÍCH PHƯƠNG	24/07/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	6.5	5.4	32.9	009147
535	VŨ THANH TÚ	17/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.0	5.3	8.4	32.9	005233
536	NGUYỄN THỊ HUYỀN	17/07/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.3	8.0	4.4	32.9	003072
537	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	20/07/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	6.0	6.8	7.4	32.9	013110
538	PHẠM ANH THƯ	12/08/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	6.8	7.0	5.2	32.8	010173
539	BÙI MINH CHÂU	31/12/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.3	5.8	4.8	32.8	002039
540	BÙI ĐỨC CẢNH	01/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	8.0	5.5	5.8	32.8	005031

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
541	CAO NGỌC ANH	28/12/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.0	5.5	5.8	32.8	002005
542	NGUYỄN THÁI HƯNG	11/12/2009	8A3	THCS AN HỒNG	7.8	6.0	5.3	32.8	004088
543	LÊ HẢI MINH	24/02/2009	8C5	THCS NAM SƠN	7.3	5.0	8.3	32.8	014133
544	CHU MINH KHÔI	19/03/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.0	6.5	5.8	32.8	004100
545	NGUYỄN HÀ ANH	19/02/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.0	6.0	6.8	32.8	016010
546	VŨ THỊ THU NGÀ	24/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.8	6.3	6.8	32.8	014151
547	BÙI TIẾN THÀNH	10/09/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	6.5	7.0	5.8	32.8	007248
548	NGÔ TRẦN QUYẾT	09/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.5	7.0	5.8	32.8	003150
549	NGUYỄN TỬ GIANG	12/10/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.5	8.8	32.8	016066
550	NGUYỄN NGỌC DIỆP	11/07/2009	8C3	THCS AN HƯNG	6.3	6.5	7.3	32.8	005038
551	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	20/09/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.0	7.5	5.8	32.8	004257
552	PHẠM NGỌC NGUYỄN ANH	09/07/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	5.5	8.0	5.8	32.8	008009
553	ĐẶNG HÀ LINH	21/03/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	5.5	7.5	6.8	32.8	011070
554	VŨ HUYỀN TRANG	10/06/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	5.5	6.5	8.8	32.8	013161
555	PHẠM NHẤT NAM	17/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.5	6.3	5.2	32.7	002179
556	NGUYỄN MINH ĐỨC	25/09/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.5	5.5	6.7	32.7	016062
557	TRẦN NGUYỄN HÀ LINH	25/05/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.5	5.3	7.2	32.7	002151
558	PHẠM MAI ANH	04/09/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.3	7.0	4.2	32.7	001022
559	PHẠM THÙY CHI	04/03/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	6.8	4.6	32.7	005034
560	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	30/10/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.3	6.0	6.2	32.7	016217
561	ĐỖ GIA LINH	17/07/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.3	5.0	8.2	32.7	002140
562	LƯU KHÁNH VY	05/04/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.8	6.3	6.7	32.7	005246
563	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	28/05/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.8	6.2	32.7	016142
564	ĐÀO HẢI NAM	08/10/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.3	7.0	6.2	32.7	016162
565	BÙI KHÁNH HUYỀN	14/01/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.3	7.0	6.2	32.7	004082
566	ĐINH QUANG KHÁNH	14/04/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	7.0	6.2	32.7	009084
567	PHẠM HOÀNG NAM	25/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.5	7.7	32.7	016165
568	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	19/04/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.8	7.5	6.2	32.7	014014
569	NGUYỄN THỊ HÀ VÂN	01/02/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	5.0	6.8	9.2	32.7	013177
570	LÊ MINH ĐẠT	14/07/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.0	6.5	3.6	32.6	002071

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
571	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	19/01/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	7.8	2.6	32.6	009159
572	NGUYỄN ANH THƯ	13/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	7.0	6.5	5.6	32.6	015123
573	LƯƠNG HÀ PHƯƠNG	18/03/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	7.0	6.0	6.6	32.6	015102
574	NGUYỄN TIẾN MINH	29/08/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.5	7.0	5.6	32.6	015085
575	NGUYỄN QUANG DŨNG	31/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.8	6.1	32.6	016044
576	HOÀNG TRUNG DŨNG	22/07/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.0	7.6	32.6	016041
577	NGUYỄN THỊ KIM PHÚC	06/06/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.3	7.0	6.1	32.6	005171
578	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	03/10/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	6.6	32.6	012026
579	TRƯƠNG ANH ĐỨC	05/05/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	7.0	6.6	32.6	008037
580	VŨ DIỆU LINH	16/04/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	6.0	6.5	7.6	32.6	013090
581	NGUYỄN VIỆT HUY	11/07/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.8	7.5	6.0	32.6	007114
582	TRÌNH TIẾN ĐẠT	21/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.5	6.6	32.6	007070
583	NGUYỄN THỊ HẬU	06/05/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.3	7.3	7.6	32.6	008044
584	HOÀNG THỊ MINH HÒA	04/05/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	5.0	8.3	6.0	32.6	007108
585	VŨ ĐÌNH THẾ VINH	06/12/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	8.3	6.0	4.0	32.5	001251
586	TRẦN THỊ HẢI YẾN	02/02/2009	8C6	THCS AN HƯNG	7.8	6.5	4.0	32.5	005253
587	PHẠM ĐỨC HIẾU	20/11/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.3	5.5	7.0	32.5	002095
588	HOÀNG BẢO PHƯƠNG	05/10/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	7.3	4.0	32.5	009143
589	NGUYỄN THỊ TRINH	11/12/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.0	4.5	32.5	016246
590	NGUYỄN TRẦN THẾ TUẤN	05/02/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.0	6.3	6.0	32.5	008148
591	NGUYỄN MAI TUỆ ANH	15/04/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	6.8	7.5	4.0	32.5	001018
592	TRẦN THỊ THANH MAI	09/01/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	6.8	7.0	5.0	32.5	016147
593	TẠ QUỲNH ANH	14/09/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.8	5.0	9.0	32.5	002028
594	NGUYỄN THỊ HUYỀN	08/11/2009	8A5	THCS AN HỒNG	6.5	8.0	3.5	32.5	004084
595	NGUYỄN HẢI ANH	23/10/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	6.5	6.8	6.0	32.5	007011
596	TRẦN ĐỨC TRỌNG	15/03/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.3	7.5	5.0	32.5	003181
597	BÙI MINH THƯ	22/02/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	5.8	7.0	7.0	32.5	001219
598	NGUYỄN THUẬN ĐỨC	02/08/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.5	7.8	6.0	32.5	008034
599	TRẦN BÙI QUANG ANH	28/06/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	4.5	8.3	7.0	32.5	007022
600	NGUYỄN NHẬT NAM	07/10/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	8.0	6.0	4.4	32.4	001165

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
601	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	24/12/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	7.5	6.0	5.4	32.4	002225
602	NGUYỄN KHẮC ĐĂNG KHOA	25/11/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.3	6.3	5.4	32.4	002129
603	NGUYỄN TRẦN PHÚC ANH	14/12/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.3	6.0	5.9	32.4	016014
604	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	31/07/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.5	5.4	32.4	002072
605	LƯƠNG BÍCH NGỌC	02/10/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	6.5	7.0	5.4	32.4	016169
606	LÊ QUỐC DƯƠNG	12/05/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.3	6.8	6.4	32.4	006028
607	TRỊNH HẢI YẾN	13/11/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.5	9.0	3.4	32.4	014246
608	NGUYỄN VĂN TUẤN	05/09/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	7.4	32.4	001244
609	HOÀNG THỊ THANH TÚOÍ	08/01/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	5.3	8.5	4.8	32.4	007293
610	VŨ ĐỨC ANH	27/09/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	5.3	8.0	5.8	32.4	010016
611	VI THỊ TUYẾN	24/02/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	6.4	32.4	010189
612	PHẠM PHƯƠNG THẢO	08/12/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.8	9.0	4.9	32.4	014201
613	ĐOÀN NGỌC LINH	19/04/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	7.8	5.0	6.8	32.3	002139
614	NGUYỄN THÀNH NAM	17/02/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	7.3	7.0	3.8	32.3	001166
615	LƯƠNG ĐÌNH MINH	15/12/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.5	7.3	32.3	016154
616	PHAN HỮU HIỆP	05/10/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.8	7.0	4.8	32.3	002101
617	ĐỖ HỒNG HUẾ	25/06/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	6.5	6.0	7.3	32.3	002111
618	NGÔ VĂN MẠNH	13/12/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	5.0	8.3	5.8	32.3	007166
619	LÊ VĂN MẠNH TRÍ	12/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	7.3	5.8	6.0	32.2	012089
620	PHẠM THỊ HỒNG	18/05/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.3	5.3	7.0	32.2	012037
621	DUY NGỌC KHÁNH LINH	24/10/2009	8C3	THCS NAM SƠN	7.3	7.0	3.7	32.2	014108
622	LÊ MINH HẢI	30/04/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.0	7.0	4.2	32.2	004058
623	HOÀNG NHẬT MINH	24/11/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.8	5.8	7.2	32.2	016153
624	LƯU TRẦN BẢO NGỌC	27/11/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	8.0	3.2	32.2	009131
625	ĐỖ TRÂM ANH	22/06/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	6.0	7.5	5.2	32.2	016006
626	NGUYỄN PHƯƠNG VY	15/10/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.0	7.5	5.2	32.2	004254
627	HOÀNG THỊ MỸ LINH	30/07/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	6.0	7.0	6.2	32.2	007142
628	TRẦN ANH VŨ	27/04/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	8.2	32.2	001254
629	LÊ MẠNH CƯỜNG	01/11/2009	8C1	THCS NAM SƠN	5.8	7.3	6.2	32.2	014043
630	HOÀNG HẢI YẾN	11/09/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	5.5	8.0	5.2	32.2	015139

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
631	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI	25/12/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	6.2	32.2	010022
632	TRƯƠNG THỊ THÙY DƯƠNG	24/04/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	5.0	7.5	7.2	32.2	007065
633	NGUYỄN HỒNG QUÂN	14/01/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.5	8.5	6.2	32.2	007225
634	NGUYỄN THANH SƠN	20/04/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.3	8.3	7.2	32.2	014186
635	NGUYỄN ANH THƯ	29/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.8	6.5	5.6	32.1	015124
636	PHẠM BẢO NGỌC	02/02/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.5	5.6	32.1	002188
637	NGÔ HẢI LONG	14/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.8	6.0	6.6	32.1	003110
638	CHU KHÁNH LY	18/07/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.3	7.5	4.6	32.1	015079
639	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	25/10/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.8	6.6	32.1	002046
640	LÊ TUẤN ANH	14/08/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.5	7.8	5.6	32.1	006010
641	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	20/09/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	5.3	7.5	6.6	32.1	007243
642	MAI THÙY LINH	30/01/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	8.5	6.6	32.1	009101
643	ĐINH THỊ MINH ANH	30/10/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	8.0	5.0	6.0	32	002010
644	NGUYỄN THANH HÀ	01/10/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	7.8	6.3	4.0	32	002084
645	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	08/07/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	7.5	5.0	7.0	32	013078
646	CHU PHẠM KHÁNH LY	17/12/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.3	5.5	6.5	32	004127
647	BÀNG VIỆT HÙNG	12/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	6.5	5.0	32	016088
648	TRẦN TRỌNG MINH PHƯƠNG	22/04/2009	8A	THCS LÊ LỢI	7.0	6.0	6.0	32	012072
649	VŨ THANH TRÚC	09/04/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	7.0	5.5	7.0	32	010184
650	TRẦN THU HÀ	03/07/2008	8A2	THCS AN HỒNG	6.0	7.3	5.5	32	004057
651	PHẠM KHÁNH DƯƠNG	01/12/2009	8A4	THCS AN HỒNG	6.0	7.0	6.0	32	004045
652	VŨ ĐỨC TRUNG	30/03/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	6.0	32	001238
653	LÊ PHƯƠNG UYÊN	18/05/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	6.5	7.0	32	012091
654	NGUYỄN THỊ BẢO LÂM	04/11/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	5.5	6.5	8.0	32	013086
655	NGUYỄN ĐỨC NAM	26/04/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.0	8.5	5.0	32	007185
656	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	16/09/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.8	7.8	7.0	32	008155
657	ĐINH THỊ THANH THẢO	22/06/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	8.3	4.3	6.9	31.9	016216
658	ĐOÀN THỊ MAI ANH	22/01/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	7.8	5.0	6.4	31.9	002012
659	ĐỖ NGUYỄN HẢI ANH	05/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	7.3	6.0	5.4	31.9	016005
660	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	16/10/2009	8D	THCS BẮC SƠN	7.0	5.8	6.4	31.9	006030

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
661	BÙI PHƯƠNG THANH	18/05/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	6.8	7.0	4.4	31.9	001203
662	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	23/07/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	6.8	7.0	4.4	31.9	001025
663	PHẠM NGỌC KHÁNH	10/11/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.8	6.5	5.4	31.9	016099
664	VŨ NHẬT MINH	23/07/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	6.8	6.0	6.4	31.9	001162
665	DƯƠNG ANH ĐIỀN	25/11/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.8	5.5	7.4	31.9	009038
666	PHẠM KHÁNH DUY	13/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.5	8.3	2.4	31.9	014049
667	NGUYỄN KIM HỒNG	02/12/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.5	6.3	6.4	31.9	002110
668	VŨ ĐỖ VIỆT ANH	28/12/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.0	8.3	3.4	31.9	014026
669	NGUYỄN LAN ANH	21/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.8	7.0	6.4	31.9	003007
670	PHẠM TÀI LỘC	15/12/2009	8D	THCS AN HOÀ	7.0	6.0	5.8	31.8	003112
671	VŨ THỊ NGỌC LINH	06/07/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	7.0	5.5	6.8	31.8	013091
672	NGUYỄN VĂN NGHĨA	15/11/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.5	7.8	31.8	016168
673	TRẦN THỊ HẢI YẾN	15/11/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	6.8	31.8	001261
674	ĐỖ MINH TÂM	02/11/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.5	7.8	31.8	002212
675	LÊ THANH HÀ MY	18/03/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.3	7.3	6.8	31.8	014139
676	PHẠM NGỌC TUẤN ANH	05/09/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	5.8	31.8	010010
677	PHẠM HOÀNG DƯƠNG	14/11/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.5	5.3	6.2	31.7	008027
678	PHẠM THỊ NGỌC MAI	10/02/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.8	6.2	31.7	016144
679	VŨ DŨNG ANH	27/09/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	6.8	6.0	6.2	31.7	001030
680	TRẦN MINH THẢO	25/12/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	5.5	7.3	6.2	31.7	013151
681	NGUYỄN THỊ LAN ANH	05/11/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	5.5	7.3	6.2	31.7	007020
682	PHẠM YẾN NHI	15/08/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.3	7.0	7.2	31.7	008103
683	NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	10/08/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	7.5	5.5	5.6	31.6	015132
684	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	31/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.5	4.8	7.0	31.6	005176
685	CAO THỊ THU TRANG	04/08/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	7.3	5.0	7.0	31.6	010177
686	LÊ THỊ THANH THƯ	25/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	6.0	5.6	31.6	009176
687	NGUYỄN HỮU BÌNH	03/12/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.5	6.6	31.6	016023
688	NGUYỄN LƯƠNG MINH HOÀNG	07/03/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.5	5.1	31.6	002104
689	HOÀNG THỊ HUƠNG	25/01/2009	8E	THCS AN HOÀ	6.5	7.0	4.6	31.6	003078
690	NGUYỄN HOÀNG BẢO LINH	21/09/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.5	5.0	8.6	31.6	002144

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
691	ĐINH PHƯƠNG ANH	24/07/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	5.6	31.6	001006
692	ĐỖ THẢO ANH	12/12/2009	8A6	THCS AN HỒNG	6.0	6.5	6.6	31.6	004010
693	ĐÀO TUẤN MINH	25/01/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	5.8	7.3	5.6	31.6	007168
694	BÙI THỊ THÙY DUYÊN	07/03/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.8	7.0	6.1	31.6	003030
695	HOÀNG THỊ MINH THƯ	27/08/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	5.3	8.0	5.0	31.6	007268
696	VŨ QUỐC VIỆT	22/01/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.5	6.6	31.6	010195
697	NGUYỄN THỊ LAN HOA	21/07/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.8	8.0	31.6	010069
698	HOÀNG GIA HUY	12/09/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	4.8	6.5	9.1	31.6	002112
699	LƯƠNG TUẤN DƯƠNG	09/01/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.0	5.8	4.0	31.5	002061
700	PHẠM THU VÂN	19/10/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	7.8	5.0	6.0	31.5	002254
701	CHU ĐỨC DUY	07/03/2009	8A5	THCS AN HỒNG	6.5	7.0	4.5	31.5	004041
702	PHAN BẢO NGỌC	22/10/2009	8A3	THCS AN HỒNG	6.5	6.3	6.0	31.5	004160
703	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	18/08/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.5	5.3	8.0	31.5	004163
704	ĐINH HẢI ANH	16/12/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.3	6.0	7.0	31.5	002008
705	LƯU VĂN AN	27/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.8	7.5	5.0	31.5	003001
706	BÁ XUÂN TUẤN TỬ	27/01/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	5.8	7.0	6.0	31.5	001245
707	ĐẶNG NGỌC BẢO QUYÊN	13/01/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	5.3	7.0	7.0	31.5	001194
708	NGUYỄN HOÀNG LONG	11/12/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.5	8.0	6.5	31.5	016133
709	ĐỒNG THỊ THANH THẢO	04/10/2009	8C	THCS LÊ LỢI	7.0	5.3	6.8	31.4	012082
710	VŨ NGỌC HÀ	30/08/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.5	6.0	2.4	31.4	002085
711	NGUYỄN THỊ HÀ VY	12/12/2009	8A6	THCS AN HỒNG	7.5	6.0	4.4	31.4	004255
712	PHẠM YẾN CHI	30/09/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.6	5.0	8.2	31.4	016027
713	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	16/09/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.5	6.5	5.4	31.4	010179
714	NGUYỄN THU TRANG	01/01/2009	8B	THCS BẮC SƠN	6.5	6.5	5.4	31.4	006114
715	VŨ VĂN MẠNH	11/06/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	6.5	6.0	6.4	31.4	001153
716	LƯU NGỌC HÂN	27/03/2009	8C1	THCS AN HÙNG	6.0	7.0	5.4	31.4	005064
717	BÙI THỊ THANH LOAN	19/11/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	6.0	6.5	6.4	31.4	007153
718	NGÔ VŨ HÀ ANH	29/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.0	7.0	7.4	31.4	003006
719	TRẦN MINH HOÀNG	08/08/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	8.3	8.4	31.4	009063
720	ĐỖ THU PHƯƠNG	01/01/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	7.8	7.0	1.8	31.3	001185

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
721	NGUYỄN THẾ NGUYỄN	06/08/2009	8C4	THCS NAM SƠN	7.8	6.0	3.8	31.3	014157
722	LÊ ANH TUẤN	09/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.5	5.0	6.3	31.3	016252
723	LÊ THÚY HẠNH	14/07/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	4.3	8.8	31.3	009049
724	NGUYỄN VIỆT HÀ	04/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.5	7.0	4.3	31.3	005061
725	NGUYỄN DIỆU LINH	21/05/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	6.5	7.0	4.3	31.3	011074
726	NGUYỄN TIẾN DŨNG	06/09/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.8	6.5	6.8	31.3	003035
727	ĐINH HỒNG DƯƠNG	12/02/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.8	6.5	6.8	31.3	016045
728	PHẠM NGUYỄNTHUYỀN LINH	09/12/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	5.3	7.0	6.8	31.3	001134
729	BÙI QUANG KHANH	20/12/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	8.0	5.5	4.2	31.2	010085
730	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	23/05/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	4.5	8.2	31.2	009050
731	NGUYỄN GIA HUY	26/02/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.8	4.2	31.2	002115
732	LƯU HOÀNG HẢI	21/02/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.5	7.0	4.2	31.2	014067
733	LÊ MAI LOAN	20/10/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.3	6.0	6.7	31.2	005124
734	LÊ MAI TRANG	29/10/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.0	6.8	5.7	31.2	004221
735	NGÔ THANH TRÚC	29/03/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	5.5	5.5	9.2	31.2	013164
736	NGUYỄN THỊ MAI LAN	27/01/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	5.3	7.3	6.2	31.2	007135
737	TRỊNH THỊ XUÂN QUÝ	26/11/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.0	8.0	5.2	31.2	003152
738	NGUYỄN VĂN NGHĨA	14/04/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	4.0	7.0	9.2	31.2	007190
739	NGUYỄN QUỲNH THƯƠNG	02/03/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	8.0	5.3	4.6	31.1	002226
740	NGÔ QUANG PHÚ	11/04/2009	8A3	THCS AN HỒNG	7.8	6.0	3.6	31.1	004172
741	LÊ HOÀNG YẾN	18/01/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.3	8.0	2.6	31.1	003196
742	NGUYỄN THANH VY	01/06/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	6.3	7.0	4.6	31.1	001255
743	PHẠM VĂN PHONG	02/01/2009	8A6	THCS AN HỒNG	6.3	6.5	5.6	31.1	004171
744	NGUYỄN ĐỨC HOÀN	18/01/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	6.3	6.0	6.6	31.1	015048
745	TRẦN MINH HIẾU	29/07/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.3	6.0	6.6	31.1	005070
746	TRƯƠNG THỊ LOAN	01/06/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	6.0	6.8	5.6	31.1	013092
747	LƯU THỊ HƯƠNG GIANG	07/09/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	6.0	5.8	7.6	31.1	013056
748	NGUYỄN THỊ THU GIANG	02/06/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.5	8.0	4.1	31.1	014060
749	HOÀNG NGỌC DOANH	20/10/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	4.8	7.8	6.0	31.1	007054
750	NGÔ THỊ THANH HƯƠNG	21/08/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.3	9.0	4.6	31.1	003076

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
751	PHẠM NGỌC HÀ	14/09/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.3	7.8	7.0	31.1	007083
752	NGUYỄN ĐỨC ANH	16/01/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.5	6.5	3.0	31	001015
753	LÊ MẠNH HẢI	17/04/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	7.0	5.5	6.0	31	002086
754	ĐỖ ĐỨC KHANG	30/04/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.5	6.0	6.0	31	002120
755	HÀ PHƯƠNG THẢO	03/02/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	6.5	6.0	6.0	31	001209
756	HOÀNG TIẾN MẠNH	01/07/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	6.5	5.0	8.0	31	013098
757	ĐỖ KHÁNH LY	20/11/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	6.5	6.0	31	012057
758	NGUYỄN ĐÌNH LONG	14/01/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	6.0	7.0	31	012056
759	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/09/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	5.5	8.0	31	008083
760	VŨ THÙY CHI	08/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.8	7.5	4.5	31	003022
761	HOÀNG ĐÌNH THẮNG	13/01/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	5.8	7.3	5.0	31	007255
762	PHẠM THẾ TUẤN	05/08/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.5	5.0	31	007285
763	TRẦN VŨ HƯƠNG TRÀ	26/10/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	5.5	5.5	9.0	31	013163
764	VŨ GIA BẢO	12/09/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	4.8	7.8	6.0	31	007036
765	CAO NGỌC BÍCH	16/10/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	4.5	8.0	6.0	31	001034
766	ĐOÀN HUY VŨ	17/04/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.5	8.0	6.0	31	007301
767	ĐỖ THỊ HỒNG NGÁT	18/06/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	9.0	6.0	31	008090
768	VŨ THỊ THU HIỀN	28/01/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	3.5	8.0	8.0	31	001078
769	BÙI THẢO MY	09/03/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	7.5	5.8	4.4	30.9	009122
770	NGUYỄN CẨM LY	09/11/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.3	5.0	6.4	30.9	004128
771	VŨ HẢI PHƯƠNG	23/09/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	6.8	7.0	3.4	30.9	001187
772	ĐỖ TRẦN MINH TRANG	09/06/2009	8A2	THCS AN HỒNG	6.5	6.8	4.4	30.9	004220
773	LƯU THỊ THU HIỀN	16/07/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.5	6.5	4.9	30.9	005067
774	NGUYỄN THU TRANG	09/11/2009	8D	THCS AN HOÀ	5.3	9.0	2.4	30.9	003179
775	NGUYỄN NGỌC TRUNG KIÊN	15/12/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	5.3	7.0	6.4	30.9	001118
776	NGÔ ĐỨC HOÀN	15/12/2009	8E	THCS AN HOÀ	5.0	7.8	5.4	30.9	003062
777	VŨ ANH KIỆT	23/06/2009	8A1	THCS AN HỒNG	4.8	7.0	7.4	30.9	004104
778	VŨ MINH HIẾU	04/11/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.0	6.5	3.8	30.8	004068
779	PHẠM KHÁNH LINH	03/12/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.8	6.3	4.8	30.8	009104
780	DƯƠNG TRƯỜNG ANH ĐỨC	12/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	6.5	6.5	4.8	30.8	001061

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
781	LÊ QUỐC HẢI	07/04/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.0	7.0	4.8	30.8	006038
782	LƯU LINH BĂNG	01/01/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.8	8.5	2.3	30.8	014033
783	QUẢN MINH TRANG	08/10/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	5.8	30.8	001235
784	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	24/10/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	7.8	30.8	016065
785	PHÙNG KHÁNH LINH	01/07/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	5.0	8.0	4.8	30.8	001137
786	CAO THỊ QUỲNH NGA	09/07/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	5.0	7.0	6.8	30.8	015091
787	NGUYỄN ĐỨC CÔNG	05/12/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.5	8.0	5.8	30.8	010028
788	PHẠM LÊ MINH	10/12/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	5.0	6.2	30.7	005142
789	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	28/12/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.0	5.2	30.7	002049
790	PHẠM QUỐC ANH	22/10/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	6.8	6.0	5.2	30.7	001024
791	NGUYỄN TUỆ LINH	08/06/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	6.5	5.3	7.2	30.7	013088
792	TỔNG THỊ KHÁNH NHI	05/11/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.3	8.0	2.2	30.7	003132
793	TRẦN MINH TUỆ	12/11/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.3	7.0	4.2	30.7	002240
794	TRƯƠNG MINH ĐỨC	16/07/2009	8C3	THCS AN HƯNG	6.3	5.0	8.2	30.7	005053
795	VŨ HOÀNG CẨM TÚ	03/11/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.8	5.2	30.7	002248
796	THÂN THẢO HƯƠNG	27/12/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	7.7	30.7	016092
797	LÊ HÀ NHẬT ANH	12/03/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.3	7.0	6.2	30.7	006004
798	KHÚC THANH HÀ	02/04/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	7.3	7.2	30.7	009043
799	TRƯƠNG MINH THƯ	05/11/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.3	9.8	2.7	30.7	014212
800	BÙI MINH HIẾU	23/01/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	4.3	7.5	7.2	30.7	002091
801	NGUYỄN THANH THẢO	04/11/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.5	5.0	5.6	30.6	004203
802	ĐINH NGỌC LINH	03/09/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.8	5.8	5.6	30.6	009097
803	LƯU QUANG MINH	29/10/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.5	7.0	3.6	30.6	003119
804	ĐỒNG THỊ THANH HÒA	06/09/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.3	6.0	6.0	30.6	012036
805	VŨ DƯƠNG MINH HIẾU	05/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	6.0	6.8	5.0	30.6	007099
806	LÊ THỊ TÚ QUỲNH	05/06/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.8	7.3	4.6	30.6	006095
807	NGÔ KHÁNH CHI	26/09/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	5.8	6.3	6.6	30.6	002043
808	TRẦN THỊ TRINH	06/10/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.8	3.0	30.6	010181
809	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	05/09/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	6.6	30.6	001052
810	LƯU ÁNH NGỌC	01/04/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.5	5.0	5.5	30.5	005155

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
811	ĐỖ QUANG VINH	14/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.5	6.8	4.0	30.5	014237
812	NGUYỄN NGỌC BẢO LONG	25/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	4.5	30.5	016134
813	PHẠM TUẤN MINH	04/06/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.3	6.0	30.5	016160
814	PHẠM ĐỨC LÂM	20/11/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	5.8	6.0	7.0	30.5	001123
815	BÙI NGỌC MINH	11/11/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.8	8.0	30.5	016151
816	LƯU VĂN LƯƠNG	24/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	5.3	7.0	6.0	30.5	016135
817	TRƯƠNG MỸ TÂY	12/11/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	5.0	6.8	7.0	30.5	013143
818	HOÀNG MAI NHƯ	07/12/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	4.8	8.0	5.0	30.5	007208
819	PHẠM ĐOÀN UYỂN CHI	01/10/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	4.8	7.0	7.0	30.5	001038
820	TRẦN THỊ PHƯƠNG	01/06/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.0	8.8	5.0	30.5	007219
821	CAO NGUYỆT TÚ	15/05/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	5.3	7.5	4.8	30.4	007290
822	VŨ ĐỨC TRƯỜNG	20/03/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.0	6.0	4.4	30.4	004231
823	LÊ NGỌC LINH	17/08/2009	8A2	THCS AN HỒNG	6.5	6.5	4.4	30.4	004115
824	VŨ THANH MAI	21/09/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	6.5	6.0	5.4	30.4	001151
825	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	13/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.0	7.0	4.4	30.4	003105
826	LÊ ANH THƯ	14/06/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.0	6.5	5.4	30.4	006110
827	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	18/12/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	6.4	30.4	001058
828	NGUYỄN LÊ THANH THẢO	21/09/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	5.4	30.4	001210
829	NGUYỄN ĐOÀN MAI TRÚC	10/11/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	5.4	30.4	001239
830	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG GIANG	03/10/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	5.5	6.0	7.4	30.4	001067
831	PHẠM KHÁNH HUYỀN	11/11/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	8.0	4.4	30.4	009073
832	LƯU ĐÀO HOÀN MỸ	19/05/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.0	7.5	5.4	30.4	003124
833	NGUYỄN BẢO YẾN	07/08/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.5	5.4	30.4	010201
834	PHẠM THỊ NGỌC LAN	23/06/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	6.4	30.4	010095
835	NGUYỄN THỊ BÌNH AN	02/04/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	4.5	8.0	5.4	30.4	007003
836	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	06/04/2009	8C4	THCS AN HƯNG	4.5	7.5	6.4	30.4	005177
837	ĐINH MINH CHÂU	18/12/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.3	5.0	3.8	30.3	002040
838	TRẦN QUANG MINH	01/03/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.5	6.3	4.8	30.3	014138
839	NGUYỄN HOÀNG VI THẢO	05/05/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.5	5.3	6.8	30.3	004202
840	NGUYỄN NGỌC KIỀU	13/09/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	6.3	7.0	3.8	30.3	011063

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
841	TRẦN VĂN MẠNH	06/08/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	6.3	6.0	5.8	30.3	001152
842	LƯƠNG KHÁNH NGỌC	10/01/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	7.8	2.8	30.3	009130
843	PHẠM THÙY CHI	30/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	4.5	7.8	5.8	30.3	007044
844	PHẠM SƠN TÙNG	17/09/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	8.0	3.5	7.2	30.2	002242
845	ĐÀO VĂN TÚ	30/06/2009	8D	THCS BẮC SƠN	7.5	5.0	5.2	30.2	006124
846	NGUYỄN HOÀI NAM	10/09/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	5.5	4.7	30.2	005149
847	NGUYỄN HOÀNG ANH NHẬT	05/01/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	7.0	5.0	6.2	30.2	001177
848	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	08/01/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.3	4.2	30.2	002080
849	LƯU HƯƠNG GIANG	15/02/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.3	7.0	3.7	30.2	005058
850	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	04/06/2009	8A5	THCS AN HỒNG	6.3	6.8	4.2	30.2	004075
851	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	23/03/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	6.3	6.0	5.7	30.2	016161
852	LÊ BÁCH MINH	08/01/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.0	7.0	6.2	30.2	006076
853	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	30/11/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	6.2	30.2	010023
854	PHẠM VĂN ĐỨC	05/05/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	6.0	8.2	30.2	008036
855	LƯU THẢO NGUYỄN	12/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	6.5	2.6	30.1	005159
856	VŨ BÁ LINH	22/05/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	6.8	6.0	4.6	30.1	001142
857	LÊ THỊ THÙY LIÊN	07/08/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	6.8	5.5	5.6	30.1	007139
858	NGUYỄN HOÀNG ANH	05/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	6.3	5.0	7.6	30.1	002019
859	ĐỖ THỊ MINH CHÂU	28/03/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.0	6.5	5.1	30.1	005032
860	VŨ QUỲNH CHI	12/11/2009	8C2	THCS AN HƯNG	5.5	6.8	5.5	30.1	005035
861	PHẠM GIA LONG	05/09/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	5.3	7.5	4.6	30.1	007158
862	TRẦN PHAN BẢO SƠN	20/10/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.3	6.0	7.6	30.1	014187
863	BÙI ĐÌNH HẢI SƠN	20/04/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	4.8	7.5	5.6	30.1	007235
864	TRẦN NGUYỄN TUÔNG VY	01/10/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	3.8	8.8	5.0	30.1	007305
865	TẠ VĂN TIẾN	12/01/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.5	3.5	8.0	30	008131
866	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	19/11/2009	8D	THCS BẮC SƠN	7.0	6.0	4.0	30	006047
867	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	22/11/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	6.8	6.0	4.4	30	011123
868	NGUYỄN ĐỖ TRUNG HIẾU	27/07/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.8	5.8	5.0	30	002093
869	NGUYỄN THÀNH LONG	08/06/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.5	5.5	6.0	30	003111
870	TRẦN NGỌC ANH	25/11/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.5	5.5	6.0	30	012010

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
871	TRẦN THUỖ LINH	18/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	4.0	30	001141
872	BÙI KHÁNH PHƯƠNG	15/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.0	6.5	5.0	30	003143
873	VŨ HOÀNG LINH	10/01/2009	8C2	THCS AN HƯNG	5.8	6.5	5.5	30	005120
874	NGUYỄN THỊ THUỖ	02/02/2008	8B	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	5.0	30	001216
875	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	28/03/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.5	6.8	5.4	30	010169
876	NGUYỄN BẢO NAM	26/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	4.8	6.8	7.0	30	015089
877	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	21/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	4.3	7.8	6.0	30	007030
878	AN HÀ ANH	06/01/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.8	8.8	4.9	30	014005
879	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	13/01/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	6.5	6.3	4.4	29.9	007048
880	NGÔ THỊ TUỒNG VY	19/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.8	8.0	2.4	29.9	003193
881	PHẠM ANH THƯ	20/11/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	6.5	7.4	29.9	008130
882	VŨ VINH HƯNG	19/03/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	7.0	4.5	6.8	29.8	010083
883	BÙI KIM THÀNH	04/10/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	6.8	5.5	5.2	29.8	010157
884	HOÀNG ANH KIỆT	29/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.8	4.8	6.8	29.8	008062
885	ĐÀO THẾ HÙNG	08/10/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	6.5	5.5	5.8	29.8	007121
886	NGUYỄN PHÚC ĐẠT	04/09/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.3	5.0	7.2	29.8	010046
887	TRẦN THÀNH PHÁT	16/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	6.3	7.0	3.3	29.8	014170
888	TỔNG THỊ HOÀNG ANH	02/11/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.0	7.0	3.8	29.8	003011
889	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	12/01/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	6.0	5.8	29.8	008029
890	TỔNG PHÚ NHẬT MINH	25/03/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.0	5.3	7.3	29.8	002175
891	LƯU VĂN BẢO	17/02/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.5	7.0	4.8	29.8	003018
892	NGÔ THÀNH ĐẠT	02/07/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	5.5	6.5	5.8	29.8	010045
893	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHANG	01/10/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	6.8	29.8	016094
894	TRẦN NHƯ ANH	20/03/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.5	7.8	29.8	002029
895	TRẦN ĐỨC HIẾU	22/07/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	5.0	7.5	4.8	29.8	007096
896	VŨ THỊ BÍCH HẰNG	05/09/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.5	6.8	29.8	010064
897	NGUYỄN HỒ QUỲNH HƯƠNG	18/06/2009	8A	THCS AN HOÀ	4.5	8.0	4.8	29.8	003077
898	THÁI DOÃN TUẤN ANH	02/11/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.8	5.3	5.6	29.7	005018
899	MAI NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	24/05/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.3	5.0	5.2	29.7	002156
900	VŨ HOÀNG QUỐC VIỆT	22/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	7.3	4.0	7.2	29.7	002256

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
901	PHẠM THỊ NGỌC MAI	19/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	6.8	5.0	6.2	29.7	016145
902	MAI TRUNG MINH	29/11/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.0	6.7	29.7	016155
903	VŨ XUÂN SƠN	29/07/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	6.3	7.0	3.2	29.7	007240
904	NGUYỄN THỊ KIM CHI	14/07/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.8	5.5	7.2	29.7	016026
905	PHẠM MINH THIỆN	24/07/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.8	5.0	8.2	29.7	014204
906	VŨ THỊ BẢO YẾN	09/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	5.5	6.5	5.7	29.7	005255
907	NGUYỄN HUY TRỌNG	17/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.3	8.0	3.2	29.7	014223
908	NGUYỄN TUẤN ANH	02/01/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	5.0	5.8	8.2	29.7	013017
909	TỔNG THỊ MINH THUẬN	09/01/2009	8C	THCS AN HOÀ	4.3	9.0	3.2	29.7	003168
910	NGUYỄN MẠC NGỌC LINH	25/06/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	4.3	8.0	5.2	29.7	007147
911	ĐẶNG HOÀNG ĐẠT	01/01/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	8.0	2.0	9.6	29.6	016053
912	TRẦN KHÁNH LINH	22/11/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	7.3	5.0	5.0	29.6	010101
913	VŨ THỊ TRANG	23/02/2009	8A	THCS BẮC SƠN	6.0	6.0	5.6	29.6	006115
914	BÙI QUANG HƯNG	17/06/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	5.8	6.0	29.6	012040
915	NGUYỄN THANH TOÀN	29/03/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.0	4.6	29.6	007273
916	PHẠM DUY ANH	09/08/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	4.6	29.6	001021
917	TRẦN THỊ MAI TRANG	31/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	5.5	7.0	4.6	29.6	016244
918	LƯU PHƯƠNG LINH	13/08/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.3	7.3	4.6	29.6	003102
919	VŨ PHƯƠNG ANH	27/09/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.0	7.0	5.6	29.6	003016
920	PHẠM VIỆT ANH	08/01/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	5.6	29.6	010014
921	NGUYỄN THÚY HUYỀN	05/04/2009	8A	THCS AN HOÀ	4.5	9.0	2.6	29.6	003073
922	PHẠM TRẦN MINH ANH	20/04/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	4.3	7.3	6.6	29.6	007021
923	TRẦN NGUYỄN THÙY DUNG	26/05/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	7.0	7.6	29.6	009031
924	ĐỖ THỊ HOÀNG LINH	06/02/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	3.5	8.0	6.6	29.6	015071
925	ĐỖ NGỌC CHÂM	24/10/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	7.0	5.3	5.0	29.5	002038
926	LÊ TRUNG KIÊN	01/01/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.5	5.5	29.5	016105
927	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	13/03/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.3	6.0	29.5	016184
928	PHẠM THỊ HOÀNG YẾN	25/11/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.3	6.5	4.0	29.5	006135
929	PHẠM GIA MINH	07/07/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	6.3	5.3	6.5	29.5	002174
930	NGÔ THANH THỦY	27/12/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.8	4.0	29.5	002224

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
931	TRẦN MAI CHI	04/06/2009	8A2	THCS AN HỒNG	6.0	6.0	5.5	29.5	004035
932	NGUYỄN QUỲNH ANH	11/10/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.8	6.0	6.0	29.5	016012
933	TRẦN MINH NGỌC	19/08/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	5.8	5.8	6.5	29.5	011090
934	ĐẶNG MINH TUẤN	20/09/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.5	5.5	29.5	016251
935	ĐOÀN THANH PHƯƠNG	30/04/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.5	6.3	6.0	29.5	004177
936	NGUYỄN PHẠM THÙY LINH	10/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	6.5	29.5	016126
937	VŨ KHÁNH LINH	11/01/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	5.3	5.0	9.0	29.5	011079
938	PHẠM MINH NHẬT	30/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	4.8	7.5	5.0	29.5	005162
939	NGUYỄN NGỌC ĐỨC ANH	05/05/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	4.8	6.5	7.0	29.5	007016
940	LƯƠNG THỊ HUẾ	18/02/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	6.0	8.0	29.5	008056
941	PHẠM AN CHÂU	02/08/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.3	7.0	7.0	29.5	001037
942	HOÀNG THỊ VIỆT TRINH	25/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	3.3	8.8	5.4	29.5	007278
943	ĐOÀN NGỌC QUANG	23/11/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	6.3	5.0	6.8	29.4	011110
944	PHẠM TRUNG HOÀNG HIỆP	11/11/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	6.0	6.8	3.8	29.4	007100
945	NGÔ NGỌC MAI	18/03/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.8	6.5	4.8	29.4	010113
946	NGUYỄN TRUNG THÀNH	11/03/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.5	6.0	2.4	29.4	009157
947	PHẠM KỲ PHƯƠNG	10/09/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	7.5	4.5	5.4	29.4	010138
948	PHẠM NHẬT ĐẠI	18/12/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.3	6.3	4.4	29.4	002070
949	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	08/05/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.0	8.0	1.4	29.4	003146
950	PHẠM NGUYỄN ĐỨC ANH	17/05/2009	8A3	THCS AN HỒNG	6.0	7.0	3.4	29.4	004023
951	KIM MARIA	20/05/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.0	5.4	29.4	016148
952	PHẠM THẾ ANH	16/03/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	5.0	6.5	6.4	29.4	011008
953	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC QUÂN	16/07/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	5.0	6.5	6.4	29.4	007224
954	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	02/03/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.8	7.0	5.9	29.4	014044
955	ĐỖ BẢO HIỆP	27/02/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.3	6.0	2.8	29.3	002099
956	LÊ VIỆT TRUNG	21/09/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.5	5.8	4.8	29.3	002237
957	NGÔ LÊ TIẾN ĐẠT	21/12/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.5	3.8	8.8	29.3	014056
958	LÊ NGỌC HÀ LINH	04/11/2009	8A3	THCS AN HỒNG	6.3	6.0	4.8	29.3	004116
959	LÊ QUỐC TÂN	20/10/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.3	4.5	7.8	29.3	014192
960	ĐỖ TUẤN KIỆT	03/06/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.3	4.8	29.3	002131

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
961	VŨ THÀNH LONG	22/08/2009	8C2	THCS AN HƯNG	5.8	5.0	7.8	29.3	005128
962	ĐOÀN THẾ TÂM	09/03/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.8	5.0	7.8	29.3	003155
963	PHẠM MINH ANH	26/01/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.3	8.0	2.8	29.3	004022
964	NGUYỄN TRẦN ĐAM	07/08/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.5	7.5	5.3	29.3	004047
965	TRƯƠNG HOÀNG MINH	05/10/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.5	7.3	5.8	29.3	007175
966	NGÔ THỊ DUNG	25/08/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.3	7.0	6.8	29.3	003027
967	NGUYỄN THỊ LAN ANH	19/08/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	4.0	6.8	7.8	29.3	013013
968	NGUYỄN PHƯỢNG HẢI ANH	24/04/2009	8C1	THCS AN HƯNG	5.0	6.3	6.6	29.2	005014
969	MAI TUẤN HÙNG	15/02/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.0	5.5	6.2	29.2	002118
970	PHẠM GIA HUY	04/09/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	6.0	5.0	7.2	29.2	013071
971	ĐÀO NHẬT PHƯƠNG	25/07/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.5	5.2	29.2	016191
972	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	31/03/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	5.3	6.3	6.2	29.2	002109
973	NGUYỄN MAI CHI	10/06/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	5.3	5.5	7.7	29.2	015021
974	PHẠM THỊ TUYẾT MAI	15/11/2009	8C1	THCS NAM SƠN	5.0	7.3	4.7	29.2	014130
975	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG VY	08/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.0	5.2	29.2	016274
976	ĐỒNG HẠ THẢO	18/08/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.0	6.5	6.2	29.2	004199
977	LÊ MINH THƯ	15/10/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	7.2	29.2	010171
978	ĐOÀN THỊ THÙY DƯƠNG	07/02/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.2	8.0	4.8	29.2	010041
979	LẠI HOÀNG TRUNG BÁCH	21/01/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	6.5	4.8	6.6	29.1	013031
980	LÊ QUANG HUY	20/07/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	4.3	8.6	29.1	009068
981	NGUYỄN HOÀNG THẢO VY	09/06/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	5.8	6.0	5.6	29.1	015138
982	NGUYỄN GIA HẬU	29/09/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	5.3	7.0	4.6	29.1	015046
983	VŨ MAI CHI	02/11/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	4.8	6.0	7.6	29.1	016028
984	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	02/04/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	4.3	7.5	5.6	29.1	007068
985	VŨ NHƯ BÌNH	17/10/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	2.8	7.8	8.1	29.1	015016
986	NGUYỄN MINH HIẾU	23/11/2009	8A5	THCS AN HỒNG	8.0	5.5	2.0	29	004064
987	VŨ ANH QUÂN	17/04/2009	8C	THCS LÊ LỢI	7.5	4.0	6.0	29	012077
988	NGUYỄN ĐỨC MINH	25/02/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.3	5.0	6.5	29	016156
989	VŨ THANH THÚY	11/05/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	5.5	6.0	29	012085
990	MAI NHƯ NGỌC	24/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.5	6.0	29	016170

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
991	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	08/02/2009	8B	THCS LÊ LỢI	6.0	5.5	6.0	29	012045
992	LÊ HƯƠNG GIANG	14/12/2009	8C1	THCS AN HƯNG	5.8	6.5	4.5	29	005057
993	MAI HOÀNG YẾN	21/12/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.5	7.0	4.0	29	016278
994	PHẠM HỮU TÙNG LÂM	06/09/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	5.5	6.5	5.0	29	007137
995	NGUYỄN HUY HOÀNG	24/04/2009	8A1	THCS AN HỒNG	5.5	6.5	5.0	29	004074
996	VŨ NGỌC HƯNG	29/01/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	5.5	5.5	7.0	29	007123
997	NGUYỄN PHẠM KHÔI NGUYỄN	14/08/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	5.3	7.0	4.5	29	011091
998	NGUYỄN PHẠM TRÀ LINH	03/10/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.0	7.0	5.0	29	007148
999	PHẠM QUỲNH CHI	23/03/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	7.0	29	010024
1000	PHẠM TUẤN CƯỜNG	29/10/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	6.0	7.0	29	008019
1001	VŨ THỊ THANH THỦY	03/07/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.8	6.3	7.0	29	015122
1002	TRẦN DƯƠNG DẠ THẢO	19/04/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	4.5	6.5	7.0	29	013150
1003	NGUYỄN TRÀ MY	26/12/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.3	8.3	4.0	29	007181
1004	LÊ MINH NGÀ	18/08/2009	8C5	THCS NAM SƠN	3.5	8.5	5.0	29	014149
1005	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	19/08/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.5	7.0	8.0	29	010043
1006	NGUYỄN XUÂN PHÚ	05/10/2009	8A2	THCS AN HỒNG	7.3	5.0	4.4	28.9	004173
1007	LƯU THẾ VŨNG	31/05/2009	8C6	THCS AN HƯNG	6.5	5.8	4.4	28.9	005243
1008	ĐÀO VĂN CHIẾN	30/01/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.3	4.5	7.4	28.9	006019
1009	NGUYỄN KIỀU TRANG	16/08/2009	8A3	THCS AN HỒNG	6.0	6.8	3.4	28.9	004223
1010	LÊ BẢO ANH	02/07/2009	8D	THCS BẮC SƠN	6.0	5.8	5.4	28.9	006003
1011	VŨ NGỌC PHỤNG	18/08/2009	8C	THCS AN HOÀ	5.8	7.0	3.4	28.9	003142
1012	BÙI NGUYỄN MINH HOÀNG	17/08/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.8	5.5	6.4	28.9	014082
1013	LÊ HƯƠNG GIANG	16/10/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.8	5.5	6.4	28.9	003051
1014	TRẦN THỊ HẢI YẾN	21/12/2009	8C2	THCS AN HƯNG	5.5	6.5	4.9	28.9	005254
1015	LƯU MINH NAM	09/03/2009	8C4	THCS AN HƯNG	4.8	8.0	3.4	28.9	005147
1016	ĐỖ THÙY DUNG	19/08/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	4.0	7.0	6.9	28.9	016037
1017	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	25/11/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.5	6.3	9.4	28.9	007195
1018	NGUYỄN THỊ MINH KHÁNH	08/09/2009	8A3	THCS AN HỒNG	7.0	3.5	7.8	28.8	004095
1019	LÊ THỊ THẢO	06/08/2009	8A	THCS BẮC SƠN	6.5	5.5	4.8	28.8	006100
1020	VŨ ĐÌNH HẢI	04/11/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.0	6.8	28.8	016071

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1021	MAI CÔNG THÀNH	12/01/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.0	5.0	6.8	28.8	008119
1022	LƯU VŨ HÀ PHƯƠNG	15/11/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.5	8.0	1.8	28.8	003144
1023	HOÀNG YẾN	22/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.5	7.5	2.8	28.8	004256
1024	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	21/06/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	3.8	28.8	001133
1025	ĐÀO VĂN HOÀNG	09/03/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	5.0	7.3	4.2	28.8	007102
1026	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	07/10/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.8	7.5	4.2	28.8	007280
1027	PHAN NHÂN HOÀNG	06/02/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	6.8	6.8	28.8	009062
1028	VŨ THỊ THỦY CHUNG	22/10/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.0	8.0	4.8	28.8	010027
1029	NGUYỄN MẠC THẢO ANH	05/02/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	3.5	8.0	5.8	28.8	007014
1030	LƯU PHÁT ĐẠT	03/10/2009	8B	THCS AN HOÀ	3.0	8.0	6.8	28.8	003045
1031	NGUYỄN BÌNH MINH	14/06/2009	8A5	THCS AN HỒNG	7.8	4.0	5.2	28.7	004134
1032	ĐỖ THỊ QUỲNH NHƯ	30/06/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.5	3.7	28.7	016183
1033	TRẦN BẢO VY	23/08/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	5.8	6.0	5.2	28.7	001259
1034	NGUYỄN THỊ THU HÀ	06/03/2009	8C2	THCS AN HƯNG	5.5	6.0	5.7	28.7	005060
1035	NGUYỄN THỊ NGỌC	19/01/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.0	4.7	28.7	016172
1036	PHẠM MẠNH KHƯƠNG	15/07/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.8	6.0	7.2	28.7	001117
1037	VŨ ĐỨC HỒI	31/07/2009	8D	THCS BẮC SƠN	3.8	7.0	7.2	28.7	006041
1038	NGUYỄN THỊ TRANG THOAN	13/02/2009	8D	THCS AN HOÀ	3.5	8.5	4.7	28.7	003167
1039	TRẦN THỊ HUẾ	21/06/2009	8A2	THCS AN HỒNG	6.8	6.0	3.1	28.6	004078
1040	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	24/12/2009	8B	THCS LÊ LỢI	6.3	5.0	6.0	28.6	012028
1041	LÊ NGỌC LY	14/07/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	6.3	5.3	5.6	28.6	015080
1042	ĐẶNG LÊ THÙY DƯƠNG	20/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.8	7.0	3.1	28.6	014052
1043	HOÀNG GIA HIẾU	06/07/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.3	3.0	28.6	007093
1044	NGUYỄN THÀNH LONG	24/04/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	5.5	6.0	5.6	28.6	001143
1045	ĐỖ HỒNG ANH	16/08/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.0	7.6	28.6	002013
1046	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	10/03/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	4.6	28.6	001236
1047	PHẠM VĂN PHONG	09/10/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.5	6.5	6.6	28.6	015101
1048	PHẠM TUẤN ANH	14/06/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.0	8.0	4.6	28.6	010013
1049	TRẦN HỮU MINH VŨ	10/08/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	4.0	7.5	5.6	28.6	007303
1050	NGUYỄN THỊ BẢO LY	13/07/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.0	6.6	28.6	001146

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1051	TRẦN THÀNH CÔNG	07/01/2009	8C5	THCS NAM SƠN	3.3	8.0	6.1	28.6	014042
1052	HOÀNG THỊ VÂN CHI	18/01/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	3.0	8.0	6.6	28.6	007042
1053	TRƯƠNG NGỌC MINH CHÂU	08/05/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	3.0	8.0	6.6	28.6	007041
1054	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	14/08/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.0	3.8	5.0	28.5	002227
1055	ĐỖ BẢO CHÂU	12/11/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	7.5	5.0	3.5	28.5	002041
1056	NGUYỄN NGỌC MINH	31/10/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	5.5	3.0	28.5	005137
1057	NGUYỄN THỊ HOÀNG MAI	19/12/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.8	5.5	4.0	28.5	016141
1058	ĐỖ THỊ HÀ TRANG	09/03/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	6.5	5.8	4.0	28.5	002233
1059	NGUYỄN HUY KHÁNH	09/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	6.3	6.0	4.0	28.5	004093
1060	TRƯƠNG THỊ DUYỀN	20/09/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.0	5.8	5.0	28.5	008023
1061	TRẦN MẠNH CƯỜNG	15/11/2009	8C	THCS BẮC SƠN	5.8	5.0	7.0	28.5	006022
1062	BÙI ĐỨC THÁI SƠN	17/04/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	5.3	7.0	4.0	28.5	007236
1063	TRẦN ĐỨC SÁNG	31/01/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	5.3	6.5	5.0	28.5	007234
1064	NGUYỄN THỊ HẬU	13/05/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	5.0	5.8	7.0	28.5	013059
1065	NGUYỄN ĐỨC ANH	06/08/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.8	6.5	6.0	28.5	014013
1066	NGUYỄN THUỶ CHI	26/10/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.5	7.3	5.0	28.5	014040
1067	PHẠM THANH VÂN	01/04/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.3	8.0	4.0	28.5	014234
1068	BÙI LÊ KHÁNH LINH	11/07/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.8	5.0	4.8	28.4	010098
1069	TRẦN VĂN HUY	17/07/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.0	6.8	6.8	28.4	010075
1070	NGUYỄN THỊ VÂN	24/09/2009	8A6	THCS AN HỒNG	6.5	5.5	4.4	28.4	004243
1071	TRẦN MAI TRANG	22/02/2009	8A2	THCS AN HỒNG	6.0	6.0	4.4	28.4	004228
1072	MAI THÀNH ĐẠT	29/01/2009	8A1	THCS AN HỒNG	5.8	6.5	3.9	28.4	004050
1073	PHẠM PHƯƠNG LINH	20/08/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.8	6.0	4.9	28.4	004123
1074	TRƯƠNG THỊ THUỶ LINH	01/09/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	5.5	5.5	6.4	28.4	013089
1075	BÙI THANH HUYỀN	17/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	5.3	6.0	5.9	28.4	005081
1076	NGUYỄN HOÀNG NAM	10/01/2009	8A	THCS BẮC SƠN	5.0	6.0	6.4	28.4	006082
1077	MAI VĂN VĨ	23/04/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	4.5	8.0	3.4	28.4	007300
1078	NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG	02/10/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.5	6.0	7.4	28.4	008045
1079	LÊ THỊ THỦY	12/03/2009	8C	THCS AN HOÀ	2.8	8.8	5.4	28.4	003169
1080	PHÙNG ĐĂNG DƯƠNG	08/07/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.3	6.5	2.8	28.3	002068

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1081	NGUYỄN HỮU ANH VÂN	20/07/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.3	4.5	6.8	28.3	002255
1082	VŨ THỊ KHÁNH NGỌC	20/11/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.0	6.3	28.3	016174
1083	NGUYỄN TRUNG KIÊN	10/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.8	6.0	4.8	28.3	003091
1084	BÙI NGỌC LINH	11/08/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.0	4.3	28.3	016117
1085	LÊ ĐỖ HOÀNG PHÚC	10/08/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.3	6.5	6.8	28.3	014175
1086	PHẠM TIẾN VĂN	03/09/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	7.8	4.8	28.3	009194
1087	BÙI GIA BẢO	22/09/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.0	6.8	6.8	28.3	008014
1088	VŨ THỊ HẰNG	21/06/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.8	6.6	28.2	010063
1089	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	18/06/2009	8A5	THCS AN HỒNG	8.0	5.5	1.2	28.2	004083
1090	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH	10/12/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.5	5.0	5.2	28.2	008013
1091	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	21/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.0	6.0	4.2	28.2	005196
1092	BÙI THỊ DIỆU ANH	13/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	5.0	6.2	28.2	009003
1093	PHAN VĂN HUY	14/10/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.8	7.0	2.7	28.2	004080
1094	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	30/01/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	5.5	7.0	3.2	28.2	001019
1095	PHẠM KHÁNH DUY	23/11/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	5.0	7.2	28.2	009032
1096	PHẠM HỒNG NHUNG	29/03/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.0	7.5	3.2	28.2	014166
1097	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	20/12/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.0	7.0	4.2	28.2	004085
1098	LƯƠNG GIA BẢO	24/12/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.0	6.2	28.2	001033
1099	PHẠM THÀNH NAM	17/10/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	4.8	6.3	6.2	28.2	011089
1100	ĐOÀN NHƯ QUÂN	19/12/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.5	7.0	5.2	28.2	001191
1101	NGÔ BẢO TRANG	01/05/2009	8A	THCS AN HOÀ	4.3	8.8	2.2	28.2	003174
1102	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	31/01/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	4.3	6.5	6.7	28.2	015024
1103	ĐỖ CHÍ THANH	16/03/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	7.3	4.5	4.6	28.1	002217
1104	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	03/11/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.0	5.8	4.6	28.1	014152
1105	PHẠM NGUYỄN THÀNH HƯNG	18/03/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.0	5.0	6.1	28.1	005086
1106	PHẠM QUỲNH NHƯ	25/11/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	5.8	6.0	4.6	28.1	011101
1107	BÙI ANH TUẤN	20/10/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.3	7.0	3.6	28.1	014226
1108	NGUYỄN HOÀNG AN	05/12/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.3	6.0	5.6	28.1	008002
1109	ĐOÀN MAI CHI	11/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	3.8	6.5	7.6	28.1	015020
1110	ĐINH THỊ NGỌC HÀ	20/11/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	3.3	7.3	7.0	28.1	007082

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1111	TRƯƠNG MINH ĐỨC	15/11/2009	8C1	THCS AN HƯNG	7.8	3.0	6.5	28	005054
1112	NGUYỄN YẾN VY	02/06/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.0	5.0	28	016275
1113	TRƯƠNG QUANG HUY	30/03/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.0	5.5	5.0	28	003069
1114	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	06/05/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	5.0	6.0	28	012053
1115	NGUYỄN THÙY LINH	03/12/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	5.0	6.0	28	012054
1116	NGUYỄN MỸ LINH	04/10/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.0	6.0	28	016125
1117	LÊ CÔNG HIẾU	10/02/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.5	7.0	3.0	28	014077
1118	NGUYỄN THỊ BÌNH NHI	03/10/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.5	7.0	3.0	28	016180
1119	NGUYỄN NGỌC HÂN	06/01/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.3	4.5	28	002088
1120	VŨ TƯỜNG VI	26/11/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	7.3	3.0	28	009195
1121	NGUYỄN NHƯ QUỲNH THƯƠNG	06/08/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	4.0	28	001223
1122	NGÔ THỊ THANH TÂM	14/08/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.5	5.0	28	010154
1123	TRẦN QUYẾT CHIẾN	25/09/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	6.0	28	010026
1124	LÊ THỊ THÙY LINH	06/01/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.0	6.0	6.0	28	003100
1125	TRẦN THU HẰNG	03/12/2009	8A	THCS LÊ LỢI	5.0	5.5	7.0	28	012027
1126	ĐỖ PHƯƠNG LINH	05/06/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.0	5.5	7.0	28	002141
1127	LƯƠNG TÙNG LÂM	27/07/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	4.5	7.0	5.0	28	001122
1128	TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	24/07/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.0	8.0	4.0	28	003065
1129	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	29/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	4.0	8.0	4.0	28	007213
1130	NGUYỄN BÁ TUẤN	10/07/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	3.5	8.5	4.0	28	007284
1131	PHẠM MAI LAN	05/10/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.5	8.0	7.0	28	001120
1132	ĐỖ QUANG ĐẠT	23/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	7.0	3.5	6.9	27.9	016054
1133	NGUYỄN HOÀNG MINH	06/11/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.8	7.0	2.4	27.9	003120
1134	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	04/12/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.8	6.5	3.4	27.9	014078
1135	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	04/05/2009	8C6	THCS AN HƯNG	5.3	6.0	5.4	27.9	005015
1136	MAI THỊ NGỌC TRÂM	12/03/2009	8C4	THCS NAM SƠN	5.0	7.3	3.4	27.9	014220
1137	VŨ TRỊNH TRÀ MỸ	16/07/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.8	7.0	4.4	27.9	001164
1138	PHAN GIA BẢO	06/04/2009	8C1	THCS AN HƯNG	4.0	6.5	6.9	27.9	005028
1139	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	15/02/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.8	7.0	6.4	27.9	001193
1140	PHẠM PHƯƠNG LINH	29/12/2009	8A3	THCS AN HỒNG	7.0	4.8	4.3	27.8	004124

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1141	LÊ ĐỨC ANH	30/08/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.3	4.5	6.3	27.8	016007
1142	NGUYỄN BẢO NHI	02/01/2009	8A	THCS BẮC SƠN	6.0	5.0	5.8	27.8	006089
1143	TẠ CÔNG THÀNH	25/06/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	5.8	7.0	2.3	27.8	016214
1144	HOÀNG NHẬT MINH	28/09/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	5.8	5.8	4.8	27.8	007169
1145	ĐẶNG THỊ KHÁNH VÂN	06/03/2009	8C1	THCS AN HƯNG	5.5	3.8	9.3	27.8	005235
1146	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	23/04/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	6.0	5.8	27.8	009012
1147	ĐỖ THỊ MINH PHƯƠNG	09/10/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	5.5	6.8	27.8	008106
1148	NGUYỄN HẢI LONG	24/09/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.0	5.3	7.3	27.8	014125
1149	NGUYỄN THỊ CHÂM ANH	19/09/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.3	7.0	5.2	27.8	010007
1150	ĐINH QUANG GIA HƯNG	17/10/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	7.5	6.8	27.8	009077
1151	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	02/04/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	7.5	6.8	27.8	015075
1152	NGUYỄN THỊ THU TRANG	30/08/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	7.5	6.8	27.8	008134
1153	NGUYỄN MINH HẢI	14/06/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.8	7.3	5.6	27.8	010055
1154	MAI VĂN ĐỨC	06/01/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	4.8	7.3	3.6	27.7	007077
1155	PHẠM BẢO NAM	13/05/2009	8C2	THCS AN HƯNG	7.5	5.0	2.7	27.7	005150
1156	NGUYỄN THỊ TRÀ HƯƠNG	28/07/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.8	5.8	2.7	27.7	002119
1157	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/03/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.5	3.7	27.7	016057
1158	BÙI NGỌC HÀ	13/08/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	6.3	5.5	4.2	27.7	015038
1159	NGUYỄN THỊ TRIỆU ANH	09/02/2009	8A4	THCS AN HỒNG	5.8	7.0	2.2	27.7	004019
1160	NGUYỄN TUẤN NAM	24/05/2009	8C4	THCS NAM SƠN	5.5	6.8	3.2	27.7	014148
1161	NGUYỄN ÁNH VY	11/09/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.8	5.2	27.7	002262
1162	BÙI MINH PHƯƠNG	28/11/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.5	5.7	27.7	016190
1163	ĐỖ ĐỨC BẢO AN	16/10/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	5.3	6.0	5.2	27.7	002001
1164	ĐỖ HOÀNG LONG	02/04/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.0	6.0	5.7	27.7	014122
1165	LẠI ĐỨC THẮNG	25/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	4.3	7.0	5.2	27.7	007256
1166	VŨ THỊ KHÁNH LY	06/08/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.8	7.0	6.2	27.7	001148
1167	NGUYỄN PHẠM BẢO HÂN	07/01/2009	8C5	THCS NAM SƠN	7.5	5.0	2.6	27.6	014069
1168	PHẠM VĂN THẾ	16/01/2009	8C3	THCS AN HƯNG	6.3	5.5	4.1	27.6	005201
1169	HOÀNG HUY PHÚC	30/04/2009	8C4	THCS NAM SƠN	6.3	5.3	4.6	27.6	014174
1170	ĐỖ THANH PHƯƠNG	18/07/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.5	2.6	27.6	016193

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1171	NGUYỄN QUYỀN ANH	08/06/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	5.8	4.0	27.6	012005
1172	VŨ QUANG MINH	21/11/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	5.8	5.3	5.6	27.6	015088
1173	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	03/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	5.5	6.0	4.6	27.6	015098
1174	NGUYỄN TRÀ MY	28/11/2009	8A1	THCS AN HỒNG	5.5	5.5	5.6	27.6	004138
1175	ĐẶNG LÊ HUỆ CHI	04/07/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.0	6.6	27.6	016024
1176	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	25/02/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	5.3	7.0	3.0	27.6	007094
1177	NGUYỄN THỊ HẢO	12/01/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	5.0	6.0	5.6	27.6	015044
1178	NGÔ THỊ LAN	24/01/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.5	8.0	2.6	27.6	003093
1179	TRỊNH THỊ THU HIỀN	20/12/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.0	8.0	3.6	27.6	003059
1180	NGÔ THỊ LAN ANH	29/10/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	4.0	7.0	5.6	27.6	013007
1181	PHAN KHÔI NGUYỄN	23/07/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	4.0	6.5	6.6	27.6	013115
1182	NGUYỄN HOÀNG CHINH	04/07/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	3.5	8.0	4.6	27.6	011018
1183	NGUYỄN VĂN TOÀN	06/08/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	8.3	3.5	4.0	27.5	002229
1184	NGUYỄN THỊ THÚY	03/02/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	6.8	6.0	2.0	27.5	009173
1185	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	15/12/2009	8A	THCS BẮC SƠN	6.8	5.0	4.0	27.5	006133
1186	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	14/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.8	4.5	5.0	27.5	005186
1187	TRẦN XUÂN MẠNH	23/04/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	5.8	5.0	6.0	27.5	002161
1188	DƯƠNG HOÀI NAM	13/03/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.5	6.8	3.0	27.5	014144
1189	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	08/03/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	5.3	5.0	7.0	27.5	008108
1190	NGUYỄN THỊ KIM MỸ	21/08/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	5.3	5.0	7.0	27.5	011086
1191	BÙI THỊ THU TRANG	15/10/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.8	7.0	4.0	27.5	014218
1192	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	13/02/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	4.3	7.0	5.0	27.5	015117
1193	BÙI TIẾN MINH	07/01/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	4.0	6.3	7.0	27.5	016152
1194	HOÀNG VĂN LONG	12/03/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	3.8	7.5	5.0	27.5	007156
1195	ĐẶNG QUỲNH ANH	01/01/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	3.3	7.5	6.0	27.5	007007
1196	NGUYỄN CẨM GIANG	21/03/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	3.3	7.0	7.0	27.5	015035
1197	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	14/12/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	3.3	7.0	7.0	27.5	001071
1198	VŨ ĐỨC TRƯỜNG THÀNH	19/10/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.3	8.0	7.0	27.5	001207
1199	LÊ TÙNG LÂM	23/11/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	6.8	4.5	4.8	27.4	010097
1200	VŨ THỊ HUỆ	14/09/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	6.5	3.5	7.4	27.4	013070

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1201	ĐẶNG VIỆT ĐOÀN	21/09/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	6.0	5.0	5.4	27.4	011032
1202	ĐỖ ANH DŨNG	23/09/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	4.0	7.4	27.4	009034
1203	NGUYỄN TUẤN LÂM	08/07/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.0	4.4	27.4	002136
1204	VŨ THỊ ANH THƯ	18/08/2009	8A1	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	7.4	27.4	004216
1205	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	01/01/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	4.5	7.0	4.4	27.4	001208
1206	VŨ THỊ MINH HÒA	23/10/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.3	6.3	6.2	27.4	010074
1207	NGUYỄN HOÀNG THÙY LINH	22/02/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.0	7.5	4.4	27.4	014116
1208	LÊ VĂN TOÀN	24/01/2009	8D	THCS BẮC SƠN	4.0	7.0	5.4	27.4	006113
1209	ĐINH THỊ PHƯƠNG VY	15/09/2009	8C1	THCS AN HƯNG	3.8	7.3	5.4	27.4	005244
1210	NGUYỄN QUANG MINH	08/02/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.5	7.5	5.4	27.4	007173
1211	NGUYỄN TUỆ ANH	09/12/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.0	6.0	5.3	27.3	014016
1212	PHẠM PHƯƠNG CHI	05/12/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	4.3	6.5	5.8	27.3	002045
1213	TRỊNH BẢO YẾN	11/06/2009	8D	THCS AN HOÀ	2.5	8.3	5.8	27.3	003199
1214	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	01/01/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	6.0	4.2	27.2	009126
1215	NGÔ ĐỨC HẢI	01/12/2009	8E	THCS AN HOÀ	5.0	6.5	4.2	27.2	003054
1216	VŨ KIM TUYẾT	12/11/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.0	6.0	5.2	27.2	006121
1217	TRẦN THÚY NGÀ	22/07/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	5.2	27.2	010123
1218	NGUYỄN THỊ MAI ANH	11/09/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	5.5	6.2	27.2	012006
1219	NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	31/10/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.5	7.0	4.2	27.2	001204
1220	NGUYỄN MINH GIANG	24/02/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.5	6.5	5.2	27.2	003052
1221	TRẦN NHẤT HUY	17/12/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.5	6.0	6.2	27.2	001105
1222	TRẦN QUỐC DUY	07/08/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	4.5	5.0	8.2	27.2	013042
1223	PHẠM HẢI ANH	09/02/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	4.0	5.5	8.2	27.2	013018
1224	HOÀNG MINH HƯNG	05/12/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	3.3	6.8	7.0	27.2	010081
1225	NGUYỄN TUẤN MINH	16/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.8	5.0	3.6	27.1	005139
1226	NGUYỄN ĐẶNG THÙY DUNG	26/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	5.8	4.8	6.0	27.1	007055
1227	QUẢN ANH TUẤN	21/02/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	5.3	5.5	5.6	27.1	015131
1228	LÊ PHƯƠNG MAI	15/08/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	7.3	2.6	27.1	009111
1229	LÊ PHƯƠNG ANH	22/10/2009	8C1	THCS AN HƯNG	3.3	8.0	4.6	27.1	005010
1230	VŨ HOÀNG NAM KHÁNH	27/02/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	3.3	6.0	27	009087

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1231	TRỊNH DOÃN VŨ DŨNG	28/09/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.8	5.3	3.0	27	002055
1232	VŨ THỊ THU NGÂN	12/09/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	6.3	4.5	5.4	27	010124
1233	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	26/02/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	6.3	4.5	5.4	27	010137
1234	MAI TRUNG TRƯỜNG	01/10/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.0	3.0	27	016249
1235	TRƯƠNG THỊ TÚ MAI	29/12/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.0	6.0	3.0	27	005134
1236	NGUYỄN THU HƯỜNG	24/07/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	6.0	5.5	4.0	27	007129
1237	NGUYỄN VĂN LAM	17/02/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	5.0	5.0	27	012049
1238	NGUYỄN THU TRANG	14/09/2009	8B	THCS LÊ LỢI	6.0	5.0	5.0	27	012088
1239	BÙI HOÀI VINH	20/09/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	5.0	5.0	27	012095
1240	NGUYỄN MINH HIẾU	21/10/2009	8A	THCS LÊ LỢI	6.0	5.0	5.0	27	012030
1241	NGUYỄN KHÁNH DUY	25/02/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	5.8	5.0	5.5	27	016040
1242	VŨ NGỌC YẾN	28/09/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	5.3	6.3	4.0	27	011144
1243	ĐINH PHƯƠNG THẢO	26/03/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	5.0	27	010160
1244	NGUYỄN VŨ NHƯ QUỲNH	21/06/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	6.0	27	010149
1245	TRỊNH MAI PHƯƠNG	30/04/2009	8A	THCS LÊ LỢI	5.0	5.5	6.0	27	012073
1246	TRẦN KHÁNH LY	23/03/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.8	6.0	5.5	27	016138
1247	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/06/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	4.5	5.5	7.0	27	013149
1248	TRẦN QUANG GIÁP	06/11/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.5	5.0	8.0	27	008040
1249	PHẠM MINH THỨ	26/06/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.0	5.0	27	001222
1250	BÙI HOÀNG CẨM TÚ	02/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	7.0	27	001246
1251	NGUYỄN THU HUYỀN	16/08/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	2.8	7.0	7.4	27	010079
1252	NGUYỄN VIỆT HOÀN	11/06/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.8	7.3	4.8	26.9	014081
1253	TRẦN XUÂN NGUYỄN	13/01/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	7.5	2.8	6.4	26.9	002189
1254	PHẠM BẢO NAM	11/09/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.8	5.0	3.4	26.9	005151
1255	VŨ HOÀNG MINH	21/12/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.3	6.0	2.4	26.9	003122
1256	PHẠM MINH HUYỀN	15/04/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.8	5.5	4.4	26.9	002117
1257	TRƯƠNG THỊ MINH THỨ	20/02/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	5.5	5.8	4.4	26.9	013155
1258	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	14/10/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	5.0	6.3	4.4	26.9	015133
1259	NGUYỄN THANH THẢO	25/11/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	4.8	7.0	3.4	26.9	001211
1260	BÙI THỊ HÀ PHƯƠNG	23/06/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.3	8.0	2.4	26.9	014176

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1261	PHẠM THU HIỀN	17/11/2009	8C	THCS AN HOÀ	2.8	9.0	3.4	26.9	003058
1262	VŨ QUẢN GIA HUY	19/12/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	7.5	3.0	5.8	26.8	001106
1263	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	03/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	6.5	4.0	5.8	26.8	003010
1264	TRỊNH HUYỀN VÂN ANH	04/07/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.3	6.5	1.3	26.8	003014
1265	MAI CÔNG VŨ HOÀNG	19/08/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	6.0	5.5	3.8	26.8	007104
1266	TRỊNH THỊ TRÀ MY	06/10/2009	8C	THCS BẮC SƠN	5.5	5.5	4.8	26.8	006079
1267	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	19/07/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.8	7.3	2.8	26.8	016149
1268	NGUYỄN QUỲNH CHI	25/10/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	4.3	7.3	3.8	26.8	011015
1269	LÊ PHẠM HOÀI NAM	26/10/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.3	7.3	3.8	26.8	014145
1270	HOÀNG THÚY NGÀ	08/09/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	3.8	7.3	4.8	26.8	007187
1271	NGUYỄN HOÀNG YẾN NHI	05/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.8	5.3	8.8	26.8	007203
1272	NGUYỄN THỊ DIỆU VY	05/12/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.5	7.0	5.8	26.8	001256
1273	ĐẶNG THỊ HỒNG VÂN	05/01/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	3.5	7.0	5.8	26.8	016261
1274	PHẠM PHƯƠNG ANH	16/12/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	6.3	5.0	4.2	26.7	011007
1275	CHU THỊ VÂN ANH	15/03/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	6.3	5.0	4.2	26.7	002006
1276	CHU ĐỨC TRƯỜNG	24/07/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	6.0	4.8	5.2	26.7	015128
1277	MAI HÀ LINH	15/10/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.8	5.0	5.2	26.7	004117
1278	NGUYỄN THỊ NHẬT HOA	27/09/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	5.3	6.2	26.7	008055
1279	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	15/05/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	6.7	26.7	016090
1280	NGUYỄN QUỲNH ANH	12/12/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.8	6.3	4.7	26.7	016013
1281	LÊ CẨM LINH	12/01/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	4.8	6.0	5.2	26.7	002142
1282	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	24/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.5	5.3	7.2	26.7	008133
1283	LƯƠNG PHƯƠNG THẢO	01/08/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.3	7.0	4.2	26.7	014199
1284	NGUYỄN DUY ANH	25/10/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.0	6.0	6.7	26.7	014012
1285	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	03/12/2009	8E	THCS AN HOÀ	3.3	9.0	2.2	26.7	003176
1286	PHẠM THANH BÌNH	11/12/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	3.3	7.5	5.2	26.7	007037
1287	ĐẶNG THỊ THU	13/02/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	3.0	7.3	6.2	26.7	007261
1288	HỨA ĐỨC ANH	16/08/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	6.5	5.0	3.6	26.6	001010
1289	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	08/04/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.3	4.5	5.0	26.6	012074
1290	PHẠM THẾ TÙNG	01/09/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	6.3	4.0	6.0	26.6	007289

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1291	TRẦN MẠNH QUÝ	21/12/2009	8C1	THCS AN HƯNG	6.0	5.3	4.0	26.6	005188
1292	VŨ HẢI YẾN	12/09/2009	8B	THCS BẮC SƠN	5.5	6.0	3.6	26.6	006136
1293	NGUYỄN TUẤN ANH	22/11/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.3	6.0	4.0	26.6	010008
1294	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	16/11/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	5.8	5.0	26.6	012064
1295	NGUYỄN THANH HẰNG	19/01/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	5.0	4.5	7.6	26.6	013060
1296	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	18/01/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	4.5	7.0	3.6	26.6	001217
1297	PHẠM LÊ HOÀNG CÚC	22/08/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	4.5	6.3	5.0	26.6	007049
1298	NGÔ THANH TÂM	27/11/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	4.0	7.0	4.6	26.6	016207
1299	TRẦN THỊ THU HỒNG	23/03/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	6.8	5.6	26.6	009066
1300	TRẦN THỊ VÂN ANH	24/05/2009	8C1	THCS NAM SƠN	2.5	8.5	4.6	26.6	014025
1301	TRẦN NGỌC ÁNH	30/11/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	2.3	7.8	6.6	26.6	007032
1302	NGUYỄN NGỌC NHI	29/03/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	6.8	5.0	3.0	26.5	015097
1303	LƯU NGỌC VY	12/10/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.0	3.5	26.5	016271
1304	HOÀNG THỊ MINH DUYÊN	15/03/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.3	2.0	26.5	002054
1305	LÂM NGỌC PHÚ	02/07/2009	8C6	THCS AN HƯNG	5.8	6.0	3.0	26.5	005168
1306	LÊ VĂN CƯỜNG	12/09/2009	8B	THCS BẮC SƠN	5.3	5.0	6.0	26.5	006021
1307	VŨ NGỌC ÁNH	07/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	5.0	7.0	2.5	26.5	004028
1308	NGUYỄN HÀ LINH	27/10/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	5.0	7.0	26.5	008073
1309	HOÀNG THÙY TRANG	15/12/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	4.0	7.3	4.0	26.5	007276
1310	HOÀNG TIẾN ĐẠT	16/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	3.3	8.0	4.0	26.5	003043
1311	LÊ ANH ĐỨC	31/08/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	3.3	6.5	7.0	26.5	015034
1312	NGUYỄN BẢO LINH	19/09/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	2.5	7.8	6.0	26.5	007143
1313	TRẦN THỊ NGỌC XUYỀN	02/09/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	4.3	7.5	2.8	26.4	007306
1314	PHẠM THÀNH VINH	16/09/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	6.5	4.0	5.4	26.4	011139
1315	NGÔ NGỌC HIỀN	04/09/2009	8C5	THCS AN HƯNG	6.0	5.0	4.4	26.4	005068
1316	NGUYỄN TUẤN ANH	05/10/2009	8A4	THCS AN HỒNG	5.3	7.0	1.9	26.4	004021
1317	NGUYỄN THỊ THANH MAI	24/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	5.3	5.8	4.4	26.4	016143
1318	TỔNG THỊ VÂN ANH	13/08/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.0	6.0	4.4	26.4	003012
1319	NGÔ THỊ HỒNG YẾN	28/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.5	6.0	5.4	26.4	003198
1320	NGUYỄN THỊ KHÁNH AN	18/03/2009	8C2	THCS NAM SƠN	4.3	8.0	1.9	26.4	014003

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1321	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	13/12/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	4.3	6.8	4.4	26.4	002236
1322	PHẠM THỊ QUỲNH	11/06/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	4.0	7.0	4.4	26.4	007233
1323	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	19/05/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	4.0	6.5	5.4	26.4	013114
1324	HOÀNG THỊ QUỲNH MAI	06/12/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	5.8	7.4	26.4	008079
1325	HOÀNG THẢO NGUYỄN	30/04/2009	8C5	THCS NAM SƠN	3.5	7.5	4.4	26.4	014156
1326	NGUYỄN THỊ BÍCH TÂM	06/10/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	3.0	7.0	6.4	26.4	007242
1327	NGUYỄN DUY HẢI	20/02/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	6.0	8.4	26.4	008043
1328	PHẠM KHÁNH HUYỀN MY	22/10/2009	8C2	THCS NAM SƠN	4.8	6.5	3.8	26.3	014141
1329	VŨ THỊ PHƯƠNG	08/11/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.5	7.3	2.8	26.3	004181
1330	PHẠM THANH MAI	14/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	4.3	7.0	3.8	26.3	001149
1331	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	19/01/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	4.3	6.0	5.8	26.3	001234
1332	LÊ VĂN HIỆP	13/04/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	3.8	7.0	4.8	26.3	002100
1333	LÊ CÔNG TUẤN KHANG	07/09/2009	8C2	THCS AN HƯNG	3.8	7.0	4.8	26.3	005093
1334	NGUYỄN THỊ THU THỦY	21/03/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.8	7.0	4.8	26.3	016223
1335	NGUYỄN QUỲNH CHI	25/02/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	6.8	7.8	26.3	013035
1336	VŨ THỊ THU HÀ	25/01/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	6.5	5.5	2.2	26.2	015040
1337	LÊ PHƯƠNG THẢO	17/04/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.5	4.0	5.2	26.2	004201
1338	LÝ HƯƠNG GIANG	20/01/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.8	5.5	3.7	26.2	014059
1339	LÊ MÃN TUỆ	04/09/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	6.0	3.2	26.2	009190
1340	VŨ QUANG MINH	08/10/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.5	4.5	6.2	26.2	002176
1341	CHU THỊ HẢI VÂN	26/12/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.0	6.0	4.2	26.2	004241
1342	DƯƠNG TÚ ANH	21/10/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.8	6.3	4.2	26.2	004004
1343	ĐỖ TRUNG KIÊN	13/04/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.8	6.3	4.2	26.2	014102
1344	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	05/12/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	4.5	7.0	3.2	26.2	016279
1345	NGUYỄN PHÚ TRƯỜNG	27/11/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	4.5	6.5	4.2	26.2	001240
1346	VŨ MINH NHẬT	23/07/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	4.5	6.5	4.2	26.2	015096
1347	NGUYỄN MINH NGỌC	31/01/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.5	6.0	5.2	26.2	004156
1348	VŨ MINH HIẾU	31/03/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.5	6.0	5.2	26.2	001085
1349	ĐÀO ĐỨC TRUNG	12/10/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.0	6.5	5.2	26.2	003182
1350	BÙI THỊ THU GIANG	14/04/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	6.2	26.2	001064

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1351	BÙI NGUYỄN HỒNG SƠN	26/09/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	3.5	6.5	6.2	26.2	007237
1352	TRƯƠNG TUẤN ĐẠT	20/09/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	2.5	7.5	6.2	26.2	007071
1353	LÊ HỒNG VÂN	05/06/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	7.5	3.3	4.6	26.1	002253
1354	PHẠM THÙY LINH	26/03/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	5.8	5.0	4.6	26.1	001136
1355	VŨ THỊ THÙY LINH	14/02/2009	8E	THCS AN HOÀ	5.8	5.0	4.6	26.1	003109
1356	ĐÀM MẠNH DŨNG	18/08/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	3.8	7.6	26.1	009033
1357	VŨ QUỲNH ANH	04/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.5	6.8	3.6	26.1	016017
1358	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	09/01/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	4.0	5.8	6.6	26.1	013159
1359	NGUYỄN THẾ HÀ	03/10/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	5.5	7.6	26.1	008042
1360	PHẠM TRẦN ÁI NHÂN	12/10/2009	8C5	THCS NAM SƠN	3.0	8.0	4.1	26.1	014158
1361	NGUYỄN HÀ LINH	19/02/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	6.3	5.0	3.5	26	016122
1362	NGUYỄN QUỲNH MAI	05/05/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.0	4.0	26	016140
1363	ĐỖ THÙY LINH	16/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	4.5	5.0	26	012052
1364	NGUYỄN TUẤN PHONG	08/12/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	4.0	6.0	26	012069
1365	NGUYỄN VŨ YẾN NHI	22/05/2009	8B	THCS LÊ LỢI	6.0	4.0	6.0	26	012068
1366	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	12/01/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.3	6.0	3.5	26	016112
1367	HOÀNG THỊ DIỄM QUỲNH	21/06/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	5.0	6.0	4.0	26	007229
1368	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	12/02/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	5.0	6.0	26	012065
1369	MAI NGỌC THẮNG	15/10/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	5.0	6.0	26	012083
1370	LƯƠNG THỊ THẢO LINH	25/02/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	5.8	5.0	26	009099
1371	ĐẶNG THỊ MỸ DUYÊN	30/04/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	4.5	6.0	5.0	26	011022
1372	VŨ MINH NHẬT	14/03/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	4.5	6.0	5.0	26	002192
1373	NGUYỄN NGỌC ÁNH	13/05/2009	8A4	THCS AN HỒNG	4.0	8.0	2.0	26	004027
1374	NGUYỄN TRÍ THỨC	10/07/2009	8B5	THCS ĐẠI BẢN	3.8	8.0	2.4	26	007271
1375	TRỊNH THỊ HÀ	14/02/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	3.5	5.5	8.0	26	016069
1376	NGUYỄN YẾN NHI	10/04/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	2.5	8.5	4.0	26	007205
1377	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	19/07/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	2.0	8.5	5.0	26	007217
1378	ĐỖ HOÀNG SÂM	14/10/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	5.8	6.0	2.4	25.9	009153
1379	LƯU ĐÌNH QUANG	01/02/2009	8C3	THCS AN HÙNG	5.8	5.5	3.4	25.9	005181
1380	NGÔ NGỌC PHƯƠNG	08/11/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	5.8	5.5	3.4	25.9	001186

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1381	NGUYỄN ĐỖ MINH DƯƠNG	28/06/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.0	4.9	25.9	016046
1382	ĐÀO THANH HIỀN	06/02/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.3	6.0	3.4	25.9	014072
1383	NGUYỄN VĂN LONG	12/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	5.3	5.0	5.4	25.9	007157
1384	LÊ VĂN TUẤN	05/03/2009	8A	THCS BẮC SƠN	5.0	5.3	5.4	25.9	006120
1385	NGUYỄN HÙNG MINH	20/09/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	4.8	5.5	5.4	25.9	015083
1386	VŨ THỊ NGỌC MINH	11/06/2009	8C5	THCS AN HƯNG	4.3	6.5	4.4	25.9	005144
1387	PHAN VĂN HẢI	27/06/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	4.3	6.0	5.4	25.9	007087
1388	HOÀNG VIỆT HÀ	13/05/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	4.3	6.0	5.4	25.9	001070
1389	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	25/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	3.8	7.5	3.4	25.9	003050
1390	ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN	06/06/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	6.0	6.4	25.9	008145
1391	NGUYỄN THANH HÀ	08/10/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	5.5	7.4	25.9	008041
1392	HÀ HUY VŨ	04/10/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.3	7.0	5.4	25.9	001252
1393	ĐOÀN THẢO NHI	09/03/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	8.5	1.5	5.8	25.8	010131
1394	VŨ ANH DŨNG	23/10/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	7.3	4.3	2.8	25.8	002056
1395	TRƯƠNG GIA BẢO	13/01/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	5.5	4.0	6.8	25.8	013030
1396	VŨ ANH KHOA	01/05/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	5.3	6.0	3.2	25.8	011061
1397	LÊ KHẮC ĐỨC ANH	17/10/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.3	4.5	6.3	25.8	016008
1398	LÊ HOÀNG NAM	08/08/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.0	5.0	5.8	25.8	006081
1399	TRẦN THẾ SƠN	05/07/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.5	5.8	25.8	016205
1400	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	25/10/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	4.0	7.0	3.8	25.8	011058
1401	NGÔ PHƯƠNG THẢO	29/12/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	4.0	5.5	6.8	25.8	013147
1402	NGUYỄN LAN HƯƠNG	14/06/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.8	6.8	4.8	25.8	006050
1403	NGUYỄN TRUNG HIẾU	07/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	3.5	6.0	6.8	25.8	001082
1404	NHÂM THỦY CHI	17/01/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	6.5	7.8	25.8	013036
1405	CHU THỊ MINH HẰNG	18/12/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	6.5	7.8	25.8	009051
1406	BÙI MẠI CHI	10/08/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.5	6.0	2.7	25.7	004033
1407	LÊ THÙY DUNG	04/07/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	5.3	4.5	6.2	25.7	002052
1408	NGUYỄN THỊ HÀ	08/10/2009	8B	THCS BẮC SƠN	5.0	5.8	4.2	25.7	006036
1409	PHẠM HỒNG NGÂN	14/10/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	7.0	3.2	25.7	009127
1410	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	09/07/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.0	7.0	3.7	25.7	014219

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1411	BÙI HOÀNG HIỆP	20/10/2009	8D	THCS AN HOÀ	3.8	7.5	3.2	25.7	003060
1412	LƯU MẠNH TƯỜNG	12/10/2009	8C6	THCS AN HƯNG	3.8	5.5	7.2	25.7	005234
1413	ĐINH TIẾN KHOA	01/08/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	7.0	3.5	4.6	25.6	010088
1414	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	29/10/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	5.5	3.5	7.6	25.6	013077
1415	PHẠM QUANG TRƯỜNG	14/05/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	5.3	5.0	5.0	25.6	010187
1416	ĐỒNG THỊ VÂN	16/08/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	5.5	4.6	25.6	012093
1417	NGÔ THỊ NGỌC LAN	26/06/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	4.6	25.6	010094
1418	VŨ PHƯƠNG THẢO	05/08/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	7.0	3.6	25.6	009165
1419	BÙI QUỲNH ANH	19/02/2009	8C1	THCS AN HƯNG	4.0	6.5	4.6	25.6	005004
1420	NGÔ TIẾN DŨNG	08/10/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.0	6.0	5.6	25.6	016043
1421	PHẠM VĂN QUÂN	01/11/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.0	5.6	25.6	007226
1422	TRƯƠNG MINH HIẾU	16/10/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	4.0	5.5	6.6	25.6	013063
1423	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	25/09/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	3.5	7.0	4.6	25.6	001212
1424	VŨ THỊ HÒA BÌNH	17/11/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	3.5	6.0	6.6	25.6	013034
1425	LÊ ANH THƯ	06/08/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	4.3	5.0	25.5	009175
1426	LƯU VĂN TRIẾT	26/10/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.8	5.5	3.0	25.5	002235
1427	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	03/12/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	5.8	5.0	4.0	25.5	009103
1428	LÊ THỊ THANH TÚOÍ	26/01/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.0	4.5	25.5	016260
1429	LÊ PHƯƠNG NHI	16/01/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.5	5.0	4.5	25.5	014163
1430	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	21/08/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	5.5	4.8	5.0	25.5	002011
1431	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	27/03/2009	8B	THCS BẮC SƠN	5.3	6.0	3.0	25.5	006070
1432	NGUYỄN NGỌC DÂN	10/01/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	5.3	5.0	5.0	25.5	007052
1433	NGUYỄN THỊ THU GIANG	10/10/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.3	6.0	5.0	25.5	014061
1434	VŨ PHƯƠNG NGÀ	30/01/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	4.3	5.0	7.0	25.5	002181
1435	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	11/07/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.8	7.0	4.0	25.5	007075
1436	PHẠM ANH TÀI	16/01/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	3.0	7.0	5.5	25.5	016206
1437	NGUYỄN KHÁNH LINH	14/04/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	2.8	7.5	5.0	25.5	007146
1438	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	18/11/2009	8C5	THCS NAM SƠN	6.0	5.3	2.9	25.4	014071
1439	ĐỖ ĐỨC NGỌC	26/12/2009	8C6	THCS AN HƯNG	6.0	5.0	3.4	25.4	005154
1440	ĐÀO THỊ DUYÊN	08/08/2009	8C	THCS AN HOÀ	6.0	3.5	6.4	25.4	003031

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1441	TÔ GIA BẢO	10/03/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	6.0	3.0	7.4	25.4	013029
1442	ĐẶNG THỊ HẢI ANH	06/07/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.0	4.4	25.4	002007
1443	TRẦN ĐỨC THẮNG	20/09/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	3.4	25.4	010164
1444	NGUYỄN NHẬT MINH	01/04/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	4.4	25.4	010116
1445	BÙI HỮU ĐẠT	17/01/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	4.5	6.0	4.4	25.4	001054
1446	PHẠM THANH TÂM	24/05/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.3	6.5	3.9	25.4	014190
1447	NGUYỄN THANH VÂN	13/02/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	3.5	8.0	2.4	25.4	007294
1448	LÊ TIẾN DŨNG	14/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	3.5	6.0	6.4	25.4	001048
1449	NGUYỄN PHẠM THUỶ VÂN	27/12/2009	8C5	THCS NAM SƠN	2.8	7.8	4.4	25.4	014233
1450	VŨ NGỌC BIÊN	19/06/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	7.3	4.0	2.8	25.3	011012
1451	ĐINH HỮU SƠN	10/10/2009	8C3	THCS AN HƯNG	7.3	4.0	2.8	25.3	005189
1452	NGUYỄN VĂN NAM	13/04/2009	8A1	THCS AN HỒNG	6.5	2.3	7.8	25.3	004145
1453	PHẠM TƯỜNG LÂN	06/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	5.8	4.0	5.8	25.3	001124
1454	LÊ HUY HÙNG	27/07/2009	8C5	THCS NAM SƠN	5.5	4.5	5.3	25.3	014090
1455	NGUYỄN HÀ LINH	25/06/2009	8C2	THCS NAM SƠN	4.0	7.3	2.8	25.3	014114
1456	PHẠM TÙNG DƯƠNG	04/03/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	2.8	6.8	6.2	25.3	007064
1457	NGUYỄN HÀ VY	14/06/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	2.3	8.3	4.2	25.3	007304
1458	NGÔ THỊ BÍCH HẠ	28/10/2009	8D	THCS AN HOÀ	2.3	8.5	3.8	25.3	003055
1459	VŨ PHẠM ĐỨC HẢI	20/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.8	4.3	3.2	25.2	014068
1460	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	06/08/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	5.0	3.2	25.2	009145
1461	ĐÀO MINH SƠN	15/05/2009	8B	THCS BẮC SƠN	4.8	5.3	5.2	25.2	006096
1462	ĐÀO THỊ PHƯƠNG ANH	29/10/2009	8D	THCS BẮC SƠN	4.3	5.8	5.2	25.2	006002
1463	ĐOÀN BẢO CHÂU	10/04/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	6.0	6.2	25.2	009024
1464	BÙI ĐÌNH CHÍ NAM	10/06/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.5	5.8	6.7	25.2	014142
1465	HOÀNG TUẤN KHANG	25/03/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	3.5	5.0	8.2	25.2	007130
1466	TRƯƠNG TẤT THUẬN	11/11/2009	8A6	THCS AN HỒNG	7.0	3.8	3.6	25.1	004212
1467	ĐẶNG HẢI AN	24/02/2009	8C1	THCS NAM SƠN	5.3	6.3	2.1	25.1	014001
1468	HOÀNG THỊ NGỌC BÍCH	14/08/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.3	5.0	4.6	25.1	002037
1469	NGUYỄN TUẤN TÚ	10/07/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	4.5	5.3	5.6	25.1	002247
1470	PHẠM THỊ THU TRANG	07/04/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	4.5	4.8	6.6	25.1	013160

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1471	NGUYỄN KIỀU ANH	15/08/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.8	7.0	3.6	25.1	001017
1472	ĐỖ THỊ TRÀ MY	30/01/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	5.0	7.6	25.1	008082
1473	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	22/12/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	1.8	8.8	4.0	25.1	007080
1474	TRẦN THỊ THANH THẢO	03/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	4.8	3.0	25	009164
1475	TRẦN NGÂN GIANG	07/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.8	5.3	3.0	25	014063
1476	ĐÀO PHƯƠNG LÂM	23/07/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	5.5	4.5	5.0	25	010096
1477	ĐỒNG ĐỨC KHOA	21/10/2009	8A6	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	5.0	25	004099
1478	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	17/03/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.0	5.0	25	010102
1479	VŨ MINH HIẾU	26/08/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	4.8	5.8	4.0	25	002098
1480	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	20/12/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	4.5	5.5	5.0	25	007230
1481	NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/03/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.0	5.0	7.0	25	008113
1482	TRƯƠNG HỒNG QUÂN	05/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.8	6.8	4.0	25	014182
1483	TRƯƠNG TUẤN MINH	12/09/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	3.5	6.0	6.0	25	013101
1484	NGUYỄN MẠNH HÙNG	02/07/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	3.5	6.0	6.0	25	010080
1485	NGUYỄN VINH THÔNG	21/09/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	3.5	6.0	6.0	25	001214
1486	VŨ VIỆT HÙNG	10/02/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	3.3	5.8	6.8	25	007124
1487	VŨ ĐÌNH HUY HOÀNG	23/06/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	5.8	7.0	25	009064
1488	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	06/10/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	7.0	5.0	25	015056
1489	NGUYỄN NGỌC PHỤNG	23/04/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	1.8	8.3	5.0	25	007215
1490	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	03/08/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.5	8.5	5.0	25	007216
1491	CHU THỊ KIM THU	09/08/2009	8A5	THCS AN HỒNG	6.0	3.8	5.4	24.9	004211
1492	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	10/02/2009	8D	THCS AN HOÀ	5.3	6.0	2.4	24.9	003128
1493	BÙI HỮU TÀI	06/04/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	5.3	5.5	3.4	24.9	001199
1494	PHÙNG PHÚ TÀI	28/02/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	4.3	5.5	5.4	24.9	015111
1495	LÊ MINH QUÂN	12/01/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.5	7.8	2.4	24.9	015107
1496	MAI LƯU KHÁNH NGỌC	02/09/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.3	7.3	3.9	24.9	014155
1497	NGUYỄN THẢO VI	21/03/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	2.3	7.0	6.4	24.9	001248
1498	HOÀNG THỊ NGỌC BÍCH	15/07/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	2.3	6.5	7.4	24.9	015017
1499	LÊ THỊ THU HƯỜNG	01/11/2009	8B	THCS AN HOÀ	2.8	8.0	3.3	24.84	003079
1500	VŨ TRỌNG KHUÊ	31/10/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	2.0	7.8	24.8	009089

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1501	DƯƠNG HOÀNG VIỆT	19/08/2009	8A6	THCS AN HỒNG	6.0	5.0	2.8	24.8	004247
1502	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	16/06/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.8	5.3	2.8	24.8	006052
1503	HÀ THỊ MAI LIÊN	26/06/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.8	5.0	3.3	24.8	016116
1504	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	13/05/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	5.5	6.0	1.8	24.8	013111
1505	NGUYỄN HOÀNG ANH	22/02/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	4.8	24.8	016011
1506	LÊ KHÁNH LINH	02/09/2009	8A	THCS BẮC SƠN	4.5	5.0	5.8	24.8	006061
1507	CHU ĐỨC NAM KHÁNH	04/04/2009	8A4	THCS AN HỒNG	4.3	5.0	6.3	24.8	004091
1508	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	05/02/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	4.0	6.0	4.8	24.8	011009
1509	VŨ PHƯƠNG MAI	21/03/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	4.0	5.8	5.3	24.8	002159
1510	LÊ ANH THƯ	16/12/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.3	7.0	4.2	24.8	010170
1511	VŨ TRƯỞNG THU HẰNG	29/08/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	3.3	5.0	8.2	24.8	010065
1512	BÙI ĐỨC DƯƠNG	08/06/2009	8A3	THCS AN HỒNG	3.3	7.0	4.3	24.8	004044
1513	NGUYỄN THỊ THU TRANG	24/05/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	3.0	7.0	4.8	24.8	001232
1514	LÊ QUỲNH NGÀ	25/05/2009	8C3	THCS AN HƯNG	6.8	4.0	3.2	24.7	005152
1515	HOÀNG ĐÀO HÀ LINH	08/05/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	2.8	6.2	24.7	009098
1516	NGUYỄN TRÀ MY	30/09/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	4.3	4.2	24.7	009123
1517	BÙI THỊ ANH THƯ	21/08/2009	8C1	THCS NAM SƠN	6.0	3.8	5.2	24.7	014209
1518	PHẠM VĂN KHÁNH	04/08/2009	8C1	THCS AN HƯNG	5.3	5.0	4.2	24.7	005098
1519	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/07/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.3	6.5	3.2	24.7	016019
1520	ĐỖ KHẮC CHIẾN	17/05/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.8	6.0	5.2	24.7	001039
1521	VĂN THỊ NGỌC DƯƠNG	18/08/2009	8B6	THCS ĐẠI BẮN	3.8	5.5	6.2	24.7	007066
1522	TRẦN THUỖ PHƯƠNG ANH	26/11/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	3.3	7.0	4.2	24.7	001029
1523	ĐOÀN ANH THƯ	16/09/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	7.0	4.2	24.7	009174
1524	ĐỖ THANH HÀ	12/01/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	5.8	7.2	24.7	009042
1525	TRẦN HUY HOÀNG	06/01/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.8	6.0	7.2	24.7	001094
1526	ĐỖ MAI HUYỀN TRANG	23/07/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	3.3	6.0	24.6	012086
1527	ĐỒNG THỊ THANH LOAN	18/10/2009	8C3	THCS AN HƯNG	5.5	4.0	5.6	24.6	005123
1528	MAI TRUNG HƯNG	01/04/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.3	5.3	3.6	24.6	003075
1529	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	10/08/2009	8C5	THCS AN HƯNG	5.3	5.3	3.6	24.6	005252
1530	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	24/01/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	3.6	24.6	010135

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1531	NGUYỄN TRUNG VINH	23/09/2009	8C6	THCS AN HƯNG	5.0	5.0	4.6	24.6	005240
1532	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	18/07/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	4.3	6.0	24.6	012011
1533	HOÀNG ANH TUẤN	21/09/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	4.8	5.5	4.0	24.6	007282
1534	NGUYỄN CÔNG THÀNH	26/11/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	3.5	6.0	5.6	24.6	013145
1535	VŨ HOÀNG ANH	13/08/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	3.0	6.0	6.6	24.6	013023
1536	PHẠM HẢI YẾN	26/06/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	2.5	8.5	2.6	24.6	007307
1537	NGUYỄN MINH HẰNG	31/10/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	2.3	6.0	8.0	24.6	010062
1538	VŨ TÚ HOA	30/12/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	5.8	4.5	4.0	24.5	002102
1539	ĐOÀN TIẾN PHAN DOÃN	10/12/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	5.3	4.5	5.0	24.5	016036
1540	VŨ DOÃN MINH	07/10/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	5.3	4.5	5.0	24.5	015087
1541	NGÔ THỊ DUYÊN	15/04/2009	8C	THCS AN HOÀ	5.3	3.5	7.0	24.5	003032
1542	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	01/10/2009	8C3	THCS AN HƯNG	4.8	5.0	5.0	24.5	005170
1543	NGUYỄN HOÀNG NAM	04/02/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	4.5	5.3	5.0	24.5	015090
1544	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	07/10/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	4.3	6.5	3.0	24.5	011135
1545	NGUYỄN THÙY LINH	10/08/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.8	7.5	2.0	24.5	003106
1546	VŨ QUỲNH ANH	06/01/2009	8C5	THCS AN HƯNG	3.8	7.5	2.0	24.5	005021
1547	NGUYỄN MINH SÁNG	10/05/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.5	6.8	4.0	24.5	014185
1548	NGUYỄN THÙY AN	25/08/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.3	8.0	2.0	24.5	014004
1549	PHẠM THANH THẢO	25/01/2009	8C6	THCS AN HƯNG	2.8	6.5	6.0	24.5	005198
1550	NGUYỄN TUẤN TÚ	22/12/2009	8D	THCS AN HOÀ	2.3	7.5	5.0	24.5	003185
1551	NGUYỄN HOÀNG THU NGÂN	25/01/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	2.3	6.5	7.0	24.5	007189
1552	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	22/08/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	8.0	1.5	5.4	24.4	010147
1553	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN	09/05/2009	8C2	THCS AN HƯNG	6.3	4.0	3.9	24.4	005153
1554	NGUYỄN NAM KHÁNH	26/06/2009	8A1	THCS AN HỒNG	5.5	5.0	3.4	24.4	004094
1555	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	27/10/2009	8A6	THCS AN HỒNG	5.5	4.5	4.4	24.4	004159
1556	PHẠM KHÁNH NHI	25/06/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	5.0	4.0	6.4	24.4	008102
1557	VŨ TIẾN VIỆT	20/07/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	6.4	24.4	001249
1558	NGUYỄN TÂM AN	27/10/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.0	8.0	2.4	24.4	014002
1559	LÊ VĂN THÀNH	20/09/2009	8A2	THCS AN HỒNG	2.5	7.5	4.4	24.4	004196
1560	BÙI THỊ BẢO NGỌC	19/11/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.5	6.5	6.4	24.4	008094

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1561	PHẠM VĂN HIẾU	17/06/2009	8A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.3	6.3	7.4	24.4	008050
1562	NGUYỄN THÙY LINH	02/01/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	6.5	4.0	3.3	24.3	016127
1563	PHẠM THANH THẢO	12/09/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	5.3	2.8	24.3	009163
1564	NGUYỄN TUẤN LONG	17/10/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	5.3	5.5	2.8	24.3	002153
1565	NGUYỄN VŨ MINH SƠN	07/01/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	5.5	2.8	24.3	009155
1566	DƯƠNG HỒNG NHUNG	24/01/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	6.0	2.8	24.3	009137
1567	PHẠM VĂN KIÊN	15/10/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	4.5	6.3	2.8	24.3	011062
1568	NGUYỄN HOÀNG ANH	09/08/2009	8A6	THCS AN HỒNG	4.3	7.0	1.8	24.3	004016
1569	LÊ THỊ HỒNG THƯƠNG	26/11/2009	8C6	THCS AN HƯNG	4.3	5.0	5.8	24.3	005207
1570	NGUYỄN THỊ DIỄM	27/09/2009	8C4	THCS AN HƯNG	3.8	6.5	3.8	24.3	005037
1571	TRẦN TIẾN MẠNH	27/12/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	3.8	5.5	5.8	24.3	002160
1572	NGUYỄN NHƯ BÌNH	18/08/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	3.5	5.3	6.8	24.3	013033
1573	NGUYỄN VI TRÀ MI	28/09/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	5.8	6.8	24.3	008080
1574	VŨ THU NGÂN	12/11/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	5.8	4.5	3.6	24.2	010125
1575	ĐOÀN THỊ THU TRANG	30/09/2009	8C3	THCS AN HƯNG	5.5	5.3	2.6	24.2	005212
1576	NGUYỄN NGỌC ÁNH	18/01/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	1.8	8.0	4.6	24.2	010017
1577	ĐỖ HẢI NINH	30/03/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	3.5	4.2	24.2	009138
1578	TRỊNH XUÂN BẢO NHI	03/10/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	5.5	4.5	4.2	24.2	011099
1579	LÊ VĂN HẬU	20/05/2009	8C2	THCS AN HƯNG	5.3	4.5	4.7	24.2	005065
1580	ĐÀO VĂN DUY	27/04/2009	8D	THCS BẮC SƠN	5.0	5.5	3.2	24.2	006023
1581	LÊ VĂN THIỆN	07/08/2009	8A	THCS BẮC SƠN	5.0	5.5	3.2	24.2	006103
1582	TRẦN LÊ HOÀNG ANH	10/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	4.2	24.2	004025
1583	NGUYỄN NGỌC THANH TỬ	11/10/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	4.5	5.0	5.2	24.2	010191
1584	HOÀNG THANH KHẢI	29/04/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	4.3	6.3	3.0	24.2	007131
1585	TỔNG BẢO TRÂN	11/09/2009	8A	THCS AN HOÀ	4.0	6.5	3.2	24.2	003180
1586	PHẠM TUỆ NHI LÂM VY	17/07/2009	8E	THCS AN HOÀ	4.0	6.5	3.2	24.2	003194
1587	LÊ HUYỀN HÀ LINH	15/06/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.0	5.0	6.2	24.2	004114
1588	QUẦN TRỌNG THẮNG	22/01/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	3.5	6.0	5.2	24.2	015115
1589	NGÔ MINH ĐIỀN	05/10/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	3.5	6.0	5.2	24.2	001059
1590	MAI XUÂN HIẾU	28/11/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	4.8	8.2	24.2	009053

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1591	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	03/08/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.0	6.5	5.2	24.2	007134
1592	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	05/10/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	1.0	8.0	6.2	24.2	010015
1593	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	16/11/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	5.3	2.6	24.1	009162
1594	CHU ĐỨC ANH	13/02/2009	8A6	THCS AN HỒNG	5.0	5.8	2.6	24.1	004003
1595	LƯU KHẢI PHONG	13/12/2009	8C2	THCS AN HƯNG	4.8	5.0	4.6	24.1	005167
1596	NGUYỄN VĂN QUYỀN	10/08/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	4.8	5.0	4.6	24.1	015108
1597	NGUYỄN VĂN VĨ	21/02/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.8	4.5	5.6	24.1	015136
1598	ĐÀO TRUNG KIÊN	18/02/2009	8E	THCS AN HOÀ	4.3	6.0	3.6	24.1	003087
1599	VŨ NGỌC BẢO NGÂN	23/04/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	2.8	7.0	4.6	24.1	002182
1600	NGUYỄN THÚY NGÀ	05/05/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	2.3	8.0	3.6	24.1	015092
1601	BÙI MAI PHƯƠNG	26/11/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	6.5	3.0	5.0	24	002198
1602	BÙI ĐỨC LONG	15/02/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.3	3.3	4.8	24	012055
1603	TRẦN ĐỨC HUY	06/08/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	6.0	4.0	4.0	24	015054
1604	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	26/08/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	3.5	5.0	24	012078
1605	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	19/11/2009	8C	THCS LÊ LỢI	6.0	3.0	6.0	24	012021
1606	NGUYỄN HÙNG DŨNG	25/10/2009	8C3	THCS AN HƯNG	5.5	5.0	3.0	24	005045
1607	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	03/04/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	4.0	24	016118
1608	HOÀNG VŨ THÀNH ĐẠT	28/06/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	4.0	24	001055
1609	LÊ QUANG VIỆT ANH	11/10/2009	8C4	THCS AN HƯNG	4.5	6.5	2.0	24	005011
1610	ĐẶNG THU PHƯƠNG	12/09/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	5.0	24	016192
1611	NGUYỄN NGỌC MAI	25/04/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	4.3	6.3	3.0	24	011081
1612	TRẦN THỊ BÍCH NGUYỆT	30/06/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	4.0	6.0	4.0	24	015094
1613	ĐỖ THỊ YẾN VY	10/04/2009	8C6	THCS AN HƯNG	3.8	5.3	6.0	24	005245
1614	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	01/04/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	3.5	6.0	5.0	24	002200
1615	PHẠM THÙY LINH	21/10/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	3.5	5.5	6.0	24	002150
1616	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	28/10/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	7.5	3.0	24	015141
1617	NGUYỄN CÔNG THÀNH	25/02/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	3.0	6.5	5.0	24	013144
1618	ĐÀO VIỆT HOÀNG	23/01/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	2.5	6.0	7.0	24	001091
1619	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	04/09/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	1.5	7.0	7.0	24	015036
1620	CAO MINH PHÚC	28/07/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.3	4.5	4.4	23.9	014173

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1621	PHẠM HỮU NGUYỄN	10/05/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	5.0	5.0	3.9	23.9	011092
1622	LÊ HOÀNG VĨ	28/01/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	3.5	5.8	5.4	23.9	013182
1623	NGUYỄN ĐÌNH BẢO ANH	26/07/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	2.8	6.5	5.4	23.9	016009
1624	TÔ MINH QUANG	16/03/2009	8A1	THCS AN HỒNG	7.0	2.5	4.8	23.8	004184
1625	KHOA ĐĂNG NHẬT	01/05/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	5.0	2.8	23.8	009133
1626	VŨ TRỌNG BÌNH KHÁNH	30/11/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	5.3	5.3	2.8	23.8	002128
1627	ĐỒNG TUYẾT NHUNG	09/09/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	3.8	23.8	004169
1628	TRƯƠNG VĂN HOÀN	17/02/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	4.5	4.5	5.8	23.8	013066
1629	NGUYỄN THỊ THẢO	04/08/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	4.0	5.5	4.8	23.8	013148
1630	CHU MAI HOA	25/09/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.0	5.0	5.8	23.8	008053
1631	HOÀNG VĂN LUÂN	10/09/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	3.8	5.3	5.8	23.8	007161
1632	TRẦN HẢI LÂM	15/10/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.5	5.5	5.8	23.8	006057
1633	CHU ĐỨC THÀNH	19/10/2009	8A2	THCS AN HỒNG	3.0	6.5	4.8	23.8	004195
1634	NGUYỄN QUANG CƯỜNG	10/04/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.5	4.8	23.8	001044
1635	TỔNG THỊ HỒNG NINH	27/11/2009	8D	THCS AN HOÀ	3.0	6.4	5.0	23.8	003135
1636	DƯƠNG GIA BẢO	06/09/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	3.0	6.0	5.8	23.8	007033
1637	BÙI THỊ THU UYÊN	22/08/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	3.0	6.0	5.8	23.8	002249
1638	NGUYỄN TRUNG HIẾU	30/07/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	3.3	6.3	4.6	23.8	007095
1639	LƯU KHÁNH LINH	14/10/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	7.0	2.8	4.2	23.7	002143
1640	TRẦN GIA NHƯ	01/12/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	5.5	3.8	5.2	23.7	011102
1641	HOÀNG ĐÌNH DƯƠNG	22/05/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	4.8	5.0	4.2	23.7	007060
1642	LÊ NGUYỄN HUYỀN TRANG	29/01/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.3	6.0	5.2	23.7	001230
1643	NGUYỄN HẢI VÂN	26/07/2009	8B	THCS LÊ LỢI	6.0	3.8	4.0	23.6	012094
1644	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	20/11/2009	8A4	THCS AN HỒNG	5.5	5.0	2.6	23.6	004161
1645	LƯU VĂN THIỆN	26/10/2009	8C	THCS BẮC SƠN	5.5	5.0	2.6	23.6	006104
1646	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	15/06/2009	8C2	THCS AN HƯNG	5.0	5.5	2.6	23.6	005220
1647	LÊ VĂN MINH HIẾU	05/07/2009	8A	THCS BẮC SƠN	5.0	5.0	3.6	23.6	006039
1648	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	22/09/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	3.6	23.6	004190
1649	HOÀNG THỊ HIỀN	10/12/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	3.0	7.6	23.6	010066
1650	TRẦN VĂN VŨ	21/12/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.8	4.8	4.6	23.6	015137

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1651	VŨ MẠNH HÙNG	10/03/2009	8A6	THCS AN HỒNG	4.5	5.0	4.6	23.6	004087
1652	PHẠM THÀNH TRUNG	15/06/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	3.6	23.6	001237
1653	PHẠM MAI ANH	03/04/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.0	5.8	4.1	23.6	014018
1654	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	23/08/2009	8A6	THCS AN HỒNG	4.0	5.5	4.6	23.6	004179
1655	PHẠM MINH HOÀNG	25/04/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	3.8	5.5	5.0	23.6	007106
1656	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	19/11/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	3.8	5.8	4.6	23.6	016196
1657	LÃNG TIẾN DŨNG	25/12/2009	8C2	THCS AN HƯNG	3.8	5.3	5.5	23.6	005043
1658	ĐOÀN CÔNG THÀNH	25/04/2009	8C1	THCS AN HƯNG	1.3	6.8	7.5	23.6	005193
1659	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	06/12/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	6.8	3.5	3.0	23.5	011017
1660	LÊ NGUYỄN XUÂN PHÚ	21/07/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	4.3	3.0	23.5	009141
1661	VŨ THỊ MAI LAN	15/02/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.0	4.0	3.5	23.5	016108
1662	VŨ HOÀNG HẢI KHIÊN	15/09/2009	8A	THCS AN HOÀ	4.8	6.0	2.0	23.5	003085
1663	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	01/11/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	3.5	7.0	23.5	008109
1664	TRẦN MAI DƯƠNG	24/09/2009	8C4	THCS AN HƯNG	4.3	6.0	3.0	23.5	005047
1665	BÙI GIA KHOA	22/10/2009	8C1	THCS AN HƯNG	4.3	5.0	5.0	23.5	005099
1666	ĐỖ NHẬT MINH	06/11/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	4.3	4.5	6.0	23.5	002166
1667	NGÔ THỊ ÁNH VY	10/04/2009	8E	THCS AN HOÀ	3.8	6.5	3.0	23.5	003192
1668	HOÀNG DUY VŨ	23/10/2009	8A4	THCS AN HỒNG	3.5	6.8	3.0	23.5	004250
1669	PHẠM BẢO ANH	30/03/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	3.3	7.0	3.0	23.5	001020
1670	NGUYỄN VĂN MINH	02/03/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.3	6.0	5.0	23.5	016159
1671	BÙI TỔ UYÊN	12/10/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	3.0	6.3	5.0	23.5	013175
1672	NGÔ PHƯƠNG THÙY	12/07/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	2.8	6.5	5.0	23.5	007264
1673	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	27/02/2009	8C4	THCS AN HƯNG	2.3	6.3	6.4	23.5	005197
1674	LỤC THỊ MAI	11/05/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.8	5.5	4.8	23.4	010112
1675	NGÔ ĐĂNG KHOA	08/07/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	7.5	1.5	5.4	23.4	010090
1676	NGUYỄN THANH HIẾU	02/11/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	3.5	7.4	23.4	009055
1677	PHẠM PHƯƠNG ANH	08/09/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	3.4	23.4	001023
1678	TRẦN THỊ ANH THƯ	11/08/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.3	6.8	3.4	23.4	011125
1679	LÊ XUÂN HẢI	30/03/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	5.4	23.4	001073
1680	NGÔ VĂN DUY	07/01/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	2.0	7.0	5.4	23.4	013040

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1681	NGUYỄN KHÁNH LINH	02/05/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.8	4.0	3.8	23.3	004118
1682	NGHIÊM BÍCH HẰNG	18/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	4.8	5.0	3.8	23.3	005066
1683	NGUYỄN NHẬT MINH	19/10/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	4.3	5.0	4.8	23.3	016157
1684	HOÀNG THẾ BẢO	05/09/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	3.5	4.8	6.8	23.3	013025
1685	VŨ GIA TÙNG ANH	10/01/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.3	7.0	2.8	23.3	014027
1686	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	15/11/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	4.3	4.6	23.2	012099
1687	PHẠM VĂN TOÀN	13/11/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	4.8	5.0	3.6	23.2	007274
1688	VŨ KIM CHI	26/09/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	0.8	8.0	5.6	23.2	010025
1689	DƯƠNG LÂM MỸ UYÊN	17/06/2009	8C2	THCS NAM SƠN	6.5	3.0	4.2	23.2	014230
1690	NGUYỄN THỊ HỒNG QUYÊN	21/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.0	5.0	1.2	23.2	003149
1691	NGUYỄN THANH TRÚC	09/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	5.8	4.8	2.2	23.2	005223
1692	NGUYỄN THANH MAI	05/11/2009	8C	THCS AN HOÀ	5.0	5.0	3.2	23.2	003115
1693	HOÀNG THỊ HOA	16/02/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.8	7.8	0.0	23.2	010068
1694	VŨ PHÚC LÂM	31/01/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.5	6.0	4.2	23.2	006058
1695	NGUYỄN QUỲNH ANH	12/12/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	2.3	7.8	3.2	23.2	007018
1696	ĐINH THUỶ DƯƠNG	26/11/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	2.0	7.0	5.2	23.2	010040
1697	NGUYỄN KHÁNH LY	14/01/2009	8C4	THCS AN HƯNG	5.3	5.0	2.6	23.1	005132
1698	PHẠM PHI TRƯỜNG	18/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.3	5.0	2.6	23.1	014225
1699	NGUYỄN BÍCH NGỌC	11/05/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.0	5.3	2.6	23.1	004154
1700	NGÔ THỊ MAI PHƯƠNG	29/07/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.8	6.0	1.6	23.1	003145
1701	NGUYỄN ĐỨC ANH	23/12/2009	8C3	THCS AN HƯNG	4.8	5.5	2.6	23.1	005012
1702	DƯƠNG HẢI LONG	01/04/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	4.8	5.0	3.6	23.1	015077
1703	TRỊNH MINH ÁNH	27/11/2009	8C3	THCS NAM SƠN	4.5	6.0	2.1	23.1	014030
1704	NGUYỄN VĂN MINH	28/11/2009	8C2	THCS NAM SƠN	4.3	6.0	2.6	23.1	014136
1705	NGUYỄN THỊ OANH	11/02/2009	8E	THCS AN HOÀ	3.8	6.5	2.6	23.1	003136
1706	ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG	13/02/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	3.3	6.0	4.6	23.1	002081
1707	ĐỒNG LÊ THẢO NGUYỄN	03/09/2009	8D	THCS BẮC SƠN	3.0	7.3	2.6	23.1	006087
1708	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	25/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	2.8	7.8	2.0	23.1	007269
1709	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	11/08/2008	8C1	THCS NAM SƠN	2.8	7.5	2.6	23.1	014029
1710	NGUYỄN CHI LINH	15/03/2009	8A	THCS BẮC SƠN	2.8	6.5	4.6	23.1	006063

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1711	ĐẶNG QUANG DUY	19/01/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	2.3	5.5	7.6	23.1	015025
1712	NGUYỄN HOÀNG DIỆU LINH	21/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	1.8	7.0	5.6	23.1	007145
1713	NGUYỄN TÙNG LÂM	18/04/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.5	4.5	3.0	23	016115
1714	NGÔ DUY QUANG	19/10/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	5.3	4.8	3.0	23	002203
1715	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	13/12/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	5.0	5.0	3.0	23	015057
1716	NGUYỄN THU NGÂN	23/10/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	4.0	5.0	23	012062
1717	TRẦN MINH ANH	26/09/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	4.0	5.0	23	012009
1718	LƯU HẢI PHONG	10/01/2009	8C	THCS AN HOÀ	4.5	6.0	2.0	23	003139
1719	ĐẶNG NGÂN KHÁNH	20/07/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.5	3.0	23	016095
1720	NGÔ THỊ KHÁNH LINH	29/09/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	4.0	23	016120
1721	LƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	01/02/2009	8C2	THCS AN HƯNG	4.5	5.0	4.0	23	005213
1722	HOÀNG THỊ THÙY LINH	26/08/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	4.0	6.0	3.0	23	015072
1723	NGUYỄN LONG HẢI	18/08/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	4.0	5.0	5.0	23	007086
1724	PHẠM NGUYỄN PHÁT	09/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	4.0	5.0	5.0	23	002195
1725	LÊ QUỐC KHÁNH	25/06/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	4.0	4.5	6.0	23	007132
1726	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	15/11/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.5	6.0	4.0	23	007118
1727	PHẠM PHƯƠNG DUY	27/09/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	3.5	5.0	6.0	23	001046
1728	LÊ HUY HOÀNG	16/02/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.5	5.0	6.0	23	001092
1729	LƯU HOÀNG THÙY DƯƠNG	12/12/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	2.5	7.0	4.0	23	001051
1730	NGUYỄN VĂN THÀNH	11/06/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	2.5	6.0	6.0	23	010158
1731	VŨ THỊ THÙY TRANG	05/08/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	2.0	8.0	3.0	23	010180
1732	LÊ QUỐC ĐẠT	07/10/2009	8D	THCS AN HOÀ	2.0	7.5	4.0	23	003044
1733	HOÀNG THỊ HẢI ANH	08/01/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	1.8	6.8	6.0	23	007008
1734	DƯƠNG YẾN NHI	20/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	1.0	6.0	9.0	23	007201
1735	NGÔ MẠNH TIẾN	07/08/2009	8E	THCS AN HOÀ	0.0	8.0	7.0	23	003171
1736	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG MAI	21/08/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	5.3	4.5	3.4	22.9	002157
1737	TRẦN ĐỖ ĐỨC MINH	28/03/2009	8C3	THCS AN HƯNG	5.3	3.0	6.4	22.9	005143
1738	PHẠM PHÚ KIỆT	01/06/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	4.3	4.0	6.4	22.9	002133
1739	MAI XUÂN BÌNH	19/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	4.0	6.3	2.4	22.9	014036
1740	NGUYỄN TIẾN DŨNG	27/09/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.8	5.0	5.4	22.9	011026

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1741	HOÀNG TIẾN ĐẠT	30/07/2009	8B	THCS AN HOÀ	2.5	7.3	3.4	22.9	003042
1742	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	10/10/2009	8D	THCS AN HOÀ	2.0	8.8	1.4	22.9	003173
1743	TRẦN THỊ THẢO NHI	12/09/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	1.5	6.3	7.4	22.9	007207
1744	TRẦN CÔNG VINH	09/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.0	4.0	2.8	22.8	014239
1745	ĐINH THÙY TRANG	24/08/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.5	4.5	2.8	22.8	016239
1746	ĐOÌ THẢO ANH	25/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	4.3	3.8	22.8	009007
1747	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	13/11/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.3	3.3	5.8	22.8	002220
1748	ĐINH THỊ THU HẰNG	01/10/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	4.5	5.0	3.8	22.8	002089
1749	VŨ THỊ NHƯ NGỌC	25/06/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	4.5	5.0	3.8	22.8	013113
1750	BÙI MINH HIẾU	21/06/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	4.0	5.3	4.2	22.8	007092
1751	NGUYỄN THỊ THUỖ DUNG	04/03/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	4.0	5.0	4.8	22.8	010031
1752	BÙI THU NGÂN	06/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.5	5.8	22.8	016167
1753	MAI CÔNG VINH	21/07/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.5	6.5	2.8	22.8	014238
1754	VŨ QUANG HUY	04/04/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.5	5.5	4.8	22.8	006046
1755	ĐÀO KHÁNH KHANG	17/07/2009	8B	THCS AN HOÀ	3.3	7.3	1.8	22.8	003081
1756	QUẢN MINH PHƯƠNG	01/02/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	3.0	6.0	4.8	22.8	013130
1757	CAO HƯƠNG GIANG	24/07/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	2.5	6.0	5.8	22.8	001065
1758	ĐỖ THỊ YẾN PHƯƠNG	08/08/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	2.3	7.0	4.2	22.8	010136
1759	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	17/03/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	2.3	6.5	5.3	22.8	015004
1760	PHẠM THU PHƯƠNG	27/07/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	1.3	7.8	4.8	22.8	007218
1761	LƯU ĐỨC HUY	07/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.0	3.8	3.2	22.7	003066
1762	LÊ VĂN HUY	09/09/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.3	4.0	4.2	22.7	008057
1763	LÊ THỊ TÌNH	24/12/2009	8C	THCS BẮC SƠN	5.0	3.8	5.2	22.7	006111
1764	NGUYỄN BÌNH AN	06/04/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	4.5	5.3	3.2	22.7	002002
1765	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	24/12/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.5	4.7	22.7	016073
1766	TRẦN DUY BẢO NAM	08/03/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	4.3	4.0	6.2	22.7	001168
1767	TRẦN PHI YẾN	29/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	4.0	5.5	3.7	22.7	004258
1768	CHU THỊ THANH THỦY	20/04/2009	8A6	THCS AN HỒNG	4.0	4.8	5.2	22.7	004213
1769	LÊ THỊ HẢI YẾN	18/08/2009	8C6	THCS AN HÙNG	4.0	4.3	6.2	22.7	005250
1770	PHAN BẢO HIẾU LAM	19/02/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	3.5	5.8	4.2	22.7	002134

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1771	NGHIÊM THỊ PHƯƠNG THẢO	05/10/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.5	5.5	4.7	22.7	016218
1772	TRẦN ĐỨC ANH	08/09/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.8	7.0	5.2	22.7	007024
1773	TRẦN NGỌC ANH	25/11/2009	8C3	THCS NAM SƠN	6.3	3.8	2.6	22.6	014024
1774	PHẠM QUANG THÀNH	12/09/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	4.5	1.6	22.6	009158
1775	TRỊNH VĂN PHÚC	01/03/2009	8C6	THCS AN HƯNG	6.0	3.0	4.6	22.6	005172
1776	NGUYỄN LIÊN HÒA	02/12/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.0	4.0	4.6	22.6	002108
1777	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	08/10/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	3.5	5.6	22.6	010129
1778	ĐỖ THÙY LINH	16/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	4.5	4.0	5.6	22.6	004113
1779	ĐỖ THỊ MAI TRANG	08/10/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	4.3	4.0	6.0	22.6	010178
1780	NGUYỄN THÁI BẢO	12/09/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	4.0	4.5	5.6	22.6	013028
1781	MAI TRUNG HƯỜNG	05/09/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.8	6.3	2.6	22.6	003080
1782	ĐOÀN VIỆT ANH	07/05/2009	8A1	THCS AN HỒNG	3.8	6.0	3.1	22.6	004006
1783	PHÙNG HIẾU MINH	17/05/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.8	4.8	5.6	22.6	015086
1784	NGUYỄN THỊ TRANG	11/05/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.5	7.0	1.6	22.6	003175
1785	NGUYỄN HỒNG ÁNH	12/09/2009	8A3	THCS AN HỒNG	3.5	6.0	3.6	22.6	004026
1786	NGUYỄN CÔNG VINH	10/03/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	3.5	5.5	4.6	22.6	015135
1787	HOÀNG HẢI ĐỊNH	09/11/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.5	6.0	5.6	22.6	001060
1788	BÙI HUYỀN TRANG	11/12/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	2.3	7.0	4.0	22.6	007275
1789	LÊ MINH HOÀNG	05/12/2009	8E	THCS AN HOÀ	2.3	8.0	2.1	22.6	003063
1790	NGUYỄN THUỶ TRANG	17/04/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	6.6	22.6	001233
1791	PHẠM MINH HUYỀN	06/04/2009	8A2	THCS AN HỒNG	6.5	3.0	3.5	22.5	004086
1792	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THÙY	10/03/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	5.3	3.0	6.0	22.5	015120
1793	LÊ HIẾU NAM	01/08/2009	8A	THCS BẮC SƠN	5.0	3.8	5.0	22.5	006080
1794	ĐÀO HỮU SANG	19/06/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	5.8	2.0	22.5	009152
1795	NGUYỄN TIẾN MẠNH	11/02/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	4.3	5.5	3.0	22.5	016150
1796	PHẠM DUY MINH	10/11/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	4.3	5.0	4.0	22.5	001160
1797	NGUYỄN TRẦN THẾ AN	13/04/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	4.0	5.3	4.0	22.5	002003
1798	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	03/07/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	3.5	6.0	3.5	22.5	016136
1799	TRẦN MINH QUANG	24/08/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	3.5	5.3	5.0	22.5	007223
1800	TRẦN NHẬT TÂN	23/03/2009	8C2	THCS AN HƯNG	3.5	4.5	6.5	22.5	005191

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1801	PHẠM MAI LINH	10/10/2009	8C1	THCS AN HƯNG	1.8	7.0	5.0	22.5	005116
1802	ĐINH QUANG KHANG	16/02/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	6.5	6.0	22.5	009082
1803	BÙI PHÚC NGUYỄN	03/10/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	0.5	7.8	6.0	22.5	007196
1804	DƯƠNG MINH NGỌC	17/07/2009	8A1	THCS AN HỒNG	4.5	3.5	6.4	22.4	004152
1805	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	05/08/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	3.5	5.5	4.4	22.4	013082
1806	LÊ THỊ THU YẾN	20/10/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.3	6.3	3.4	22.4	014243
1807	VŨ THỊ TRANG	05/05/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.0	6.5	3.4	22.4	006116
1808	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	13/12/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	3.0	6.0	4.4	22.4	007232
1809	TRẦN TUẤN ANH	05/12/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.0	6.4	22.4	013022
1810	VŨ THỊ DIỆU LY	25/03/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	2.5	6.0	5.4	22.4	013096
1811	NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	10/11/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	2.5	5.5	6.4	22.4	007013
1812	ĐÀO NHẬT VINH	11/10/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN	1.5	8.0	3.4	22.4	007299
1813	LÊ THU NGÂN	28/06/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	7.0	6.4	22.4	008091
1814	ĐỖ THANH NHÂN	22/10/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.8	4.0	2.8	22.3	004165
1815	TRẦN VIỆT ANH	10/07/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.3	2.0	7.8	22.3	002030
1816	VŨ THỊ HÀ GIANG	26/10/2009	8C4	THCS NAM SƠN	5.0	4.3	3.8	22.3	014064
1817	NGUYỄN QUANG HUY	14/10/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.8	5.0	2.8	22.3	014088
1818	BÙI TRUNG HIẾU	07/11/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	4.8	4.5	3.8	22.3	002092
1819	NGUYỄN QUANG LONG	02/07/2009	8D	THCS BẮC SƠN	4.8	4.5	3.8	22.3	006068
1820	ĐỒNG KHÁNH LINH	30/06/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.3	5.0	3.8	22.3	004111
1821	QUÁCH ĐẠI SANG	04/02/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.8	4.8	5.3	22.3	014184
1822	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	24/04/2009	8C2	THCS AN HƯNG	3.8	4.5	5.8	22.3	005097
1823	LƯƠNG TUẤN LONG	15/01/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	3.5	5.8	3.8	22.3	013093
1824	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	19/10/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	3.3	5.3	5.2	22.3	007061
1825	TRẦN THỊ NGỌC ANH	30/08/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	2.8	6.0	4.8	22.3	001027
1826	LÊ HỒNG PHONG	05/07/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	2.3	7.0	3.8	22.3	011104
1827	VŨ THIỆN NHÂN	11/06/2009	8C1	THCS NAM SƠN	2.0	7.8	2.8	22.3	014159
1828	NGÔ THỊ HẠNH	14/12/2009	8E	THCS AN HOÀ	2.0	7.8	2.8	22.3	003056
1829	CAO THỊ THUẬN	21/12/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.5	6.3	2.6	22.2	010166
1830	PHẠM NGỌC HẢI	04/04/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.8	6.5	5.6	22.2	010056

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1831	NGUYỄN VĂN QUANG	23/01/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.3	3.8	4.0	22.2	012075
1832	ĐÀM MỸ UYÊN	07/07/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	2.2	22.2	004240
1833	PHẠM TIẾN CÔNG	27/01/2009	8C	THCS BẮC SƠN	5.0	2.5	7.2	22.2	006020
1834	NGUYỄN THÀNH GIANG	17/01/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.0	5.0	4.2	22.2	003053
1835	TRƯƠNG HẢI BÌNH	31/07/2009	8A6	THCS AN HỒNG	3.3	6.8	2.2	22.2	004030
1836	TRẦN ANH ĐỨC	04/02/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	2.5	5.5	6.2	22.2	013054
1837	NGUYỄN THỊ THẢO MY	22/01/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	2.3	6.8	4.2	22.2	007179
1838	PHẠM VĂN CÔNG	30/11/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	0.5	8.0	5.2	22.2	010029
1839	VŨ NHÂN KIẾT	26/12/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	6.0	3.0	4.1	22.1	016107
1840	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	08/05/2009	8C4	THCS NAM SƠN	5.3	4.3	3.1	22.1	014070
1841	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	08/12/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.0	3.8	4.6	22.1	003013
1842	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG NHÂN	10/07/2009	8C2	THCS AN HƯNG	4.5	5.0	3.1	22.1	005161
1843	PHẠM VĂN TIẾN	24/09/2009	8C5	THCS NAM SƠN	4.0	6.0	2.1	22.1	014216
1844	TRẦN NGỌC CHI	18/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.0	5.3	3.6	22.1	014041
1845	NGUYỄN TUẤN MINH	03/12/2009	8C1	THCS AN HƯNG	3.8	5.0	4.6	22.1	005140
1846	LÊ QUỲNH CHI	28/01/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.8	4.5	5.6	22.1	006018
1847	BÙI NGỌC DIỆP	15/05/2009	8B4	THCS ĐÔNG THÁI	3.5	3.8	7.6	22.1	009030
1848	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	31/10/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	3.3	5.5	4.6	22.1	015093
1849	VŨ THỊ KHÁNH LINH	05/01/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	6.8	2.6	22.1	015076
1850	PHẠM QUANG THANH	20/05/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.0	7.8	4.6	22.1	007245
1851	ĐẶNG THỊ NGỌC	01/12/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.8	6.0	8.6	22.1	007191
1852	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	19/09/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.3	2.0	5.4	22	010185
1853	NGUYỄN TRÀ MY	30/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.3	1.8	8.0	22	008084
1854	ĐỖ THỊ QUỲNH CHI	22/11/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	4.0	4.0	22	012013
1855	NGUYỄN HÀ ANH	01/10/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	3.5	5.0	22	012002
1856	PHẠM HUY HOÀNG	16/10/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	3.5	5.0	22	012035
1857	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	22/10/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	2.0	8.0	22	010060
1858	HOÀNG VĂN HUY	20/08/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	4.5	5.0	3.0	22	015053
1859	NGUYỄN QUANG QUYẾT	25/08/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	4.0	5.5	3.0	22	007228
1860	LÊ KHẮC HOÀNG ANH	09/09/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.0	5.5	3.0	22	014009

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1861	NGUYỄN THỊ THẢO MAI	29/09/2009	8C	THCS AN HOÀ	4.0	5.5	3.0	22	003116
1862	NGUYỄN MINH HIẾU	28/06/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	4.0	22	001081
1863	MAI DIỆU LINH	28/03/2009	8C4	THCS AN HƯNG	4.0	4.0	6.0	22	005108
1864	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	10/11/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	3.8	5.3	4.0	22	002047
1865	HOÀNG XUÂN THỊNH	11/04/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	3.5	5.0	5.0	22	001213
1866	NGUYỄN PHẠM NHẬT MINH	03/11/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.0	6.0	4.0	22	010117
1867	PHẠM VĂN TRƯỜNG	02/01/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	6.0	22	001242
1868	HỒ THỊ KHÁNH LY	17/10/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	2.8	6.0	4.4	22	010111
1869	NGUYỄN THẾ ANH	01/05/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	2.8	6.3	4.0	22	007019
1870	PHẠM HẢI YẾN	03/10/2008	8B	THCS QUỐC TUẤN	2.5	7.0	3.0	22	015142
1871	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	14/06/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	6.0	5.0	22	008016
1872	ĐẶNG THỊ MAI HOA	20/11/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.5	5.0	7.0	22	001090
1873	LONG THANH BẢO	26/05/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	2.3	6.3	5.0	22	007035
1874	VŨ DOÃN BẮC	30/11/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	8.0	4.0	22	010018
1875	NGUYỄN TUYẾT NHI	22/09/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	1.0	6.0	8.0	22	007204
1876	ĐỖ NGỌC HÀ	29/04/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	7.8	1.0	4.4	21.9	002083
1877	MAI TRUNG HÒA	25/11/2009	8C1	THCS NAM SƠN	5.3	4.5	2.4	21.9	014084
1878	NGUYỄN VƯƠNG KHANG	12/09/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	1.9	21.9	004090
1879	PHAN THỊ BÍCH MAI	20/10/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	5.0	3.4	21.9	009113
1880	LÊ KHÁNH NGỌC	01/12/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	4.3	3.5	6.4	21.9	002186
1881	NGUYỄN MINH NGỌC	03/12/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.3	5.4	21.9	016171
1882	PHẠM TẤN MINH	07/11/2009	8A4	THCS AN HỒNG	3.3	5.5	4.4	21.9	004136
1883	NGUYỄN ĐỨC QUANG	15/07/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.3	6.0	5.4	21.9	001190
1884	NGUYỄN CAO SƠN	06/11/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	4.3	2.8	21.8	009154
1885	ĐOÀN THỊ KHÁNH LỘC	25/10/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	3.5	4.8	21.8	010107
1886	VŨ HOÀNG ANH	26/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	4.5	5.0	2.8	21.8	014028
1887	TRẦN THU HÀ	06/10/2009	8A	THCS BẮC SƠN	4.3	5.3	2.8	21.8	006037
1888	ĐẶNG BÁ PHONG	06/06/2009	8C2	THCS AN HƯNG	4.0	5.0	3.8	21.8	005166
1889	PHẠM HỒNG HƯỞNG	22/05/2009	8C2	THCS AN HƯNG	3.9	5.0	4.0	21.8	005091
1890	NGUYỄN TRUNG HIẾU	28/01/2009	8A2	THCS AN HỒNG	3.3	6.0	3.3	21.8	004065

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1891	LÊ THỊ NGỌC ANH	26/04/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	5.5	4.8	21.8	006007
1892	ĐÀO PHƯƠNG LINH	07/04/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.0	5.0	5.8	21.8	014110
1893	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	21/09/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	6.5	3.8	21.8	013129
1894	NGUYỄN LONG BẢO MINH	13/03/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	1.3	5.5	8.3	21.8	002168
1895	NGÔ TRƯỜNG VY	22/08/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	8.3	3.2	21.8	010199
1896	TIÊU THỊ THÙY DUNG	02/09/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	5.8	2.0	6.2	21.7	016039
1897	ĐỒNG CÔNG VINH	27/02/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.5	3.3	4.2	21.7	003189
1898	PHẠM HÙNG CƯỜNG	24/12/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	1.7	21.7	004039
1899	NGUYỄN TRỌNG THUẬN	23/02/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	4.5	4.8	3.2	21.7	007263
1900	ĐỖ HOÀNG GIANG	17/04/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	4.0	2.5	8.7	21.7	016064
1901	BÙI THỊ THÙY DUNG	25/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	3.5	5.5	3.7	21.7	004040
1902	NGUYỄN CẨM TÚ	02/08/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	3.3	5.0	5.2	21.7	002245
1903	TRẦN HOÀNG ANH	02/01/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.3	5.0	5.2	21.7	007025
1904	BÙI THU HƯƠNG	10/08/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.3	5.0	5.2	21.7	011056
1905	PHẠM THỊ KIM NGÂN	18/07/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.8	5.0	6.2	21.7	008093
1906	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	28/07/2009	8C6	THCS AN HƯNG	2.5	5.3	6.2	21.7	005248
1907	MAI VĂN HUY	27/05/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	2.3	6.0	5.2	21.7	001101
1908	ĐÀO PHƯƠNG UYÊN	21/07/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	2.3	6.0	5.2	21.7	001247
1909	HOÀNG THỊ MINH ANH	08/01/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	1.5	6.3	6.2	21.7	007009
1910	ĐỒNG ĐỨC AN	11/12/2008	8A5	THCS AN HỒNG	5.5	4.0	2.6	21.6	004001
1911	LÊ THỊ BẢO NHI	01/03/2009	8A1	THCS AN HỒNG	5.5	2.0	6.6	21.6	004167
1912	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	26/07/2009	8C	THCS BẮC SƠN	5.0	4.0	3.6	21.6	006093
1913	MAI THỊ HẢI YẾN	22/08/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	3.5	4.6	21.6	012098
1914	PHẠM THỊ KHÁNH MAI	28/05/2009	8C4	THCS AN HƯNG	4.0	5.0	3.6	21.6	005133
1915	LÊ THẢO MY	30/10/2009	8A1	THCS AN HỒNG	4.0	5.0	3.6	21.6	004137
1916	TRẦN TRUNG HIẾU	26/11/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	3.5	4.5	5.6	21.6	013062
1917	VŨ THỊ YẾN	19/09/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.5	4.0	6.6	21.6	010202
1918	ĐOÀN TIẾN VINH	21/11/2009	8C1	THCS AN HƯNG	3.3	6.5	2.1	21.6	005238
1919	VŨ ĐÌNH HOÀNG CHÂU	30/01/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.0	5.0	5.6	21.6	010020
1920	ĐINH THỊ LINH	14/05/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.5	6.0	4.6	21.6	006060

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1921	NGUYỄN MINH NHẬT HOÀNG	02/07/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	2.5	5.0	6.6	21.6	001093
1922	NGUYỄN THỊ THẢO HUY	01/02/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	1.3	8.0	3.0	21.6	007113
1923	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	05/02/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	1.0	7.8	4.0	21.6	007081
1924	PHẠM MINH ĐẠT	01/08/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	1.0	7.3	5.0	21.6	007069
1925	ĐÀO HÀ ANH THƯ	01/11/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	0.8	7.0	6.0	21.6	007267
1926	NGÔ TRIỆU VY	22/08/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.3	7.8	3.4	21.6	010198
1927	LÊ TRUNG KIÊN	16/01/2009	8C	THCS AN HOÀ	4.5	5.3	2.0	21.5	003088
1928	BÙI HẢI NAM	20/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.8	4.3	5.5	21.5	014143
1929	NGUYỄN SINH QUÂN	17/04/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.3	5.0	5.0	21.5	008112
1930	NGUYỄN MAI ANH	08/11/2009	8E	THCS LÊ THIỆN	2.5	5.3	6.0	21.5	013010
1931	ĐÀO VĂN HUY	05/09/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	2.3	5.0	7.0	21.5	001100
1932	ĐOÀN THU PHƯƠNG	25/01/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.8	7.0	4.0	21.5	005173
1933	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	02/09/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	3.0	6.0	3.4	21.4	013102
1934	PHÍ ANH VŨ	29/07/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.5	4.4	21.4	013183
1935	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	18/03/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.5	4.4	21.4	013049
1936	CAO XUÂN HẢI	07/11/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	4.5	6.4	21.4	009046
1937	LƯU XUÂN DƯƠNG	01/06/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	5.0	4.8	1.8	21.3	002063
1938	KHÚC THÀNH MINH	17/06/2009	8A1	THCS AN HỒNG	4.0	4.3	4.8	21.3	004132
1939	NGUYỄN THÁI SƠN	03/01/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	4.0	3.8	5.8	21.3	015110
1940	TRIỆU ĐỨC DUY	07/11/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	3.8	3.8	6.2	21.3	007059
1941	LÊ THỊ THÙY LINH	27/05/2009	8C3	THCS AN HƯNG	3.3	4.5	5.8	21.3	005107
1942	HOÀNG TUẤN CƯỜNG	02/04/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	2.8	5.0	5.8	21.3	001041
1943	CAO THỊ PHƯƠNG LY	26/06/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.3	5.5	3.6	21.2	010110
1944	LÒ MẠNH QUÂN	10/04/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.3	3.3	4.0	21.2	012076
1945	NGÔ HẢI NAM	19/08/2009	8C	THCS AN HOÀ	5.0	5.0	1.2	21.2	003125
1946	BÙI ĐOÀN TUYẾT NHI	05/02/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	3.8	5.5	2.7	21.2	011094
1947	VŨ ANH VĂN	30/08/2009	8D	THCS BẮC SƠN	3.5	5.0	4.2	21.2	006126
1948	BÙI ĐẶNG MINH HÙNG	26/02/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	3.0	8.2	21.2	009074
1949	LƯƠNG GIA HÂN	24/12/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	5.2	21.2	001076
1950	TRẦN ĐỨC QUỲNH	05/08/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	2.3	5.5	5.6	21.2	010151

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1951	PHẠM ANH TUẤN	13/11/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	2.0	6.5	4.2	21.2	013170
1952	NGUYỄN KHẮC HUY	20/10/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	5.8	2.0	5.6	21.1	001102
1953	NGUYỄN MINH QUÂN	12/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.5	4.3	1.6	21.1	004187
1954	TRẦN QUỐC KHÁNH	10/10/2009	8C4	THCS NAM SƠN	5.0	4.5	2.1	21.1	014100
1955	CHU MINH ĐỨC	15/08/2009	8A1	THCS AN HỒNG	4.3	5.0	2.6	21.1	004051
1956	NGUYỄN VIỆT ANH	24/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.8	5.0	3.6	21.1	014017
1957	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	05/06/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	3.5	4.8	4.6	21.1	013156
1958	PHẠM VĂN CƯỜNG	16/11/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.3	4.5	5.6	21.1	015023
1959	PHAN KIM THỊNH	23/03/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.8	3.6	21.1	002222
1960	ĐÀO QUỐC VIỆT	16/09/2009	8C	THCS AN HOÀ	2.5	4.8	6.6	21.1	003187
1961	ĐỖ VĂN TUẤN	12/08/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	1.8	6.0	5.6	21.1	002239
1962	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	27/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	0.8	8.0	3.6	21.1	014245
1963	NGUYỄN THỊ THÙY NGÂN	18/02/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.5	4.0	2.0	21	004150
1964	PHẠM QUỐC AN	05/10/2009	8A	THCS AN HOÀ	5.5	3.0	4.0	21	003002
1965	TRẦN ĐÌNH HIẾU	20/01/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	3.5	4.0	21	012033
1966	ĐỖ THỊ HƯỜNG	15/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	3.5	4.0	21	012043
1967	ĐOÀN NGUYỄN MẠNH DOANH	20/01/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	3.5	4.0	21	012017
1968	BÙI UY VŨ	05/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	3.3	4.4	21	012096
1969	NGUYỄN THỊ KIỀU	11/12/2009	8A6	THCS AN HỒNG	5.0	3.0	5.0	21	004103
1970	HOÀNG VIỆT THÀNH	06/03/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	3.0	5.0	21	012080
1971	TRẦN HỮU HIẾU	04/03/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	4.5	4.0	4.0	21	002097
1972	NGUYỄN HỮU LONG	30/09/2009	8C5	THCS AN HƯNG	4.5	4.0	4.0	21	005126
1973	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	02/07/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.3	4.3	4.0	21	015129
1974	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG LINH	05/10/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	3.8	4.5	4.5	21	002145
1975	VŨ TRẦN KHÁNH TRẦN	12/03/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.5	6.0	2.0	21	014221
1976	ĐẶNG THỊ HỒNG VÂN	17/11/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.5	5.5	3.0	21	016262
1977	DƯƠNG ĐỨC ANH	21/11/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.5	5.0	4.0	21	011002
1978	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	15/12/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	3.5	5.0	4.0	21	007253
1979	NGUYỄN VĂN MẠNH	12/05/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	3.5	4.0	6.0	21	013099
1980	HÀ HOÀNG ANH	27/12/2009	8C3	THCS AN HƯNG	3.0	5.0	5.0	21	005008

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1981	ĐẶNG THỊ KIỀU ANH	28/08/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	3.0	5.0	5.0	21	013004
1982	TRỊNH THỊ BÌNH MINH	10/06/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	2.5	6.0	4.0	21	011084
1983	NGUYỄN ĐỨC THIÊN TÂM	01/08/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.5	5.0	6.0	21	001201
1984	VŨ QUỐC TRIỆU	13/10/2009	8C2	THCS AN HƯNG	2.3	5.8	5.0	21	005216
1985	LÊ HOÀNG TÙNG	11/09/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	2.0	6.5	4.0	21	007287
1986	VŨ THỊ ÁNH TUYẾT	17/06/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.8	5.3	7.0	21	005228
1987	NGUYỄN MAI CHI	03/03/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0	7.0	5.0	21	010021
1988	PHẠM KHÁNH DUY	26/09/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	1.0	7.0	5.0	21	010033
1989	NGUYỄN NGỌC ANH	06/07/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0	7.0	5.0	21	010006
1990	NGUYỄN THỊ THÚY	16/10/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.5	7.0	6.0	21	008129
1991	PHÚ NGỌC HUY	09/09/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	5.0	2.8	5.4	20.9	013072
1992	NGUYỄN THANH LAN	11/10/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.3	5.0	2.4	20.9	003094
1993	ĐỖ HẢI NAM	23/07/2009	8C3	THCS AN HƯNG	3.8	5.0	3.4	20.9	005145
1994	ĐỖ PHẠM MAI ANH	25/11/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	3.5	5.3	3.4	20.9	002015
1995	HOÀNG HOÀI LINH	24/09/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	3.3	4.5	5.4	20.9	007141
1996	BÙI THỊ LAN ANH	08/05/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.0	3.8	7.4	20.9	003003
1997	PHẠM THANH TRÚC	04/05/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	2.5	5.8	4.4	20.9	013165
1998	NGUYỄN BẢO HƯNG	11/01/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	6.3	6.4	20.9	009078
1999	PHẠM THỊ PHƯƠNG NHI	19/01/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	0.0	7.3	6.4	20.9	007206
2000	LÊ VĂN MINH KHÁNH	19/07/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.8	4.5	2.3	20.8	014097
2001	VŨ HUYỀN TRANG	08/09/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	4.5	3.5	4.8	20.8	016245
2002	VŨ HÀ MY	20/06/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	3.5	5.0	3.8	20.8	011085
2003	TRẦN HƯƠNG GIANG	26/11/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	4.3	5.8	20.8	009040
2004	HÀ HOÀI PHƯƠNG	22/02/2009	8A3	THCS AN HỒNG	3.3	3.8	6.8	20.8	004178
2005	NGÔ TRUNG THIÊN	23/07/2009	8A	THCS AN HOÀ	3.0	6.0	2.8	20.8	003165
2006	VŨ THỊ HÀ LINH	03/02/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.0	5.0	4.8	20.8	006067
2007	HOÀNG LÂM ĐẠI	11/03/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.5	3.8	20.8	001053
2008	ĐOÀN THỊ THẢO VÂN	17/11/2009	8A4	THCS AN HỒNG	2.0	6.0	4.8	20.8	004242
2009	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	20/06/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	0.0	7.0	6.8	20.8	010042
2010	NGUYỄN MẠNH HÙNG	26/09/2009	8A	THCS BẮC SƠN	4.5	3.3	5.2	20.7	006049

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2011	LÝ BÌNH AN	12/12/2009	8A6	THCS AN HỒNG	4.0	4.8	3.2	20.7	004002
2012	NGUYỄN THỊ MINH HỒNG	04/08/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	3.8	5.0	3.2	20.7	015051
2013	VŨ MINH THUẬN	17/03/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.5	4.3	5.2	20.7	014207
2014	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	03/12/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	2.5	5.3	5.2	20.7	013184
2015	NGUYỄN NHƯ THUẬN	22/09/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	2.5	5.3	5.2	20.7	007262
2016	LÊ QUÝ BẢO	25/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	2.3	7.0	2.2	20.7	007034
2017	NGUYỄN PHÚC AN	26/10/2009	8C1	THCS AN HƯNG	1.8	5.3	6.6	20.7	005003
2018	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	12/03/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.3	3.0	4.0	20.6	012071
2019	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	16/07/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	3.3	4.0	20.6	012070
2020	VŨ THỊ PHƯƠNG	13/12/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	5.0	3.0	4.6	20.6	010141
2021	LÊ MINH KHƯƠNG	07/10/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	3.6	20.6	016103
2022	PHẠM MINH VŨ	29/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	4.0	5.0	2.6	20.6	014240
2023	LÊ ĐÌNH TÚ	22/06/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	3.5	4.5	4.6	20.6	002244
2024	TRẦN MINH QUÂN	20/03/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	3.3	4.3	5.6	20.6	002205
2025	TRẦN THỊ BẢO HÂN	01/03/2009	8B6	THCS ĐẠI BẢN	2.8	6.0	3.0	20.6	007089
2026	HOÀNG THANH HƯƠNG	31/12/2009	8C4	THCS AN HƯNG	2.6	5.0	5.4	20.6	005088
2027	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	26/07/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	5.0	5.6	20.6	013044
2028	LÊ VŨ GIA BẢO	29/06/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	2.5	4.5	6.6	20.6	015014
2029	ĐỖ VIỆT QUÂN	11/04/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	1.5	6.0	5.6	20.6	013132
2030	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	21/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.5	4.5	8.6	20.6	016067
2031	NGUYỄN THỊ YẾN TRANG	21/10/2009	8E	THCS AN HOÀ	1.3	8.0	2.1	20.6	003177
2032	VŨ THỊ HÀ LINH	19/04/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	5.0	3.0	4.5	20.5	016131
2033	NGUYỄN MAI LINH	27/03/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	4.5	3.5	4.5	20.5	016124
2034	PHAN TRUNG NGHĨA	02/06/2009	8C2	THCS NAM SƠN	4.3	4.5	3.0	20.5	014154
2035	LƯƠNG THỊ THÙY TRANG	15/01/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.5	3.5	20.5	016241
2036	NGUYỄN THỊ LINH	16/04/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	3.3	6.0	2.0	20.5	011076
2037	DƯƠNG NGỌC ANH	22/12/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	2.5	6.0	3.5	20.5	011003
2038	NGUYỄN TRUNG KIÊN	20/05/2009	8A	THCS AN HOÀ	2.5	5.3	5.0	20.5	003090
2039	NGUYỄN HẢI ANH	04/11/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	5.3	5.0	20.5	013009
2040	NGUYỄN THỊ KIM ANH	28/01/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	2.5	4.8	6.0	20.5	015009

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2041	DƯƠNG NGỌC THẢO MY	20/11/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	2.3	5.5	5.0	20.5	007177
2042	LÊ HẢI ĐĂNG	03/06/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	1.3	6.0	6.0	20.5	015032
2043	CHU THỊ HÀ VI	16/08/2009	8A4	THCS AN HỒNG	5.0	4.0	2.4	20.4	004246
2044	NGUYỄN THỊ LOAN	10/10/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	3.0	4.4	20.4	010104
2045	PHẠM TUẤN ANH	26/08/2009	8A2	THCS AN HỒNG	3.3	5.3	3.4	20.4	004024
2046	VŨ MINH HIẾU	18/06/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.0	6.4	20.4	001086
2047	LÊ HOÀNG HÀ	04/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	4.8	2.8	5.3	20.3	004054
2048	NGUYỄN THỊ THÙY TRINH	27/04/2009	8C4	THCS AN HƯNG	3.5	4.8	3.8	20.3	005219
2049	MAI THỊ THANH TÂM	08/01/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.3	5.0	3.8	20.3	014189
2050	BÙI THỊ THU HƯƠNG	28/09/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.0	5.0	4.3	20.3	016091
2051	NGUYỄN ANH THƯ	28/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	3.0	4.8	4.8	20.3	004214
2052	NGUYỄN THỊ HÀ VI	09/11/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	1.8	7.0	2.8	20.3	011136
2053	ĐẶNG THỊ NGỌC ANH	18/05/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	1.0	6.3	5.8	20.3	015005
2054	LƯƠNG ĐẮC KHÁNH	13/09/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	0.8	7.0	4.8	20.3	007133
2055	NGÔ VĂN THẮNG	22/11/2009	8D	THCS AN HOÀ	0.5	8.3	2.8	20.3	003164
2056	ĐOÀN THỊ LAN	29/11/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	5.8	3.0	2.6	20.2	011065
2057	VŨ THỊ BẢO NGỌC	12/08/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	6.5	2.0	3.2	20.2	010128
2058	NGUYỄN ĐÌNH MINH	11/05/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	6.0	1.8	4.7	20.2	011082
2059	PHẠM BẢO NAM	21/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.5	3.0	3.2	20.2	003126
2060	TRẦN HỒNG NHUNG	04/02/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.3	1.8	6.2	20.2	008104
2061	NGUYỄN DUY HÒA	10/03/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	2.5	5.2	20.2	010073
2062	TỔNG LÊ TƯỜNG VY	19/10/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.5	4.0	3.2	20.2	003195
2063	TRẦN PHI LONG	28/02/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	4.0	3.0	6.2	20.2	007160
2064	ĐỖ DƯƠNG ANH SƠN	10/02/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	3.3	6.2	20.2	008116
2065	ĐỖ HƯƠNG THẢO	04/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.5	4.5	4.2	20.2	014197
2066	NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG	23/07/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.5	2.5	8.2	20.2	010071
2067	PHAN KHÁNH LINH	10/07/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.0	5.0	4.2	20.2	006066
2068	NGUYỄN KHÁNH LINH	26/05/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.5	5.5	4.2	20.2	005112
2069	TRẦN THỊ PHƯƠNG	18/02/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	2.5	5.5	4.2	20.2	015104
2070	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC LINH	09/07/2009	8C	THCS AN HOÀ	2.3	6.8	2.2	20.2	003104

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2071	NGÔ QUANG VŨ	05/02/2009	8D	THCS AN HOÀ	0.3	8.3	3.2	20.2	003191
2072	NGUYỄN MAI TRANG	04/09/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.5	4.3	2.6	20.1	004224
2073	TRỊNH HOÀNG NAM	23/10/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	3.8	3.0	6.6	20.1	001169
2074	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	22/05/2009	8E	THCS AN HOÀ	3.3	6.0	1.6	20.1	003047
2075	NGUYỄN THÙY LINH	19/11/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	4.8	4.6	20.1	006065
2076	THÁI PHÚ VINH	21/06/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	3.8	6.6	20.1	006127
2077	PHẠM VĂN ĐẠT	01/02/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.5	5.3	4.6	20.1	013050
2078	TÔ HẢI SƠN	03/06/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.3	6.6	20.1	016204
2079	TRẦN PHƯƠNG ANH	08/07/2009	8C1	THCS AN HƯNG	1.5	6.0	5.1	20.1	005020
2080	VŨ THỊ THU HIỀN	13/12/2009	8C2	THCS NAM SƠN	5.8	3.0	2.5	20	014073
2081	NGUYỄN QUANG HIẾU	04/10/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	3.0	4.0	20	012031
2082	TRẦN ĐÌNH HIẾU	18/11/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	3.0	4.0	20	012034
2083	ĐẶNG THỊ MAI HƯƠNG	19/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	2.5	5.0	20	012041
2084	HOÀNG THU TRANG	23/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	2.0	6.0	20	012087
2085	TRẦN CÔNG THÀNH	16/07/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	1.5	7.0	20	010159
2086	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	20/06/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	5.0	1.0	20	009129
2087	LÊ MINH HOÀNG	04/08/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	4.5	3.5	4.0	20	007103
2088	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	03/09/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	2.5	6.0	20	009020
2089	HOÀNG THỊ HƯƠNG	17/12/2009	8C3	THCS AN HƯNG	4.0	5.0	2.0	20	005089
2090	NGUYỄN QUỐC HUY	22/08/2009	8C	THCS AN HOÀ	4.0	4.5	3.0	20	003068
2091	TRẦN ĐỨC HIỂN	12/03/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	3.5	5.0	3.0	20	007091
2092	TRẦN MẠNH HÙNG	27/06/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	3.5	4.5	4.0	20	016087
2093	NGUYỄN ĐẶNG TRƯỜNG SƠN	22/05/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	3.5	4.5	4.0	20	015109
2094	ĐÀO ANH KHOA	28/08/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	3.5	3.5	6.0	20	013083
2095	NGUYỄN THU HUYỀN	01/06/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	3.3	5.0	3.4	20	007119
2096	NGUYỄN HỒ MAI PHƯƠNG	13/02/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	3.3	4.8	4.0	20	002199
2097	NGUYỄN HẢI NAM	06/07/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.0	4.0	20	002178
2098	HOÀNG THỊ YẾN NHI	20/04/2009	8E	THCS AN HOÀ	3.0	5.0	4.0	20	003130
2099	VŨ THỊ THU HƯƠNG	03/05/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.5	5.0	20	010084
2100	TRẦN HỮU THIÊN	13/04/2009	8A5	THCS AN HỒNG	3.0	4.0	6.0	20	004208

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2101	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	03/02/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	2.0	7.0	2.0	20	011044
2102	NGUYỄN TUẤN PHÚC	11/09/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.0	6.0	20	001182
2103	NGUYỄN HÒA AN	26/12/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	1.0	7.5	3.0	20	016002
2104	LÊ PHƯƠNG TRÀ	26/09/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	7.0	5.0	20	009182
2105	NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG	26/04/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	0.0	6.0	8.0	20	001113
2106	PHẠM BÌNH AN	08/12/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	5.3	3.0	3.4	19.9	011001
2107	HOÀNG LÊ VIỆT ANH	18/09/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	3.5	3.8	5.4	19.9	013006
2108	PHẠM VĂN NGHĨA	31/12/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	3.3	5.0	3.4	19.9	002183
2109	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	13/04/2009	8E	THCS AN HOÀ	2.8	5.5	3.4	19.9	003049
2110	NGUYỄN TRẦN KIỀU TRANG	22/01/2009	8C4	THCS AN HƯNG	2.3	6.0	3.4	19.9	005215
2111	PHẠM MINH THÀNH	19/06/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	5.8	4.4	19.9	013146
2112	ĐẶNG HOÀNG QUÂN	17/10/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	1.8	6.5	3.4	19.9	015106
2113	ĐÀO XUÂN TÙNG	05/06/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	7.3	2.4	19.9	009191
2114	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	17/01/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	1.5	5.0	6.9	19.9	015030
2115	NGUYỄN VĂN PHÚC	07/08/2009	8C	THCS AN HOÀ	5.3	3.3	2.8	19.8	003141
2116	LÒ ĐỨC KHÔI	29/01/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	2.8	4.2	19.8	012046
2117	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HUYỀN	19/02/2009	8C1	THCS AN HƯNG	4.3	3.0	5.3	19.8	005082
2118	NGUYỄN THỊ LINH	09/09/2009	8C5	THCS AN HƯNG	4.0	5.0	1.8	19.8	005114
2119	VŨ THỊ HẢI YẾN	07/06/2009	8B	THCS BẮC SƠN	4.0	4.5	2.8	19.8	006137
2120	DƯƠNG VIỆT ANH	06/02/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.0	4.5	2.8	19.8	004005
2121	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	10/11/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.0	5.0	3.8	19.8	008107
2122	TRẦN QUANG THÀNH VINH	13/09/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	3.8	19.8	001250
2123	CAO NGỌC MINH	03/08/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	2.0	5.0	5.8	19.8	002163
2124	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	21/11/2009	8A6	THCS AN HỒNG	1.5	6.0	4.8	19.8	004234
2125	PHẠM PHƯƠNG LINH	25/02/2009	8C3	THCS AN HƯNG	5.3	3.0	3.2	19.7	005118
2126	LÊ CÔNG VINH	05/04/2009	8B	THCS AN HOÀ	5.0	2.8	4.2	19.7	003190
2127	ĐINH NAM KHÁNH	28/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	4.0	4.0	3.7	19.7	014095
2128	LÊ NGUYỄN HOÀNG	17/04/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	3.3	6.2	19.7	009060
2129	CAO ĐỨC MINH	14/03/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	2.5	5.0	4.7	19.7	002162
2130	TRƯƠNG MẠNH ĐỨC	24/08/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	5.3	5.2	19.7	013055

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2131	TRẦN THỊ THANH LOAN	22/11/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	0.5	7.3	4.2	19.7	007155
2132	VŨ CÔNG HUY	19/05/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	2.8	4.0	19.6	012038
2133	PHẠM VĂN THỌ	17/04/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	2.8	4.0	19.6	012084
2134	PHẠM TRÀ MY	28/08/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	3.8	2.6	19.6	009124
2135	LÊ THỊ THÙY LINH	09/11/2009	8B	THCS AN HOÀ	4.5	3.5	3.6	19.6	003101
2136	NGUYỄN THỊ THUỖ	24/02/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	4.0	5.0	1.6	19.6	010167
2137	NGÔ HUY HOÀNG	30/06/2009	8E	THCS AN HOÀ	4.0	5.0	1.6	19.6	003064
2138	TRỊNH VŨ MINH HIẾU	13/06/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	4.0	3.0	5.6	19.6	001084
2139	ĐẶNG QUỐC HUY	05/06/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	3.8	4.5	3.0	19.6	007110
2140	HOÀNG ĐỨC DUY	19/02/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	4.5	5.6	19.6	013039
2141	ĐỖ ĐÌNH VŨ	20/10/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.0	6.0	3.6	19.6	006128
2142	ĐỖ LÊ HOÀNG HẢI	10/02/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.3	5.0	19.6	007085
2143	PHAN MINH NHẬT	05/12/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.0	5.6	19.6	007199
2144	NGUYỄN BẢO NGỌC	17/07/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.0	5.3	7.0	19.52	007192
2145	DƯƠNG ĐỨC GIANG	05/12/2009	8C5	THCS AN HƯNG	6.0	1.3	5.0	19.5	005056
2146	ĐỖ HẢI ANH	29/12/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.8	2.8	2.5	19.5	004009
2147	BÙI DUY KHOA	04/10/2009	8A2	THCS AN HỒNG	5.0	3.5	2.5	19.5	004097
2148	VŨ LÊ ANH THƯ	10/11/2009	8C2	THCS NAM SƠN	4.8	4.0	2.0	19.5	014213
2149	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	24/08/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	2.5	19.5	016119
2150	NGÔ QUANG HUY	04/08/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	2.0	7.0	19.5	009071
2151	VŨ TRỌNG TUỆ	21/12/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.8	5.0	2.0	19.5	014227
2152	CHU ĐỨC HẢI	08/10/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.8	3.0	6.0	19.5	015041
2153	NGUYỄN BẢO LÂM	30/06/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	3.5	3.8	5.0	19.5	013084
2154	CAO THỊ TUYẾT MAI	25/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.0	5.0	3.5	19.5	016139
2155	BÙI NGUYỄN MAI HƯƠNG	25/11/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.0	5.5	19.5	016089
2156	VŨ THỊ THANH TRÀ	08/03/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	2.8	5.5	3.0	19.5	015126
2157	PHẠM MẠNH XUÂN	18/12/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.8	4.0	6.0	19.5	008154
2158	HÀ THẢO VÂN	11/11/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	2.0	6.3	3.0	19.5	013176
2159	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	11/03/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	1.5	6.5	3.5	19.5	016228
2160	PHẠM VĂN KHÁNH	26/03/2009	8A4	THCS AN HỒNG	1.0	5.8	6.0	19.5	004096

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2161	PHẠM HẢI YẾN	24/03/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	5.3	3.3	2.4	19.4	011143
2162	PHẠM THỊ KIM NGÂN	25/04/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	4.8	1.4	19.4	009128
2163	ĐÀO LÝ BẢO THIỆN	03/07/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	4.0	4.0	3.4	19.4	007259
2164	LÊ THỊ NGỌC KHÁNH	10/02/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.8	4.5	2.9	19.4	016096
2165	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	25/10/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.5	5.0	6.4	19.4	010047
2166	NGUYỄN VIỆT NAM	17/07/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	5.8	2.0	3.8	19.3	001167
2167	CAO THỊ NHỎ	03/10/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	3.8	2.8	19.3	009136
2168	NGUYỄN MINH KHÔI	18/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	4.3	3.5	3.8	19.3	002130
2169	LÊ QUỐC ĐẠT	20/12/2008	8C2	THCS NAM SƠN	3.3	5.0	2.8	19.3	014055
2170	TRƯƠNG MINH HOÀNG	29/12/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	3.3	4.0	4.8	19.3	001095
2171	PHẠM HOÀNG NAM	01/08/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.3	4.0	4.8	19.3	008086
2172	NGUYỄN THANH TÙNG	20/11/2009	8A3	THCS AN HỒNG	3.0	4.5	4.3	19.3	004236
2173	NGUYỄN NGỌC LINH	18/08/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.8	5.0	3.8	19.3	006064
2174	LÊ HOÀNG LÂM	04/11/2009	8A2	THCS AN HỒNG	2.8	5.0	3.8	19.3	004107
2175	NINH GIA TUỆ	14/06/2009	8C4	THCS AN HƯNG	2.5	4.5	5.3	19.3	005226
2176	TRẦN TRƯỜNG QUÝ	11/08/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	1.3	6.5	3.8	19.3	001195
2177	NGUYỄN MINH NGỌC	05/07/2009	8A6	THCS AN HỒNG	4.5	3.5	3.2	19.2	004157
2178	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG KHÔI	14/05/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.0	3.2	19.2	016102
2179	PHẠM THỊ VÂN ANH	05/06/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.0	3.0	5.2	19.2	008011
2180	TỔNG NHƯ QUỲNH	13/03/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.0	6.0	1.2	19.2	003151
2181	PHẠM TIẾN QUÂN	27/07/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	2.8	4.3	5.2	19.2	016195
2182	NGUYỄN TUẤN TÀI	06/11/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	2.5	5.5	3.2	19.2	010153
2183	VŨ NGỌC THIỆN	21/08/2009	8C6	THCS AN HƯNG	2.5	5.3	3.6	19.2	005202
2184	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	22/07/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	2.5	5.3	3.7	19.2	016182
2185	LÊ HẢI CHÂU	21/06/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	4.0	6.2	19.2	009025
2186	LÊ ĐỨC AN	19/07/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.0	5.2	19.2	010001
2187	NGUYỄN TRUNG THÀNH	19/01/2009	8C6	THCS AN HƯNG	2.0	4.5	6.2	19.2	005194
2188	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	02/06/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.5	5.5	5.2	19.2	013012
2189	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	16/08/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	2.3	2.6	19.1	009148
2190	NGUYỄN THỊ LAN ANH	03/01/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	4.8	3.0	3.6	19.1	002022

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2191	NGUYỄN KIỀU VĂN	06/12/2009	8B6	THCS TÂN TIẾN	4.5	2.8	4.6	19.1	016264
2192	PHẠM VĂN TÙNG	17/11/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.3	3.0	4.6	19.1	008150
2193	NGÔ GIA HUY	17/05/2009	8C	THCS AN HOÀ	4.0	4.3	2.6	19.1	003067
2194	TRẦN NGỌC HÀ	20/08/2009	8A5	THCS AN HỒNG	3.3	4.3	4.1	19.1	004056
2195	VŨ ĐỨC PHÁT	23/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	6.0	2.0	3.0	19	003137
2196	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	27/04/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	5.5	2.5	3.0	19	016277
2197	LÊ THẢO MY	26/09/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	3.5	2.0	19	010120
2198	CHU THỊ HÒA	14/02/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	5.0	3.0	3.0	19	015050
2199	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	03/08/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.5	3.0	4.0	19	015112
2200	ĐỒNG ĐỨC ANH	06/05/2009	8A1	THCS AN HỒNG	4.0	3.5	4.0	19	004007
2201	NGUYỄN NHƯ NGỌC	03/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	4.0	3.5	4.0	19	004158
2202	NGUYỄN THỊ LIÊN	30/10/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.0	5.0	3.0	19	003099
2203	ĐOÀN VĂN KHÁNH	22/08/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	3.0	4.5	4.0	19	002124
2204	ĐÀO HÀ MY	07/07/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	3.0	3.5	6.0	19	007178
2205	NGUYỄN VĂN GIA MINH	18/06/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	2.3	5.3	4.0	19	002172
2206	ĐINH LÊ HOÀNG ANH	15/11/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.0	5.0	19	001005
2207	NGUYỄN ANH THƯ	11/12/2009	8C1	THCS NAM SƠN	2.0	5.0	5.0	19	014211
2208	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	21/12/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	1.8	5.8	4.0	19	015095
2209	NGUYỄN THU TRANG	05/02/2009	8C	THCS AN HOÀ	1.5	6.5	3.0	19	003178
2210	TRẦN QUỐC AN	30/09/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.5	5.0	6.0	19	001003
2211	BÙI QUANG HUY	11/05/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	1.0	5.0	7.0	19	016080
2212	NGÔ VĂN ĐOÀN	26/03/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	0.8	5.0	7.4	19	010051
2213	DƯƠNG ĐỨC SƠN	30/10/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.5	6.5	5.0	19	007238
2214	NGUYỄN VĂN TRUNG	10/07/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	6.5	1.8	2.4	18.9	002238
2215	PHẠM YẾN NHI	04/06/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	3.8	2.4	18.9	009135
2216	MAI HOA THIÊN LÝ	25/02/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	3.8	3.4	18.9	009110
2217	NGUYỄN ĐÌNH HÀO	03/04/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	3.8	4.0	3.4	18.9	007084
2218	PHẠM ANH TUẤN	28/10/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	3.0	5.4	18.9	008149
2219	LÊ THỊ NHI	24/12/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.5	5.3	1.4	18.9	006088
2220	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	27/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.3	5.0	2.4	18.9	014117

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2221	VŨ THÙY VÂN	09/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.3	4.0	4.4	18.9	014235
2222	NGUYỄN BÁ MINH THÀNH	22/08/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.3	3.5	5.4	18.9	011119
2223	NGUYỄN ĐỨC BẢO	14/07/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	2.5	7.4	18.9	009019
2224	NGUYỄN VĂN TIẾN	28/07/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	6.0	2.4	18.9	009178
2225	PHẠM DUY ANH	12/10/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.8	5.0	7.4	18.9	002026
2226	CHU VŨ BÁ HUY	26/01/2009	8C1	THCS NAM SƠN	4.0	4.0	2.8	18.8	014086
2227	LA VĂN TOÀN	12/10/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.0	5.0	2.8	18.8	016236
2228	NGÔ YẾN NHI	16/09/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	3.0	4.0	4.8	18.8	013120
2229	PHẠM HÀ LINH	07/07/2009	8A2	THCS AN HỒNG	2.5	5.0	3.8	18.8	004122
2230	NGUYỄN HOÀNG NAM	23/05/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.8	2.0	5.2	18.7	014146
2231	VŨ QUANG MINH	21/08/2009	8B	THCS BẮC SƠN	4.0	3.8	3.2	18.7	006078
2232	NGUYỄN HOÀNG BẢO LÂM	10/01/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	2.8	5.2	18.7	009095
2233	PHẠM VŨ THÙY DƯƠNG	25/12/2008	8C3	THCS AN DƯƠNG	3.8	4.5	2.2	18.7	002067
2234	GIANG TRỌNG HIẾU	28/01/2009	8C1	THCS NAM SƠN	2.8	5.0	3.2	18.7	014075
2235	TRẦN KHÁNH LINH	22/12/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	2.8	5.0	3.2	18.7	001140
2236	LƯƠNG MINH NHẬT	17/10/2009	8C2	THCS NAM SƠN	1.3	6.0	4.2	18.7	014161
2237	LƯƠNG TUẤN ANH	04/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	5.0	3.5	1.6	18.6	014010
2238	ĐOÀN NGỌC THỦY	17/11/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	2.5	3.6	18.6	009171
2239	NGUYỄN QUANG VIỆT	11/08/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	4.5	2.5	4.6	18.6	016265
2240	NGUYỄN QUỐC HUY	15/10/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.5	2.0	5.6	18.6	001103
2241	PHẠM ĐIỂM QUỲNH	30/10/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	3.8	3.5	4.0	18.6	010150
2242	NGUYỄN ANH TUẤN	22/08/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	3.8	3.5	4.0	18.6	007283
2243	NGUYỄN GIA HUY	13/08/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	3.8	3.0	5.0	18.6	007112
2244	NGUYỄN XUÂN HÒA	10/03/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.3	4.0	4.1	18.6	014085
2245	NGUYỄN VĂN TIẾN	10/12/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.0	4.6	18.6	016234
2246	HÀ Y BÌNH	25/09/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	2.5	4.0	5.6	18.6	013032
2247	PHẠM XUÂN TRÚC	05/08/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	1.8	5.5	4.0	18.6	007279
2248	PHẠM THỊ VÂN ANH	18/07/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	0.5	6.0	5.6	18.6	010012
2249	DƯƠNG QUANG NGHĨA	07/08/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.5	1.8	4.0	18.5	004151
2250	PHẠM ĐỨC ANH	10/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	2.5	4.0	18.5	008008

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2251	NGUYỄN HỒNG MINH	07/08/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	4.3	2.0	6.0	18.5	007170
2252	NGUYỄN KIM TUẤN	30/08/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.0	3.3	4.0	18.5	015130
2253	NGUYỄN HÀ LINH	08/11/2009	8C5	THCS AN HƯNG	3.8	4.0	3.0	18.5	005111
2254	PHẠM THỊ TRÀ MY	26/04/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	3.5	3.3	5.0	18.5	007182
2255	NGUYỄN HÀ LINH	28/07/2009	8C5	THCS AN HƯNG	3.3	5.0	2.0	18.5	005110
2256	ĐẶNG THỊ TÌNH	29/03/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.0	5.0	2.5	18.5	014217
2257	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	06/10/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	4.8	3.0	18.5	006102
2258	VŨ VĂN PHONG	14/05/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	3.8	5.0	18.5	006091
2259	BÙI BẢO AN	02/09/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	3.3	6.0	18.5	009001
2260	PHẠM THỊ THU HÀ	28/01/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	2.3	5.5	3.0	18.5	015039
2261	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI	17/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	2.3	5.5	3.0	18.5	007043
2262	NGUYỄN NGỌC AN	09/01/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	2.3	4.3	5.5	18.5	015002
2263	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	06/10/2009	8A6	THCS AN HỒNG	2.0	5.0	4.5	18.5	004230
2264	PHẠM TIẾN QUANG	10/11/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	3.3	5.0	1.8	18.4	010143
2265	TRẦN ANH TUẤN	30/01/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	5.5	2.0	3.4	18.4	011133
2266	NGUYỄN ĐỨC NHẬT	01/09/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.5	1.0	5.4	18.4	010130
2267	DOÃN DUY MẠNH	13/07/2009	8A6	THCS AN HỒNG	4.5	2.5	4.4	18.4	004130
2268	HOÀNG QUỐC HƯNG	13/11/2008	8B1	THCS ĐẠI BẢN	4.0	3.5	3.4	18.4	007122
2269	PHẠM VĂN HOÀNG	01/10/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.8	4.3	2.4	18.4	014083
2270	TRẦN VĂN HÀO	11/03/2009	8C4	THCS AN HƯNG	3.5	4.0	3.4	18.4	005062
2271	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	04/10/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	2.5	4.0	5.4	18.4	007067
2272	BÙI THẾ TAM	17/02/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	1.8	5.3	4.4	18.4	002211
2273	PHẠM VĂN HẢI	23/08/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	1.0	6.0	4.4	18.4	001075
2274	ĐOÀN VĂN ĐẠT	10/04/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	4.8	6.8	18.4	010044
2275	BÙI CÔNG THÀNH	02/05/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	4.3	2.0	5.8	18.3	001205
2276	VŨ VĂN THÀNH	11/02/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.5	3.3	4.8	18.3	011121
2277	ĐOÀN THỊ KHÁNH LY	01/09/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.8	5.0	2.8	18.3	005129
2278	NGÔ THỊ THU HIỀN	16/12/2009	8A2	THCS AN HỒNG	1.8	5.8	3.3	18.3	004061
2279	TRẦN VIỆT HOÀNG	31/08/2009	8A2	THCS AN HỒNG	1.3	5.5	4.8	18.3	004076
2280	ĐÀO QUỲNH CHI	10/09/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	4.5	6.8	18.3	009026

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2281	LÊ ÁNH DƯƠNG	29/01/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	1.0	4.5	7.3	18.3	015029
2282	NGUYỄN TRẦN KHÁNH NGỌC	21/07/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	4.3	2.8	4.2	18.2	002187
2283	ĐỖ VĂN HIỆU	25/08/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	3.0	3.0	6.2	18.2	001089
2284	HOÀNG DUY LÂN	17/10/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	2.3	5.0	3.6	18.2	011069
2285	VŨ THÀNH ĐẠT	17/09/2009	8B	THCS AN HOÀ	2.3	3.3	7.2	18.2	003046
2286	PHẠM THỊ NHUNG	24/01/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	2.0	5.0	4.2	18.2	013122
2287	TRẦN HOÀNG HẢI	01/07/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0	5.0	6.2	18.2	010057
2288	NGUYỄN MINH KIÊN	04/09/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.3	2.0	5.6	18.1	003089
2289	DƯƠNG ĐÌNH HIẾU	22/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.0	2.8	4.6	18.1	008047
2290	NGUYỄN MẠNH HOÀN	25/02/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.8	3.5	3.6	18.1	015049
2291	MAI TRỌNG HUY	18/02/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	2.0	7.6	18.1	009070
2292	NGUYỄN PHÚ HẢI	05/08/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	2.8	4.5	3.6	18.1	002087
2293	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	07/08/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	2.3	4.0	5.6	18.1	007260
2294	TRẦN KHÁNH LINH	26/11/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	1.8	6.0	2.6	18.1	011078
2295	BÙI THANH BÌNH	30/08/2009	8C2	THCS NAM SƠN	1.5	6.5	2.1	18.1	014035
2296	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	08/09/2009	8A2	THCS AN HỒNG	1.0	5.0	6.1	18.1	004120
2297	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	15/08/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	1.0	5.0	6.1	18.1	015010
2298	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	23/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	5.8	1.8	3.0	18	007046
2299	HOÀNG ĐĂNG DƯƠNG	10/10/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	2.0	4.0	18	012019
2300	TRẦN ĐỨC	05/05/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	2.0	4.0	18	012024
2301	NGUYỄN MẠNH HÙNG	14/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	5.0	2.0	4.0	18	012039
2302	TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	09/11/2009	8B	THCS LÊ LỢI	5.0	2.0	4.0	18	012090
2303	LÊ TUỆ NHI	20/11/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	4.3	2.0	5.5	18	016178
2304	NGUYỄN DIỆU LINH	24/10/2009	8C2	THCS AN HƯNG	4.0	3.0	4.0	18	005109
2305	BÙI HOÀNG YẾN	15/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	4.8	2.0	18	009201
2306	NGUYỄN THU THÙY	08/02/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.0	4.5	3.0	18	006106
2307	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/04/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	3.0	7.0	18	008046
2308	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	04/07/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	2.0	5.0	4.0	18	016199
2309	PHẠM VĂN LONG	10/04/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	5.0	4.0	18	013095
2310	PHẠM ĐỨC TUẤN	10/08/2009	8C2	THCS AN HƯNG	2.0	4.5	5.0	18	005225

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2311	VŨ VĂN ĐẠT	16/12/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.0	5.5	5.0	18	007072
2312	ĐỖ VĂN KIÊN	28/09/2009	8C	THCS BẮC SƠN	4.3	2.0	5.4	17.9	006056
2313	LÊ HẢI BÌNH	11/09/2009	8C	THCS BẮC SƠN	4.0	2.8	4.4	17.9	006017
2314	PHẠM ĐỨC HIẾU	18/02/2009	8A3	THCS AN HỒNG	3.8	4.0	2.4	17.9	004066
2315	VŨ VĂN NHẬT	18/05/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	0.5	5.8	5.4	17.9	007200
2316	ĐINH THỊ NHƯ QUỲNH	18/03/2009	8C4	THCS AN HƯNG	0.3	5.0	7.4	17.9	005183
2317	TRẦN ĐỨC ANH	13/05/2009	8C2	THCS NAM SƠN	4.5	3.0	2.8	17.8	014023
2318	PHẠM THỊ PHƯƠNG	16/04/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.8	2.5	5.2	17.8	010140
2319	ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	11/02/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.0	4.0	3.8	17.8	008012
2320	LƯU HẢI LONG	19/07/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.0	2.5	6.8	17.8	014123
2321	ĐINH TÙNG LÂM	26/02/2009	8C	THCS AN HOÀ	2.8	3.3	5.8	17.8	003097
2322	LÊ PHƯƠNG THÙY	02/05/2009	8C1	THCS AN HƯNG	2.3	5.0	3.3	17.8	005203
2323	HOÀNG THỊ DUYÊN	18/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.0	4.5	4.8	17.8	005041
2324	TRẦN DUY HIẾU	19/08/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	2.0	4.0	5.8	17.8	001083
2325	MAI PHAN HOÀNG LINH	23/09/2009	8C5	THCS NAM SƠN	1.8	5.3	3.8	17.8	014112
2326	NGUYỄN VĂN MINH	20/10/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0	6.0	3.8	17.8	010119
2327	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	21/05/2009	8C1	THCS NAM SƠN	0.8	6.8	2.8	17.8	014103
2328	ĐOÀN ĐỨC ANH	24/07/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	0.5	5.5	5.8	17.8	010003
2329	TRẦN TIẾN MINH	19/09/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	5.5	1.0	4.7	17.7	011083
2330	VŨ THỊ PHƯƠNG	11/05/2009	8B	THCS BẮC SƠN	4.0	3.8	2.2	17.7	006094
2331	MAI ANH TUẤN	25/11/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.8	2.5	5.2	17.7	008147
2332	PHẠM HỮU HẢI MINH	08/11/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	2.5	3.3	6.2	17.7	007174
2333	BÙI THỊ THÙY GIANG	22/09/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	2.5	2.5	7.7	17.7	016063
2334	HOÀNG THỊ MINH TÂM	11/10/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	4.8	4.2	17.7	013141
2335	LƯU THỊ TÂM ĐAN	06/09/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.8	5.0	4.2	17.7	005049
2336	VŨ THÀNH TRUNG	14/02/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.8	4.5	5.2	17.7	008141
2337	ĐỖ TIẾN DŨNG	23/07/2009	8A2	THCS AN HỒNG	1.0	6.8	2.2	17.7	004042
2338	NGUYỄN THỊ THU THẢO	22/05/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	5.0	1.5	4.6	17.6	010163
2339	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	09/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.0	2.0	5.6	17.6	008010
2340	NGUYỄN SĨ HÙNG	12/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.3	3.8	3.6	17.6	014092

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2341	ĐỖ TUẤN KIẾT	23/07/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	2.8	5.6	17.6	009090
2342	VŨ NGUYỄN ANH	06/10/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.0	1.6	17.6	002032
2343	PHẠM MAI HÂN	28/11/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	3.0	4.5	2.6	17.6	015045
2344	VŨ NGỌC HOA	21/09/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	4.0	3.6	17.6	015047
2345	PHẠM THANH BÌNH	24/04/2009	8C2	THCS AN HƯNG	2.5	4.0	4.6	17.6	005030
2346	NGUYỄN THỊ HOA	24/02/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	2.0	4.5	4.6	17.6	013064
2347	NGUYỄN ĐỨC ANH	19/11/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	1.0	6.0	3.6	17.6	001016
2348	NGUYỄN HOÀNG ANH	06/09/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	0.5	6.0	4.6	17.6	010005
2349	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	23/05/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.5	2.5	5.5	17.5	016181
2350	LÊ KIM KHÔI	17/04/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	3.3	4.0	3.0	17.5	016101
2351	NGUYỄN NGỌC KHƯƠNG	02/11/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	3.3	4.0	3.0	17.5	016104
2352	NGUYỄN HẢI SƠN	25/01/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.3	3.5	6.0	17.5	005190
2353	PHẠM ĐOÀN HOÀNG MINH	15/01/2009	8C2	THCS NAM SƠN	2.0	5.0	3.5	17.5	014137
2354	PHẠM THANH HƯNG	15/08/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	4.5	5.0	17.5	008059
2355	ĐỖ VĂN AN	24/06/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	4.3	6.0	17.5	008001
2356	PHẠM THỊ HUỆ	15/06/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	4.0	6.5	17.5	016079
2357	ĐỖ BẢO KHÁNH	19/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	1.3	4.5	6.0	17.5	004092
2358	NGUYỄN NHẤT PHONG	06/09/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.5	3.0	2.4	17.4	003140
2359	NGUYỄN DIỆU HƯƠNG	27/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.5	4.3	1.9	17.4	014093
2360	LÊ THỊ QUỲNH ANH	07/08/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.5	3.5	3.4	17.4	006008
2361	LÊ VĂN ANH TUẤN	02/06/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.3	3.8	3.4	17.4	008146
2362	ĐINH THỊ TUYẾT	23/04/2009	8A6	THCS AN HỒNG	3.0	4.0	3.4	17.4	004233
2363	PHẠM HUY HOÀNG	19/12/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	3.0	2.5	6.4	17.4	010072
2364	ĐỖ MINH ĐỨC	11/11/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.8	4.3	3.4	17.4	006033
2365	NGUYỄN THỊ THU MINH	24/12/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	2.8	3.0	5.9	17.4	016158
2366	ĐỖ THÀNH ĐẠT	01/04/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	2.5	3.0	6.4	17.4	013046
2367	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	06/02/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.5	2.0	8.4	17.4	013037
2368	NGUYỄN TỬ LINH	20/11/2009	8C5	THCS NAM SƠN	1.8	5.5	2.9	17.4	014118
2369	NGUYỄN MINH TÂN	04/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	1.8	4.0	5.9	17.4	016209
2370	NGUYỄN HỒNG NHUNG	29/12/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0	6.5	2.4	17.4	010134

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2371	LÊ THÁI SƠN	30/08/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	1.0	6.0	3.4	17.4	010152
2372	ĐÀO PHẠM XUÂN HIẾU	26/06/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	0.0	5.0	7.4	17.4	001079
2373	ĐỒNG MINH TIẾN	11/10/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	5.0	2.0	3.3	17.3	016232
2374	ĐỒNG THỊ KHÁNH LINH	29/10/2009	8A5	THCS AN HỒNG	4.5	3.3	1.8	17.3	004112
2375	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	10/09/2009	8A3	THCS AN HỒNG	4.5	2.3	3.8	17.3	004031
2376	VŨ NINH HIẾU	27/09/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.8	2.8	4.3	17.3	014080
2377	VŨ NGỌC KHÁNH	26/03/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.3	3.5	3.8	17.3	003084
2378	TRẦN HỮU LÂN	17/04/2009	8C2	THCS AN HƯNG	2.8	4.5	2.8	17.3	005103
2379	NGUYỄN ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	11/10/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	2.0	5.3	2.8	17.3	016198
2380	TRẦN MAI PHƯƠNG	24/12/2009	8C4	THCS NAM SƠN	1.8	5.0	3.8	17.3	014179
2381	PHẠM THÚY NGÀ	03/07/2009	8C1	THCS NAM SƠN	1.0	6.3	2.8	17.3	014150
2382	NGUYỄN QUỲNH TRANG	04/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.0	6.0	3.3	17.3	016242
2383	PHẠM VĂN HUY	10/11/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	6.0	0.5	4.2	17.2	007115
2384	TRẦN BẢO NAM	03/11/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	5.8	1.3	3.2	17.2	002180
2385	GIANG VĂN THẮNG	13/10/2009	8A5	THCS AN HỒNG	5.5	0.5	5.2	17.2	004207
2386	PHẠM THỊ THANH TÂM	09/08/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	5.0	1.5	4.2	17.2	010156
2387	NGUYỄN MINH HIẾU	20/03/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	1.3	7.2	17.2	009054
2388	TRẦN PHƯƠNG THẢO	16/02/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	4.5	2.2	17.2	006101
2389	PHẠM HẢI PHONG	27/11/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	3.0	4.0	3.2	17.2	007212
2390	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	24/11/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	3.0	3.0	5.2	17.2	013048
2391	ĐẠM ĐÌNH DUY	20/09/2009	8A	THCS BẮC SƠN	2.5	5.0	2.2	17.2	006024
2392	NGUYỄN CHÍ BẢO	27/11/2008	8C5	THCS AN HƯNG	2.5	5.0	2.2	17.2	005026
2393	NGUYỄN ĐĂNG HUY	18/07/2009	8A	THCS BẮC SƠN	2.5	4.0	4.2	17.2	006045
2394	CAO VIỆT HOÀNG	27/01/2009	8A2	THCS AN HỒNG	2.0	5.0	3.2	17.2	004071
2395	VŨ THỊ GIANG ANH	18/01/2009	8C3	THCS AN HƯNG	1.5	6.5	1.2	17.2	005022
2396	MAI HẢI ĐĂNG	20/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	1.0	5.8	3.6	17.2	007073
2397	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	06/10/2009	8A6	THCS AN HỒNG	1.0	5.5	4.2	17.2	004226
2398	TRẦN QUỐC DUY	13/06/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	5.0	5.2	17.2	010035
2399	NGUYỄN THỊ NINH LAN	02/03/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	0.0	6.5	4.2	17.2	011067
2400	NGUYỄN QUYÊN ANH	26/11/2009	8A5	THCS AN HỒNG	4.8	2.0	3.6	17.1	004017

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2401	NGUYỄN THÀNH NAM	29/08/2009	8C1	THCS NAM SƠN	3.5	2.8	4.6	17.1	014147
2402	LƯU VIỆT HOÀNG	08/07/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	2.8	4.5	2.6	17.1	002103
2403	PHẠM NGỌC LINH	28/09/2009	8C5	THCS AN HƯNG	2.3	5.0	2.6	17.1	005117
2404	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	08/11/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	2.3	5.0	2.6	17.1	015058
2405	NGUYỄN HOÀNG HẢI	19/05/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	2.3	4.5	3.6	17.1	015043
2406	TRẦN BẢO MINH	24/03/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	4.0	4.6	17.1	009120
2407	DƯƠNG VIỆT TIẾN	01/04/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	1.3	6.0	2.6	17.1	011126
2408	NGUYỄN THỊ THƠM	16/06/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.3	4.0	6.6	17.1	008126
2409	TỔNG THỊ PHƯƠNG THẢO	02/10/2009	8C	THCS AN HOÀ	0.5	7.3	1.6	17.1	003161
2410	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	09/09/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	5.0	1.0	5.0	17	010155
2411	ĐỖ NGỌC HÀ	03/09/2009	8A	THCS AN ĐỒNG	5.0	0.0	7.0	17	001069
2412	HÀ VĂN HUY	31/03/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	4.0	3.0	3.0	17	015052
2413	TRƯƠNG VŨ MAI LY	13/12/2009	8A3	THCS AN HỒNG	4.0	2.3	4.5	17	004129
2414	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	13/03/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	4.0	2.0	5.0	17	007250
2415	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	03/12/2009	8A2	THCS AN HỒNG	4.0	2.0	5.0	17	004155
2416	VŨ DOÃN VINH	05/12/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.8	1.5	6.4	17	010196
2417	ĐINH TUẤN KIỆT	07/11/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	3.5	4.0	2.0	17	015066
2418	NGUYỄN XUÂN NAM	04/05/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	3.0	4.0	17	008085
2419	PHẠM TRUNG ĐỨC	25/11/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	2.5	6.0	17	008035
2420	NGUYỄN HẢI ANH	17/09/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	2.0	4.0	5.0	17	013008
2421	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	17/07/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	1.5	6.0	2.0	17	013108
2422	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG KHOA	22/12/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	1.5	5.0	4.0	17	015062
2423	ĐINH HOÀNG PHÚC	20/10/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	1.3	5.5	3.5	17	011106
2424	PHẠM KHƯƠNG DUY	12/08/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	1.0	6.0	3.0	17	010034
2425	NGUYỄN TRẦN ANH TÚ	01/10/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	0.5	7.0	2.0	17	010192
2426	ĐINH QUANG TÙNG	18/04/2009	8C3	THCS AN HƯNG	0.5	6.5	3.0	17	005229
2427	VŨ MINH HẰNG	15/12/2009	8A1	THCS AN HỒNG	0.5	6.0	4.0	17	004060
2428	PHẠM KIM YẾN	27/09/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	0.3	7.0	2.4	17	007308
2429	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	11/05/2009	8H	THCS AN ĐỒNG	0.0	5.0	7.0	17	001080
2430	PHẠM MINH PHƯƠNG	31/08/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	3.3	2.4	16.9	009146

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2431	TRƯƠNG THỊ MAI PHƯƠNG	09/10/2009	8B	THCS AN HOÀ	3.8	4.0	1.4	16.9	003147
2432	NGUYỄN DUY KHÁNH	08/10/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	3.8	2.5	4.4	16.9	002127
2433	NGUYỄN MẠNH TOÀN	29/01/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	3.5	3.0	3.9	16.9	016237
2434	NGUYỄN XUÂN MINH	24/10/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	2.3	6.4	16.9	008081
2435	ĐOÀN LƯU BẢO HÂN	08/03/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	2.8	4.0	3.4	16.9	011041
2436	VŨ ĐỨC HUY	07/12/2007	8E	THCS AN HOÀ	1.8	5.0	3.4	16.9	003070
2437	HOÀNG VIỆT CƯỜNG	23/11/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	0.8	5.5	4.4	16.9	007051
2438	LÊ ĐỨC TRÍ	13/03/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.3	1.8	4.8	16.8	008138
2439	LÊ CÔNG HUY	15/02/2009	8C	THCS BẮC SƠN	4.0	3.0	2.8	16.8	006043
2440	ĐINH VĂN LỘC	23/09/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	4.5	1.8	16.8	006069
2441	NGUYỄN THÙY LINH	18/01/2009	8C1	THCS AN HƯNG	2.3	4.0	4.3	16.8	005115
2442	PHẠM MINH ANH	24/11/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	1.8	4.3	4.8	16.8	011006
2443	ĐẶNG MINH BÌNH AN	22/03/2009	8C5	THCS AN HƯNG	1.0	5.8	3.2	16.8	005001
2444	NGUYỄN BÌNH AN	14/02/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.0	5.0	4.8	16.8	001002
2445	TRẦN HỮU BẢO NGUYỄN	15/03/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.5	5.0	5.8	16.8	007197
2446	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	02/09/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	4.8	2.5	2.2	16.7	011039
2447	VŨ THỊ HƯƠNG	18/04/2009	8B	THCS BẮC SƠN	4.0	2.3	4.2	16.7	006051
2448	LƯU DUY KHÁNH	04/01/2009	8C2	THCS AN HƯNG	3.3	4.0	2.2	16.7	005096
2449	VŨ QUANG PHÁT	25/09/2009	8B5	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.5	2.7	16.7	016185
2450	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	03/06/2009	8A4	THCS AN HỒNG	2.5	3.8	4.2	16.7	004037
2451	NGUYỄN TUẤN KIỆT	10/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.3	5.0	2.2	16.7	005102
2452	HOÀNG BẢO LÂM	13/07/2009	8C1	THCS NAM SƠN	1.8	4.0	5.2	16.7	014107
2453	PHAN THỊ THÚY NGÀ	27/10/2009	8A4	THCS AN HỒNG	1.5	5.8	2.2	16.7	004147
2454	LÊ THANH TRÚC	17/01/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.8	5.0	5.2	16.7	005222
2455	NGUYỄN MINH THÁI	12/07/2008	8E	THCS AN HOÀ	0.0	7.3	2.2	16.7	003163
2456	NGUYỄN THỊ HÀ VY	23/10/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	5.0	0.0	6.6	16.6	001257
2457	NGÔ VĂN HÙNG	20/04/2009	8C	THCS AN HOÀ	4.0	3.0	2.6	16.6	003074
2458	CHU MINH THẮNG	04/09/2009	8A5	THCS AN HỒNG	3.5	2.5	4.6	16.6	004206
2459	NGUYỄN LAN HƯƠNG	12/11/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	3.0	3.5	3.6	16.6	011057
2460	NGUYỄN THỊ MINH ANH	11/07/2009	8B	THCS LÊ LỢI	3.0	3.3	4.0	16.6	012007

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2461	LÂM AN KHÁNH	26/08/2009	8C1	THCS NAM SƠN	2.5	4.8	2.1	16.6	014096
2462	NGUYỄN TUẤN MINH	16/07/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	2.5	3.5	4.6	16.6	013100
2463	VŨ DUY DƯƠNG	03/08/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	2.5	3.0	5.6	16.6	013045
2464	NGUYỄN TIẾN DƯƠNG	02/09/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	2.0	4.5	3.6	16.6	016048
2465	TRẦN HỮU ĐỨC	07/12/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	1.5	4.5	4.6	16.6	007079
2466	NGUYỄN TRỌNG QUÝ	20/06/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	4.0	5.6	16.6	016202
2467	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	05/08/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	1.5	4.0	16.5	009009
2468	PHÙNG VĂN KIÊN	27/03/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.8	3.5	2.0	16.5	015065
2469	LÊ VĂN GIA BẢO	06/07/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.3	3.0	4.0	16.5	006015
2470	PHAN THỊ NGỌC ANH	06/08/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	1.5	7.0	16.5	009013
2471	PHẠM NGỌC KHÁNH LINH	18/05/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.0	2.5	16.5	016129
2472	TRẦN THỊ HUYỀN DIỆU	28/10/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	2.8	3.0	5.0	16.5	016035
2473	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	14/10/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.3	4.5	3.0	16.5	005072
2474	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	17/04/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	2.3	3.5	5.0	16.5	007074
2475	NGUYỄN QUANG THẮNG	25/05/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	1.8	4.5	4.0	16.5	007258
2476	NGUYỄN THỊ THU MINH	26/08/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	1.8	4.5	4.0	16.5	015084
2477	ĐINH THU THỦY	20/10/2009	8C1	THCS AN HƯNG	1.3	5.5	3.0	16.5	005204
2478	NGUYỄN DUY MINH	01/08/2009	8B	THCS BẮC SƠN	4.5	1.5	4.4	16.4	006077
2479	HOÀNG ĐỨC ANH	28/10/2009	8A4	THCS AN HỒNG	4.0	3.0	2.4	16.4	004011
2480	DƯƠNG ĐÌNH AN KHANG	15/07/2009	8C	THCS BẮC SƠN	4.0	2.5	3.4	16.4	006053
2481	NGUYỄN HỮU QUÂN	14/12/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	2.5	6.4	16.4	013133
2482	LÊ THỊ THU HUYỀN	04/11/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	2.0	2.5	7.4	16.4	010077
2483	PHẠM ĐỖ KIM ANH	23/07/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	1.5	5.5	2.4	16.4	011005
2484	VŨ HOÀNG TRƯỜNG	10/12/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.5	3.5	6.4	16.4	008144
2485	LÊ THỊ LINH	27/01/2009	8C	THCS BẮC SƠN	1.3	4.8	4.4	16.4	006062
2486	LÊ ANH VŨ	11/07/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.5	5.5	4.4	16.4	004251
2487	LƯU VĂN THÁI	15/02/2009	8E	THCS AN HOÀ	0.3	7.0	1.9	16.4	003162
2488	VŨ THỊ VÂN ANH	11/01/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.8	3.5	3.8	16.3	006014
2489	VŨ THỊ THANH VÂN	01/08/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.8	2.5	5.8	16.3	008152
2490	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	16/09/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.8	4.3	4.2	16.3	007265

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2491	BẠCH LAM HẢI	25/11/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	1.3	6.0	1.8	16.3	011040
2492	PHAN VĂN QUANG	03/01/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	1.5	2.2	16.2	009149
2493	PHẠM NGỌC ÁNH	04/02/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	4.5	2.0	3.2	16.2	011011
2494	PHẠM THỊ XUÂN MAI	09/05/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	3.3	2.2	16.2	009114
2495	LÊ ĐỨC ANH	04/08/2009	8A3	THCS AN HỒNG	3.5	4.0	1.2	16.2	004012
2496	LÊ VĂN MẠNH	21/02/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.5	3.5	2.2	16.2	006074
2497	LƯU THỊ BẢO LINH	19/12/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	2.0	5.2	16.2	009100
2498	LƯU XUÂN TUẤN TỬ	04/07/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	2.5	5.2	16.2	008151
2499	HOÀNG PHẠM HẢI YẾN	27/08/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	3.0	2.0	6.2	16.2	010200
2500	BÙI ĐOÀN ĐAN ĐAN	03/09/2009	8C1	THCS AN HƯNG	1.8	5.0	2.6	16.1	005048
2501	TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA	16/07/2009	8C3	THCS AN HƯNG	1.8	5.0	2.6	16.1	005073
2502	LÊ THUY TRÂM ANH	13/06/2009	8A	THCS BẮC SƠN	1.8	4.5	3.6	16.1	006009
2503	NGUYỄN MINH VŨ	02/08/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	1.0	4.8	4.6	16.1	007302
2504	VŨ TIẾN ĐẠT	07/03/2009	8C	THCS LÊ LỢI	4.0	2.0	4.0	16	012022
2505	NGUYỄN MINH ĐỨC	04/08/2009	8B	THCS LÊ LỢI	4.0	2.0	4.0	16	012023
2506	VÕ DUY LÂM	13/06/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	1.5	5.0	16	009096
2507	TRƯƠNG QUANG HUY	11/07/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	3.5	3.0	3.0	16	015055
2508	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	21/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.5	3.0	3.0	16	016258
2509	VŨ THỊ THANH	11/05/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.5	4.3	2.5	16	006098
2510	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	10/02/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.0	3.0	16	016197
2511	NGUYỄN MINH KHẢI	20/05/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	2.5	3.5	4.0	16	010086
2512	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	04/08/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	2.3	3.5	4.4	16	010161
2513	ĐÀO MINH CHÂU	18/04/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	3.5	5.0	16	009023
2514	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	18/11/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	5.5	2.0	16	016272
2515	ĐỖ VĂN MINH QUÂN	26/06/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	1.5	4.0	5.0	16	013131
2516	TRƯƠNG THỊ HÀ MY	02/05/2009	8A5	THCS AN HỒNG	1.5	3.0	7.0	16	004140
2517	TRƯƠNG PHÚ QUÍ	21/02/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	1.0	4.0	6.0	16	013135
2518	VŨ HÀ LINH	28/11/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.5	1.3	4.4	15.9	003108
2519	DƯƠNG TIẾN ĐẠT	04/07/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.5	3.3	2.4	15.9	014054
2520	NGUYỄN KIM UYÊN	15/10/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.3	3.8	1.9	15.9	014232

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2521	HOÀNG PHƯƠNG DUNG	18/06/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.0	4.0	1.9	15.9	014047
2522	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	18/08/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	2.5	3.3	4.4	15.9	013047
2523	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	02/10/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	2.3	3.0	5.4	15.9	016208
2524	MAI HUY HOÀNG	09/07/2009	8A5	THCS AN HỒNG	1.5	4.8	3.4	15.9	004073
2525	TRƯƠNG HOÀNG ANH	04/12/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	1.3	5.0	3.4	15.9	007027
2526	BÀN THỊ PHƯƠNG VY	09/07/2009	8C	THCS BẮC SƠN	1.0	5.3	3.4	15.9	006130
2527	ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH	06/07/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	0.8	5.0	4.4	15.9	015007
2528	ĐOÀN THUY DƯƠNG	11/07/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	0.5	5.3	4.4	15.9	015028
2529	VŨ VĂN THAO	30/06/2009	8C	THCS BẮC SƠN	4.5	2.8	1.3	15.8	006099
2530	BÙI VĂN QUÝ	30/11/2009	8A4	THCS AN HỒNG	2.0	4.5	2.8	15.8	004191
2531	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	31/12/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	3.5	4.8	15.8	013157
2532	NGUYỄN VĂN TIẾN	13/07/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	3.5	4.8	15.8	013158
2533	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	29/03/2009	8C2	THCS AN HƯNG	1.0	4.5	4.8	15.8	005195
2534	PHẠM PHƯƠNG LAN	12/08/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	4.0	5.8	15.8	008065
2535	LÊ DUY PHÚ	03/08/2009	8C1	THCS NAM SƠN	0.8	5.3	3.8	15.8	014172
2536	NGUYỄN ĐỨC DUY	24/12/2008	8B5	THCS HỒNG PHONG	0.5	5.0	4.8	15.8	010032
2537	NGUYỄN VĂN HẢI DƯƠNG	13/11/2008	8B1	THCS ĐẠI BẢN	4.3	1.0	5.2	15.7	007062
2538	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	06/10/2009	8A3	THCS AN HỒNG	4.0	2.3	3.2	15.7	004200
2539	NGUYỄN DUY KHÁNH	19/10/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.8	3.0	2.2	15.7	016097
2540	LÊ MẠNH HÙNG	04/02/2009	8A	THCS BẮC SƠN	3.8	1.0	6.2	15.7	006048
2541	BÙI SỸ HẢI BÌNH	18/08/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.5	3.0	2.7	15.7	014034
2542	TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	05/05/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	2.5	2.8	5.2	15.7	013068
2543	LÊ HÀ PHƯƠNG	01/06/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.3	3.5	4.2	15.7	005174
2544	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	02/07/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	0.8	5.8	2.6	15.7	007297
2545	NGUYỄN NGỌC TUYẾT LÊ	14/07/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	4.0	2.5	2.6	15.6	015070
2546	HOÀNG KHÁNH BÌNH	21/08/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.5	2.0	4.6	15.6	006016
2547	NGUYỄN TRUNG KIÊN	19/08/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	3.0	3.5	2.6	15.6	015064
2548	ĐỖ MINH HẰNG	22/05/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	2.8	3.5	3.0	15.6	011042
2549	VŨ THỊ MINH ANH	17/08/2009	8A	THCS BẮC SƠN	2.0	4.5	2.6	15.6	006013
2550	NGUYỄN KHÁNH LY	04/12/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	4.0	3.6	15.6	009108

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2551	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	30/03/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	1.5	5.0	2.6	15.6	002023
2552	NGUYỄN NHƯ NGỌC	23/12/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	1.0	5.5	2.6	15.6	010126
2553	NGUYỄN THỊ THỦY	27/11/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	1.0	4.0	5.6	15.6	007266
2554	TRẦN PHẠM ANH THƯ	15/06/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	0.5	6.0	2.6	15.6	007270
2555	TRẦN VŨ ĐỨC DUY	26/08/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	0.5	5.8	3.0	15.6	010036
2556	VŨ MẠNH THANH	16/10/2009	8C4	THCS AN HƯNG	0.0	5.3	5.0	15.6	005192
2557	LÊ QUANG QUỐC CÔNG	29/05/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	5.0	1.8	2.0	15.5	007047
2558	ĐỖ VĂN PHÚ	21/12/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.3	2.0	5.0	15.5	008105
2559	ĐỖ CAO MINH	23/03/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	3.8	2.0	15.5	009117
2560	NGUYỄN ĐÌNH MINH VŨ	17/10/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.0	2.5	15.5	016269
2561	MAI NAM KHÁNH	17/09/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	1.5	5.3	2.0	15.5	013081
2562	PHẠM TRÍ DŨNG	29/01/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	1.5	4.5	3.5	15.5	015027
2563	NGUYỄN THU DƯƠNG	21/05/2009	8C1	THCS AN HƯNG	1.3	5.0	3.0	15.5	005046
2564	PHẠM MINH QUÂN	02/07/2009	8A5	THCS AN HỒNG	4.0	2.5	2.4	15.4	004188
2565	ĐỖ VĂN QUYÊN	25/08/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	4.0	1.5	4.4	15.4	010146
2566	VŨ NHẬT KHÁNH	17/11/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.5	2.0	4.4	15.4	006054
2567	NGUYỄN TRÀ MY	02/12/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	2.5	4.0	2.4	15.4	007180
2568	PHẠM MAI PHƯƠNG	09/06/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	1.0	5.0	3.4	15.4	010139
2569	VŨ THÙY DƯƠNG	23/03/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	1.0	5.0	3.4	15.4	011028
2570	NGUYỄN BÁ TRƯỜNG GIANG	17/09/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	0.0	5.0	5.4	15.4	011036
2571	NGUYỄN TIẾN DŨNG	10/05/2009	8C4	THCS NAM SƠN	4.5	1.0	4.3	15.3	014051
2572	MAI YẾN NHI	25/02/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	3.5	0.8	15.3	009134
2573	NGUYỄN VĂN MINH	07/08/2009	8C4	THCS AN HƯNG	3.8	3.0	1.8	15.3	005141
2574	TRƯƠNG THỊ LAN ANH	03/01/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	1.8	5.8	15.3	009016
2575	TRƯƠNG THỊ THANH THỦY	24/11/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	4.5	2.8	15.3	008128
2576	NGUYỄN DIỆU LINH	10/10/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	4.0	2.0	3.2	15.2	016121
2577	ĐỖ TUẤN LÂM	09/08/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	3.5	3.0	2.2	15.2	002135
2578	LÊ ĐĂNG TRỌNG	09/12/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.5	2.5	3.2	15.2	006117
2579	VŨ THÀNH TRUNG	15/12/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.5	2.5	3.2	15.2	016248
2580	NGUYỄN THỊ DOAN	29/10/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	2.5	2.5	5.2	15.2	013038

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2581	LÊ THUY LÂM	09/11/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	2.0	5.0	1.2	15.2	016111
2582	NGUYỄN TIẾN ANH	20/07/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.0	2.5	6.2	15.2	013016
2583	NGUYỄN HOÀNG HẢI	07/01/2008	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	3.5	5.2	15.2	009047
2584	NGUYỄN THÁI SƠN	25/12/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	0.5	6.0	2.2	15.2	011116
2585	NGUYỄN THỊ TRIỆU VY	20/01/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	0.5	6.0	2.2	15.2	016273
2586	TRẦN ĐÌNH CƯỜNG	07/07/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	0.5	6.0	2.2	15.2	011019
2587	MAI QUỐC VIỆT	28/03/2009	8B3	THCS ĐẠI BẮN	0.0	6.5	2.2	15.2	007296
2588	LÊ HOÀNG BẢO NAM	19/03/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	2.3	2.6	15.1	009125
2589	NGUYỄN THU HƯƠNG	14/06/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	3.3	2.5	3.6	15.1	015060
2590	PHẠM MINH THÀNH	25/09/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.3	2.0	4.6	15.1	011120
2591	HOÀNG HẢI LINH	30/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	2.8	3.5	2.6	15.1	005105
2592	PHẠM MINH TÚ	28/12/2009	8A2	THCS AN HỒNG	2.5	4.0	2.1	15.1	004239
2593	NGUYỄN ĐỖ HỮU KIÊN	06/12/2009	8D	THCS QUỐC TUẤN	2.3	3.5	3.6	15.1	015063
2594	NGUYỄN VĂN DUY	09/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	1.8	3.0	5.6	15.1	007058
2595	HOÀNG TUẤN ANH	19/09/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	0.8	5.0	3.6	15.1	001009
2596	PHẠM HỮU PHÚC	29/10/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	0.8	5.0	3.6	15.1	001183
2597	PHẠM YẾN NHI	21/01/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	5.3	1.8	1.0	15	002193
2598	HOÀNG YẾN NHI	09/03/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	4.5	3.0	0.0	15	001178
2599	LÊ HOÀNG SAO LY	15/06/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	4.5	2.0	2.0	15	016137
2600	VŨ THÙY LINH	28/04/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	4.0	1.0	5.0	15	016132
2601	NGUYỄN THỊ THẢO HUYỀN	04/06/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	3.5	2.5	3.0	15	015059
2602	NGUYỄN XUÂN VIỆT ANH	17/07/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	1.5	5.0	15	008007
2603	VŨ THỊ THÙY LINH	14/09/2009	8C4	THCS AN HƯNG	3.0	2.0	5.0	15	005122
2604	BÙI THỊ DUYÊN	14/06/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.8	2.5	4.4	15	008022
2605	ĐINH HUY MINH NHẬT	10/10/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.8	2.3	5.0	15	008099
2606	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	14/09/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	2.5	4.0	2.0	15	011038
2607	VŨ HOÀI NAM	28/04/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	2.5	2.0	6.0	15	013104
2608	ĐỖ ĐÌNH LONG	15/06/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	2.5	7.0	15	008078
2609	NGUYỄN VĂN TIẾN	25/09/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0	5.0	3.0	15	010174
2610	LÊ PHƯƠNG THANH	14/09/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.5	4.5	5.0	15	016212

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2611	TRỊNH NAM KHÁNH	13/09/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	0.5	4.0	6.0	15	001115
2612	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	30/11/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	0.3	5.3	4.0	15	007257
2613	LÊ THỊ HOA	17/04/2009	8A6	THCS AN HỒNG	3.8	2.0	3.4	14.9	004070
2614	NGUYỄN ĐỨC KHOA	30/11/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	2.3	3.4	14.9	009088
2615	ĐINH ĐỨC HIẾU	05/12/2009	8C1	THCS AN HƯNG	3.5	2.0	3.9	14.9	005069
2616	NGUYỄN NGỌC LINH	27/06/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	2.5	3.0	3.9	14.9	010100
2617	NGUYỄN THÀNH CÔNG	30/06/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	2.3	3.0	4.4	14.9	001040
2618	VŨ THẢO LINH	17/04/2009	8C3	THCS AN HƯNG	1.8	4.5	2.4	14.9	005121
2619	LƯU HOÀNG KHẢI	22/08/2009	8D	THCS AN HOÀ	2.8	3.3	2.8	14.8	003082
2620	NGUYỄN THÀNH LỘC	26/10/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	2.5	3.5	2.8	14.8	010109
2621	VŨ VĂN TRUNG	07/06/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.5	2.5	4.8	14.8	006119
2622	VŨ KHÁNH LY	21/12/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	2.3	3.3	3.8	14.8	011080
2623	VŨ THỊ KHÁNH LINH	16/06/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.5	3.8	14.8	010103
2624	PHẠM PHƯƠNG ANH	16/07/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	2.0	6.8	14.8	009015
2625	LÊ TIẾN DŨNG	13/08/2009	8A2	THCS AN HỒNG	1.5	5.0	1.8	14.8	004043
2626	ĐOÀN QUANG CHUNG	10/10/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.0	5.0	2.8	14.8	016030
2627	NGUYỄN THANH TÙNG	18/01/2008	8B1	THCS ĐẠI BẢN	1.0	5.0	2.8	14.8	007288
2628	LÊ TIẾN ĐẠT	13/09/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	1.0	5.0	2.8	14.8	001056
2629	ĐỖ KHÁNH LINH	03/12/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.8	3.8	5.8	14.8	008071
2630	NGUYỄN VĂN ĐẠT	11/05/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.8	3.5	2.2	14.7	006032
2631	LÊ QUỐC DƯƠNG	24/06/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.8	1.0	7.2	14.7	006029
2632	VŨ HOÀNG QUÂN	19/04/2009	8C6	THCS AN HƯNG	2.3	3.0	4.2	14.7	005182
2633	KHƯƠNG NGỌC QUỲNH HƯƠNG	06/10/2009	8C2	THCS AN HƯNG	1.3	4.0	4.2	14.7	005090
2634	TRẦN VĂN NHẤT	24/09/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.8	4.0	5.2	14.7	007198
2635	LƯU MỸ HÒA	20/11/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	0.3	6.0	2.2	14.7	002107
2636	TỔNG NHẤN TRÍ THÀNH	16/12/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.0	2.0	2.6	14.6	003159
2637	VŨ THỊ MAI	10/06/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.5	3.5	2.6	14.6	006072
2638	NGUYỄN VĂN TRÌNH	02/05/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.0	3.5	3.6	14.6	008137
2639	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	16/05/2009	8E	THCS AN HOÀ	1.5	5.0	1.6	14.6	003133
2640	LÊ HUYỀN KHÁNH LY	05/04/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.5	4.5	2.6	14.6	005131

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2641	NGUYỄN ANH TÙNG	16/02/2009	8A4	THCS AN HỒNG	1.5	4.5	2.6	14.6	004235
2642	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	22/02/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	3.0	5.6	14.6	008121
2643	ĐOÀN TRẦN KHÁNH LY	03/01/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.3	5.0	2.1	14.6	005130
2644	HOÀNG PHƯƠNG MAI	23/03/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	0.5	5.0	3.6	14.6	007164
2645	PHẠM MINH HIẾU	30/12/2009	8A5	THCS AN HỒNG	2.8	3.5	2.0	14.5	004067
2646	TRẦN VĂN CƯỜNG	11/04/2008	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.0	4.3	4.0	14.5	016034
2647	PHÙNG THỊ LAN ANH	19/10/2009	8C1	THCS NAM SƠN	0.5	5.0	3.5	14.5	014021
2648	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	21/12/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	4.0	2.0	2.4	14.4	011131
2649	LÊ VĂN KHOA	12/08/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	4.0	1.0	4.4	14.4	010089
2650	ĐỖ QUANG HUY	13/08/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	0.3	7.4	14.4	009067
2651	TRẦN TÙNG LÂM	25/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	2.5	3.0	3.4	14.4	007138
2652	NGUYỄN THỊ GIANG	30/05/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	2.0	5.4	14.4	008039
2653	ĐINH CÔNG HIẾU	28/08/2009	8A5	THCS AN HỒNG	1.5	4.0	3.4	14.4	004063
2654	NGUYỄN MẠNH QUANG	03/06/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0	5.0	2.4	14.4	010142
2655	MẠC THÙY LINH	04/12/2009	8C2	THCS NAM SƠN	1.0	5.0	2.4	14.4	014113
2656	VŨ NGỌC SƠN	10/12/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	0.5	5.0	3.4	14.4	001198
2657	DƯƠNG TUỆ MINH	24/12/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.5	5.0	3.4	14.4	002164
2658	NGUYỄN DUY HIỀN	28/04/2009	8A4	THCS AN HỒNG	2.3	4.0	1.8	14.3	004062
2659	NGUYỄN TUẤN ANH	24/04/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	0.5	5.0	3.3	14.3	016015
2660	BÙI QUỐC VƯƠNG	18/05/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	4.8	1.3	2.2	14.2	011140
2661	NGUYỄN DUY VƯƠNG	21/06/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	4.5	1.5	2.2	14.2	011141
2662	NGUYỄN THU HƯỜNG	28/01/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	3.5	1.5	4.2	14.2	013079
2663	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	21/09/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.0	2.5	3.2	14.2	016058
2664	NGÔ DUY KHÁNH	02/09/2009	8C6	THCS AN DƯƠNG	2.5	2.5	4.2	14.2	002126
2665	LÝ ĐẠI VỸ	23/02/2009	8C6	THCS AN HƯNG	2.5	2.5	4.2	14.2	005249
2666	MAI THỊ NGỌC ÁNH	07/09/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	2.5	1.5	6.2	14.2	007031
2667	HÀ TẤT ĐẠT	23/01/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	3.5	5.2	14.2	009037
2668	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	03/01/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	0.8	4.5	3.7	14.2	016031
2669	PHẠM VĂN NAM	14/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	0.0	5.5	3.2	14.2	007186
2670	LÊ TRỊNH TIẾN	27/11/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	3.8	1.5	3.6	14.1	011127

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2671	HOÀNG MINH HIẾU	02/12/2009	8C2	THCS NAM SƠN	3.5	2.5	2.1	14.1	014076
2672	ĐÀM NGUYỄN NGỌC VIỆT	19/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	1.5	4.5	2.1	14.1	004248
2673	NGUYỄN VIỆT TIẾN	16/07/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	1.0	4.8	2.6	14.1	016235
2674	LÊ TUẤN ANH	12/01/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	0.0	4.8	4.6	14.1	015008
2675	NGUYỄN THANH TUẤN	22/08/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	3.3	2.0	3.4	14	010188
2676	NGÔ VĂN ĐỨC	14/01/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.3	2.8	2.0	14	003048
2677	NGUYỄN TUẤN LINH	22/12/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	3.0	3.0	2.0	14	016128
2678	LÊ QUANG ANH	28/07/2009	8C	THCS LÊ LỢI	3.0	2.0	4.0	14	012001
2679	NGUYỄN VĂN THÀNH	07/05/2009	8C	THCS LÊ LỢI	3.0	2.0	4.0	14	012081
2680	PHẠM THÀNH LONG	20/03/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.5	3.5	2.0	14	013094
2681	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	22/11/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	3.5	2.0	14	009170
2682	PHAN VĂN TUẤN	23/02/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	3.3	3.0	14	009189
2683	NGUYỄN BẢO ANH	26/12/2009	8A4	THCS AN HỒNG	2.0	4.0	2.0	14	004015
2684	NGUYỄN VĂN QUẢN	22/07/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.5	3.0	5.0	14	013134
2685	NGUYỄN ANH TUẤN	10/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.0	4.5	3.0	14	016253
2686	TRẦN THỊ KHÁNH VY	14/09/2009	8C	THCS BẮC SƠN	1.0	4.0	4.0	14	006131
2687	TRẦN HUY HOÀNG	19/11/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.5	5.0	3.0	14	007107
2688	NGUYỄN NGỌC LINH	27/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.5	4.0	5.0	14	004119
2689	ĐÌNH VĂN HUY	10/06/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	3.3	2.5	2.4	13.9	011049
2690	BÙI TOÀN LONG	13/05/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	3.0	3.4	13.9	009106
2691	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	10/10/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.5	3.3	6.4	13.9	016025
2692	LÊ CÔNG TUẤN ANH	22/11/2009	8C3	THCS AN DƯƠNG	3.3	2.3	2.8	13.8	002017
2693	TRẦN ĐÌNH HÙNG	30/07/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	3.0	2.0	3.8	13.8	011055
2694	PHÍ XUÂN HÒA	20/02/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.5	1.5	5.8	13.8	013069
2695	NGUYỄN TUẤN DUY	21/11/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.5	2.5	5.8	13.8	013041
2696	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	07/09/2008	8D	THCS AN HOÀ	0.5	6.0	0.8	13.8	003026
2697	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG ANH	07/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	0.5	5.0	2.8	13.8	016004
2698	BÙI KHÁNH TOÀN	27/02/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.0	5.0	3.8	13.8	008132
2699	BÙI TUẤN ANH	25/01/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	0.0	4.0	5.8	13.8	007006
2700	LÊ THỊ MINH THU	14/05/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.3	2.5	2.2	13.7	014206

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2701	VŨ ANH TUẤN	12/04/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	3.0	2.0	3.7	13.7	016257
2702	NGUYỄN QUANG HUY	12/10/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	1.8	4.0	2.2	13.7	011050
2703	TRẦN DUY THÀNH	23/07/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	1.5	3.3	4.2	13.7	016215
2704	LÊ NGỌC LINH	07/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	1.3	5.0	1.2	13.7	005106
2705	ĐÀO NAM KHÁNH	05/08/2009	8C4	THCS NAM SƠN	3.8	1.8	2.6	13.6	014094
2706	TRẦN THỊ YẾN NHI	28/01/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	3.8	1.0	4.1	13.6	011098
2707	NGÔ THỊ THU HUYỀN	26/10/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	3.5	1.5	3.6	13.6	013074
2708	LÊ ANH DŨNG	10/07/2009	8B	THCS LÊ LỢI	3.0	2.3	3.0	13.6	012018
2709	NGUYỄN THÙY LINH	09/07/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	1.8	3.5	3.1	13.6	011077
2710	ĐỒNG ĐỨC HÒA	31/01/2009	8A3	THCS AN HỒNG	1.0	5.0	1.6	13.6	004077
2711	ĐỖ HUY VŨ	25/05/2009	8A	THCS BẮC SƠN	1.0	4.0	3.6	13.6	006129
2712	LƯU CÔNG ANH XUÂN	11/06/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	4.3	2.0	1.0	13.5	011142
2713	TRƯƠNG VIỆT ANH	04/12/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.5	2.3	2.0	13.5	003015
2714	TRẦN ĐÌNH DUY	15/10/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.5	3.3	2.0	13.5	006025
2715	PHẠM VĂN TUẤN	26/07/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	2.8	4.0	13.5	013171
2716	BÙI DUY QUANG	26/04/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	1.8	4.0	2.0	13.5	001188
2717	TRẦN KHÁNH DUY	17/07/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.5	3.0	2.4	13.4	006026
2718	NGUYỄN THỊ HOÀNG GIA	31/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	2.0	2.5	4.4	13.4	005055
2719	TRẦN GIA KHÁNH	16/08/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.0	2.0	5.4	13.4	008061
2720	VŨ HỒNG NGỌC	14/10/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	1.5	3.5	3.4	13.4	010127
2721	BÙI ĐỨC ĐẠT	13/10/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	1.3	3.8	3.4	13.4	011029
2722	NGUYỄN ĐỨC BẢO	23/03/2009	8C2	THCS NAM SƠN	1.0	4.5	2.4	13.4	014032
2723	PHẠM VIỆT ANH	10/10/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	0.5	3.0	6.4	13.4	013020
2724	VŨ THÀNH HUY	31/12/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	2.3	2.0	4.8	13.4	010076
2725	NGUYỄN MINH ĐỨC	28/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	4.3	0.5	3.8	13.3	005052
2726	TRẦN GIA KHIÊM	13/01/2009	8C	THCS BẮC SƠN	3.3	2.0	2.8	13.3	006055
2727	ĐÌNH VĂN QUANG THẮNG	30/05/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	2.8	1.0	5.8	13.3	015114
2728	ĐẶNG VIỆT HƯNG	22/08/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	2.5	2.3	3.8	13.3	011054
2729	LÊ MINH NGUYỆT	11/10/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	2.5	1.8	4.8	13.3	013116
2730	NGUYỄN ĐĂNG DŨNG	16/10/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.0	2.3	4.8	13.3	006027

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2731	TRƯƠNG BẢO NGUYỄN	22/12/2009	8A3	THCS AN HỒNG	2.0	1.8	5.8	13.3	004164
2732	MAI GIA BẢO	11/12/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	2.5	5.8	13.3	009018
2733	MAI ÍCH BAN	08/10/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.3	4.5	3.8	13.3	016021
2734	NGUYỄN XUÂN THÀNH	21/09/2009	8D	THCS AN HOÀ	4.0	1.5	2.2	13.2	003158
2735	NGUYỄN NGỌC THIỆU	08/11/2009	8A5	THCS AN HỒNG	3.5	0.8	4.7	13.2	004210
2736	HOÀNG THỊ THANH TÂM	01/11/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	2.8	2.0	3.6	13.2	011117
2737	PHẠM KHÁNH LÂM	13/03/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	1.5	5.2	13.2	008067
2738	NGUYỄN HUY HOÀNG	30/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	2.3	3.0	2.7	13.2	005076
2739	NGUYỄN THỊ BẢO ANH	21/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	2.3	3.0	2.7	13.2	014015
2740	ĐỒNG NHƯ NGỌC	20/10/2009	8C	THCS LÊ LỢI	2.0	2.3	4.6	13.2	012063
2741	PHAN YẾN VY	27/07/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	1.5	4.0	2.2	13.2	016276
2742	NGUYỄN VĂN MINH	26/11/2009	8D	THCS AN HOÀ	1.3	4.3	2.2	13.2	003121
2743	PHẠM THẾ VIỆT	22/02/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	0.5	5.0	2.2	13.2	007298
2744	PHÙNG TUẤN ĐẠT	29/06/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	0.5	3.0	6.2	13.2	015031
2745	LÊ VIỆT ANH	22/03/2009	8A5	THCS AN HỒNG	4.0	1.5	2.1	13.1	004014
2746	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	06/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	3.3	1.5	3.6	13.1	014224
2747	ĐOÀN THU MINH PHƯƠNG	09/12/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.0	3.3	2.6	13.1	006092
2748	ĐỖ KHẮC QUANG	17/12/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	1.8	3.0	3.6	13.1	001189
2749	VŨ NHẬT TRƯỜNG	14/08/2009	8A6	THCS AN HỒNG	1.5	4.0	2.1	13.1	004232
2750	PHẠM DIỆP VÂN	22/04/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	1.5	3.3	3.6	13.1	013178
2751	LÊ THỊ NHƯ	23/08/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	1.5	2.3	5.6	13.1	007209
2752	HOÀNG CHU THỂ VINH	06/11/2009	8C4	THCS AN HƯNG	0.5	5.0	2.1	13.1	005239
2753	LÂM ĐỨC BÌNH	01/08/2009	8C2	THCS AN HƯNG	0.5	3.5	5.1	13.1	005029
2754	VŨ QUỐC TOÀN	21/11/2009	8E	THCS AN HOÀ	0.3	3.0	6.6	13.1	003172
2755	ĐINH QUANG ANH	25/12/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	3.5	1.0	4.0	13	001007
2756	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	06/03/2009	8A4	THCS AN HỒNG	2.8	2.8	2.0	13	004038
2757	ĐỖ BÁ VIỆT	02/09/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.5	1.5	5.0	13	013180
2758	NGUYỄN ANH ĐỨC	13/08/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	2.5	1.0	6.0	13	013053
2759	VŨ TRƯỜNG GIANG	13/11/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	1.5	3.5	3.0	13	013057
2760	NGUYỄN VĂN SANG	25/09/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	4.0	3.0	13	008114

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2761	TRẦN THỊ KHÁNH LY	09/06/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	0.5	3.5	5.0	13	015082
2762	TẠ TUẤN ANH	24/11/2009	8C1	THCS NAM SƠN	0.0	5.5	2.0	13	014022
2763	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	31/07/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	0.0	4.0	5.0	13	007163
2764	VŨ QUANG TRƯỜNG	16/04/2009	8E	THCS AN HOÀ	0.0	3.5	6.0	13	003184
2765	NGUYỄN THU HIỀN	25/12/2008	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	0.3	2.4	12.9	009052
2766	NGUYỄN LANG QUÝ DƯƠNG	06/04/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	3.5	1.3	3.4	12.9	002065
2767	HOÀNG VĂN CƯỜNG	02/06/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	3.3	0.5	5.4	12.9	007050
2768	LÊ ĐỨC MẠNH	17/05/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	2.3	2.4	12.9	006073
2769	VŨ QUÁCH PHƯƠNG TRƯỜNG	25/03/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	2.0	2.8	3.4	12.9	013169
2770	PHẠM VĂN TRƯỜNG	29/08/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.0	2.8	3.4	12.9	013168
2771	LƯU NGỌC ÁNH	22/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.5	3.9	12.9	016018
2772	ĐỖ VIỆT ANH	15/02/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	1.3	4.0	2.4	12.9	002016
2773	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	20/07/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	1.0	3.8	3.4	12.9	013128
2774	LÊ THỊ YẾN NHI	17/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	1.0	3.8	3.4	12.9	004168
2775	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	01/04/2009	8A5	THCS AN HỒNG	0.5	4.5	2.9	12.9	004053
2776	LÊ NHƯ QUỲNH	17/01/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.3	5.0	2.4	12.9	005184
2777	BÙI ĐÌNH ĐỨC	25/07/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	3.3	1.3	3.8	12.8	002076
2778	LÊ TUẤN KIỆT	23/06/2009	8D	THCS AN HOÀ	2.8	2.3	2.8	12.8	003092
2779	NGUYỄN THẾ QUANG	24/10/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	2.0	3.8	12.8	008111
2780	MA QUỐC LINH	11/12/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	3.5	1.8	12.8	008072
2781	PHẠM TUẤN KHANG	27/08/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.0	4.0	2.8	12.8	005095
2782	TRẦN ANH TỬ	28/07/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	0.8	3.8	3.8	12.8	007292
2783	VŨ ÁNH DƯƠNG	29/08/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	0.0	5.0	2.8	12.8	011027
2784	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	25/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	0.0	5.0	2.8	12.8	007272
2785	MAI VĂN DUY	02/08/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	3.3	0.5	5.2	12.7	007056
2786	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	03/08/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	2.8	3.2	12.7	009112
2787	BÙI NGỌC YẾN NHI	11/12/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.8	3.5	2.2	12.7	016177
2788	PHẠM MINH VŨ	01/01/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.5	2.5	4.7	12.7	016270
2789	TRẦN ĐỨC TRƯỜNG	30/12/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.5	4.8	2.2	12.7	005224
2790	VŨ THỊ MAI TRANG	21/01/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	0.5	3.8	4.2	12.7	013162

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2791	NGUYỄN ĐỨC VIỆT ANH	16/10/2009	8B	THCS BẮC SƠN	3.0	1.0	4.6	12.6	006011
2792	ĐỖ VŨ ANH NHẬT	16/11/2009	8A3	THCS AN HỒNG	2.0	2.0	4.6	12.6	004166
2793	NGUYỄN HẢI NAM	31/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	1.5	3.5	2.6	12.6	004144
2794	LÊ ANH TÚ	27/12/2009	8A4	THCS AN HỒNG	1.5	3.0	3.6	12.6	004237
2795	NGUYỄN QUỐC DŨNG	30/08/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.5	2.5	4.6	12.6	008024
2796	HOÀNG PHÚ THÀNH	30/05/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	1.5	2.0	5.6	12.6	001206
2797	LÊ THỊ THỦY	19/03/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	3.3	3.6	12.6	009172
2798	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	12/06/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	1.0	4.0	2.6	12.6	013137
2799	BÙI THỊ THỦY TIÊN	08/12/2008	8C1	THCS NAM SƠN	0.0	5.0	2.6	12.6	014214
2800	MAI QUỐC AN	21/05/2009	8B3	THCS ĐẠI BẢN	0.0	5.0	2.6	12.6	007001
2801	PHẠM VĂN HÀ	17/06/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	2.8	3.0	12.5	009045
2802	GIANG GIA HUY	03/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.0	4.5	12.5	016081
2803	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG LY	26/08/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	3.8	2.0	12.5	009109
2804	ĐỖ NGỌC BẢO ANH	20/11/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	4.8	1.0	12.5	009006
2805	NGUYỄN THÀNH PHONG	02/11/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	0.8	4.0	3.0	12.5	007211
2806	NGUYỄN ĐỨC VINH	30/09/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	0.5	5.0	1.5	12.5	016268
2807	TRẦN ĐỨC LONG	03/11/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	0.0	3.3	6.0	12.5	007159
2808	TRẦN THỊ TRÀ MY	05/07/2009	8A5	THCS AN HỒNG	2.5	3.0	1.4	12.4	004139
2809	TRƯƠNG ANH ĐỨC	22/07/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.5	1.0	5.4	12.4	008038
2810	LÊ TRÁC HUY	17/09/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.3	2.8	2.4	12.4	006044
2811	NGUYỄN NHƯ GIA BẢO	01/05/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	1.5	5.4	12.4	013027
2812	NGUYỄN VĂN ĐẠI	03/02/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.5	2.0	5.4	12.4	016051
2813	NGUYỄN TIẾN HÀ	08/12/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.3	1.8	8.4	12.4	004055
2814	NGUYỄN THIÊN PHƯỚC	26/10/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.0	5.0	2.4	12.4	016194
2815	NGUYỄN BẢO TÚ	05/11/2009	8A3	THCS AN HỒNG	5.0	0.0	2.3	12.3	004238
2816	NGUYỄN BÁ ĐỨC	24/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	3.0	1.8	2.8	12.3	002079
2817	BÙI THỊ THU NGÂN	22/12/2009	8A4	THCS AN HỒNG	2.5	2.8	1.8	12.3	004148
2818	NGUYỄN PHÚ KIÊN	25/11/2009	8C1	THCS NAM SƠN	0.3	4.8	2.3	12.3	014104
2819	HOÀNG GIA BẢO	31/01/2009	8C3	THCS AN HÙNG	3.0	2.5	1.2	12.2	005023
2820	NGUYỄN VĂN HUY	12/12/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.5	3.2	12.2	016084

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2821	NGUYỄN THỊ LÀN	10/02/2009	8D	THCS AN HOÀ	1.5	2.5	4.2	12.2	003096
2822	PHẠM THỊ DIỆU LINH	05/03/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	2.0	5.2	12.2	008076
2823	HÀ TRÚC AN	12/11/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.5	4.0	3.2	12.2	005002
2824	NGUYỄN THỊ CHANH	23/08/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	0.5	2.5	6.2	12.2	015018
2825	NGUYỄN HOÀNG KIM	06/12/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	0.8	3.6	12.1	009091
2826	ĐẶNG THÀNH HƯNG	06/11/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	2.8	1.5	3.6	12.1	011053
2827	PHẠM DUY TÀI	28/11/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	2.5	3.6	12.1	008118
2828	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	22/10/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	3.0	3.1	12.1	016049
2829	PHÍ THỊ KIM NGÂN	01/10/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.5	1.5	4.0	12	013105
2830	PHẠM VĂN VIỆT	03/02/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	2.5	1.5	4.0	12	013181
2831	VŨ ĐỨC THIỆN	08/09/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	2.5	1.0	5.0	12	015116
2832	NGUYỄN QUỲNH ANH	01/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	2.0	2.0	4.0	12	002021
2833	NGÔ HỮU HÙNG	12/07/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.0	1.5	5.0	12	013076
2834	NGUYỄN THỊ YẾN LY	31/12/2009	8E	THCS AN HOÀ	1.8	1.8	5.0	12	003114
2835	NGUYỄN THÙY LINH	29/09/2009	8A6	THCS AN HỒNG	1.8	1.5	5.5	12	004121
2836	ĐÀO THANH NAM	17/02/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.5	2.5	4.0	12	013103
2837	LƯU TUẤN TÚ	24/11/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.5	2.0	5.0	12	016259
2838	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	24/08/2009	8B	THCS BẮC SƠN	1.0	3.5	3.0	12	006035
2839	LƯƠNG XUÂN HẢI	10/01/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.0	6.0	12	016070
2840	BÙI QUANG KHÁNH	26/08/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	2.0	6.0	12	009083
2841	NGUYỄN THỊ BẢO AN	18/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẮN	0.8	4.3	2.0	12	007002
2842	ĐỖ THỊ MAI ANH	24/10/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	0.5	4.0	3.0	12	013005
2843	NGUYỄN TRÀ GIANG	26/08/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	0.5	4.0	3.0	12	015037
2844	ĐẶNG KHÁNH HUY	27/08/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.5	3.0	5.0	12	005077
2845	HUỲNH HUYỀN DỊU	14/08/2008	8E	THCS AN ĐỒNG	0.0	4.5	3.0	12	001045
2846	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	10/01/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	0.0	3.0	6.0	12	001057
2847	LÊ HOÀNG MINH	04/02/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	2.3	2.4	11.9	009118
2848	NGUYỄN YẾN NHI	18/10/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	2.0	2.3	3.4	11.9	013121
2849	PHẠM THỊ DIỆU LINH	06/03/2009	8C1	THCS AN HƯNG	0.5	4.0	2.9	11.9	005119
2850	NGUYỄN TIẾN TÀI	03/07/2009	8A3	THCS AN HỒNG	0.0	4.5	2.9	11.9	004192

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2851	ĐỒNG THỊ HÀ ANH	04/11/2009	8A6	THCS AN HỒNG	2.5	2.0	2.8	11.8	004008
2852	NGUYỄN THỊ THU NHÀI	19/12/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	2.0	2.0	3.8	11.8	013117
2853	VŨ MINH NHẬT	09/11/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	1.8	2.0	4.3	11.8	011093
2854	NGUYỄN LƯU BẢO THY	27/12/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.5	4.8	11.8	016230
2855	TRẦN TIẾN DŨNG	08/08/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.0	1.5	6.8	11.8	013043
2856	NGUYỄN VĂN ĐẠT	16/08/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	0.5	2.0	6.8	11.8	010049
2857	NGUYỄN KHẮC LÂM	03/11/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	0.0	5.0	1.8	11.8	011068
2858	VŨ ĐỨC HUY	06/03/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.0	3.0	5.8	11.8	005080
2859	NGUYỄN BẢO NAM	31/03/2009	8C5	THCS AN HƯNG	3.3	2.0	1.2	11.7	005148
2860	HOÀNG HẢI ANH	21/12/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	2.3	2.2	11.7	009008
2861	NGUYỄN DIỆU LINH	08/11/2009	8B7	THCS ĐẠI BẮN	1.8	2.0	4.2	11.7	007144
2862	NGÔ QUANG KHUÊ	05/10/2009	8A4	THCS AN HỒNG	1.0	3.3	3.2	11.7	004102
2863	ĐỖ NGỌC ANH	01/11/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.8	2.5	5.2	11.7	008003
2864	PHẠM VĂN PHÚ	27/08/2009	8C5	THCS AN HƯNG	4.0	0.5	2.6	11.6	005169
2865	VŨ ĐÌNH DOANH	06/06/2009	8C4	THCS AN DƯƠNG	3.3	0.8	3.6	11.6	002050
2866	LÊ KHÁNH NAM	07/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	2.5	2.0	2.6	11.6	005146
2867	HOÀNG TIẾN ĐẠI	17/03/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	2.5	2.0	2.6	11.6	016050
2868	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	12/11/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	2.5	2.0	2.6	11.6	016059
2869	NGUYỄN TỬ TÀI	27/09/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.5	1.5	3.6	11.6	013139
2870	TỔNG DUY TẤN	23/04/2009	8E	THCS AN HOÀ	2.0	3.0	1.6	11.6	003156
2871	PHẠM MINH CƯỜNG	05/11/2009	8B	THCS LÊ LỢI	2.0	2.3	3.0	11.6	012016
2872	ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	23/09/2009	8B	THCS LÊ LỢI	2.0	2.3	3.0	11.6	012015
2873	PHẠM KHÁNH HƯNG	12/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	0.8	6.6	11.6	008058
2874	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	14/12/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	1.0	3.5	2.6	11.6	015078
2875	LÊ DUY MINH	22/06/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.5	3.0	4.6	11.6	004133
2876	NGUYỄN HOÀNG DIỆU LINH	03/10/2009	8C1	THCS NAM SƠN	2.8	2.0	2.0	11.5	014115
2877	CAO ĐỨC HẢI	14/10/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	2.0	1.3	5.0	11.5	013058
2878	NGUYỄN THÁI SƠN	12/11/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	1.5	3.0	2.5	11.5	013138
2879	NGUYỄN PHẠM ANH TUẤN	08/12/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.5	3.0	2.5	11.5	016254
2880	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	30/09/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.5	2.8	3.0	11.5	013087

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2881	VŨ THỊ XUÂN OANH	01/06/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.3	2.0	5.0	11.5	007210
2882	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	17/06/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.3	5.0	11.5	016250
2883	NGUYỄN VĂN ĐỨC	02/09/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	0.8	2.8	4.4	11.5	007078
2884	PHẠM LÊ DUY	29/01/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.0	2.0	1.4	11.4	003028
2885	NGUYỄN TIẾN DŨNG	30/07/2009	8C	THCS AN HOÀ	2.8	2.3	1.4	11.4	003034
2886	VŨ BÁ PHÚC	22/10/2009	8A3	THCS AN HỒNG	2.0	2.5	2.4	11.4	004176
2887	ĐOÀN THỊ MINH TÂM	26/10/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	1.5	2.0	4.4	11.4	013140
2888	TRẦN THẢO CHI	18/02/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	1.3	1.8	5.4	11.4	007045
2889	ĐỖ VĂN CƯỜNG	16/05/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	1.5	6.4	11.4	009029
2890	HOÀNG VĂN VIỆT	01/10/2009	8E	THCS AN HOÀ	0.0	4.5	2.4	11.4	003188
2891	TRẦN VĂN TOÀN	11/04/2008	8B3	THCS TÂN TIẾN	3.0	0.8	3.8	11.3	016238
2892	NGUYỄN TUẤN KHANG	26/03/2009	8C2	THCS AN HƯNG	1.8	3.0	1.8	11.3	005094
2893	NGUYỄN HÀ LINH	17/02/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	1.8	2.8	2.3	11.3	011075
2894	NGUYỄN TIẾN THỊNH	25/11/2009	8C3	THCS NAM SƠN	1.3	2.5	3.8	11.3	014205
2895	PHẠM VĂN ĐẠT	27/08/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	1.0	2.8	3.8	11.3	013051
2896	PHẠM THỊ YẾN NHI	29/05/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	2.8	1.0	3.7	11.2	011097
2897	TRƯƠNG ÁNH TUYẾT	09/07/2009	8C3	THCS NAM SƠN	1.3	3.8	1.2	11.2	014228
2898	ĐÀM THỊ HỒNG VÂN	14/05/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	4.0	1.2	11.2	010193
2899	NGUYỄN SINH HÙNG	07/04/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	2.5	4.2	11.2	009075
2900	ĐỖ HOÀNG NGỌC LAN	02/10/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	2.0	5.2	11.2	008063
2901	NGUYỄN THỊ HIỀN	28/12/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.5	4.0	2.2	11.2	011043
2902	ĐÀO HOÀNG TỨ	13/03/2008	8B3	THCS ĐẠI BẢN	0.5	3.0	4.2	11.2	007291
2903	NGUYỄN THỦY TIÊN	18/12/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	5.0	1.2	11.2	009177
2904	PHẠM TRUNG HIẾU	10/03/2008	8D	THCS HỒNG THÁI	0.0	4.0	3.2	11.2	011045
2905	TRẦN VĂN TRƯỜNG	04/05/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	0.0	4.0	3.2	11.2	007281
2906	NGUYỄN HỮU KHÁNH	07/10/2009	8C5	THCS NAM SƠN	2.5	2.0	2.1	11.1	014098
2907	NGÔ THỊ THÙY DƯƠNG	24/06/2009	8C	THCS AN HOÀ	2.3	2.5	1.6	11.1	003036
2908	ĐỖ VĂN SAO	12/03/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.3	1.0	4.6	11.1	008115
2909	ĐÀO DUY MẠNH	29/12/2009	8D	THCS AN HOÀ	3.8	0.8	2.0	11	003117
2910	BÙI NGỌC TUYÊN	14/10/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	3.5	1.0	2.0	11	011134

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2911	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	03/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	2.5	1.5	3.0	11	007076
2912	CHU ĐỨC NHẬT	02/09/2009	8C	THCS LÊ LỢI	2.0	2.0	3.0	11	012067
2913	TRẦN TRỌNG TÀI	17/01/2009	8B	THCS LÊ LỢI	2.0	2.0	3.0	11	012079
2914	PHẠM THỊ LÀNH	07/06/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.0	3.0	11	016109
2915	TRẦN VĂN VIỆT	15/08/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	2.0	1.5	4.0	11	010194
2916	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	25/02/2009	8B2	THCS ĐẠI BẢN	1.5	1.5	5.0	11	007231
2917	NGUYỄN ĐỨC QUYẾT	02/07/2009	8B4	THCS ĐẠI BẢN	1.0	2.5	4.0	11	007227
2918	NGUYỄN NINH LÂM	24/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.8	4.0	1.5	11	016113
2919	TRẦN THỊ THU TRANG	10/04/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.5	3.5	3.0	11	002234
2920	ĐỖ THỊ THÚY QUỲNH	25/04/2009	8E	THCS LÊ THIÊN	0.5	3.0	4.0	11	013136
2921	HOÀNG PHI DƯƠNG	26/10/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.3	2.3	6.0	11	008025
2922	VŨ THỦY TIÊN	20/10/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.0	2.5	6.0	11	016231
2923	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	15/04/2009	8C2	THCS NAM SƠN	2.3	1.0	4.5	10.96	014168
2924	TRẦN ĐỨC HIẾU	05/08/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	1.5	4.4	10.9	008052
2925	VŨ CÔNG ANH	08/02/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	1.3	2.5	3.4	10.9	002031
2926	TRẦN HÀ GIA HUY	25/03/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.3	3.0	4.4	10.9	005078
2927	PHẠM PHÚ TÀI	19/03/2009	8A2	THCS AN HỒNG	0.0	4.3	2.4	10.9	004193
2928	ĐINH NGỌC THÁI KHANG	19/10/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	2.3	6.4	10.9	009081
2929	NGUYỄN THIÊN PHÚ	06/02/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	2.0	2.0	2.8	10.8	013125
2930	ĐÀO THẢO CHI	04/02/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	2.0	2.0	2.8	10.8	002042
2931	HOÀNG VŨ NAM	25/05/2009	8A5	THCS AN HỒNG	2.0	2.0	2.8	10.8	004142
2932	NGUYỄN NGỌC SƠN	01/10/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.5	2.0	3.8	10.8	001196
2933	TRỊNH MINH VƯƠNG	27/05/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	4.0	2.8	10.8	009199
2934	TRẦN QUỐC KHÁNH	01/05/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	0.0	2.0	6.8	10.8	001114
2935	TRỊNH QUỐC QUANG	07/04/2009	8E	THCS AN HOÀ	2.8	2.0	1.2	10.7	003148
2936	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	20/08/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	2.5	0.8	4.2	10.7	002213
2937	NGUYỄN KHẮC HỌC	14/03/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	2.3	2.5	1.2	10.7	011048
2938	LÊ THỊ YẾN NHI	09/12/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	2.0	1.8	3.2	10.7	013119
2939	NGUYỄN THỊ THU TRINH	05/08/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	2.5	2.2	10.7	009183
2940	ĐỖ VIỆT TIẾN	03/02/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	1.5	2.0	3.7	10.7	016233

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2941	LÊ VĂN THÀNH	25/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	1.0	3.3	2.2	10.7	014194
2942	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	01/09/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	1.0	1.8	5.2	10.7	013001
2943	NGUYỄN HỒNG PHÚC	11/11/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	0.5	3.8	2.2	10.7	013126
2944	BÙI BẢO AN	05/12/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	3.0	1.3	2.1	10.6	016001
2945	PHẠM VIỆT THẮNG	20/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	1.8	2.6	10.6	009167
2946	LÊ NGUYỆT ANH	31/12/2009	8C	THCS BẮC SƠN	2.0	1.5	3.6	10.6	006005
2947	MAI HOÀNG TÍN	20/10/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	1.5	3.6	10.6	009180
2948	CHU THỊ THÙY TRANG	16/08/2009	8A5	THCS AN HỒNG	1.0	3.5	1.6	10.6	004219
2949	ĐỖ TRỌNG HIẾU	08/04/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	2.0	4.6	10.6	008048
2950	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	01/10/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	4.3	0.5	1.0	10.5	011108
2951	PHẠM BẢO ĐẠT	01/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	2.3	1.0	4.0	10.5	002074
2952	PHẠM VĂN TRƯỜNG	26/07/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	2.0	1.3	4.0	10.5	013167
2953	NGUYỄN BẢO ĐẠI	26/07/2009	8C	THCS AN HOÀ	1.5	1.8	4.0	10.5	003040
2954	PHAN KIM	13/08/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	2.5	4.0	10.5	009092
2955	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	10/08/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	0.5	3.8	2.0	10.5	013127
2956	ĐẶNG NGỌC MINH	08/07/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	2.5	1.0	3.4	10.4	002165
2957	ĐÀO VĂN HIẾU	19/09/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	1.5	1.0	5.4	10.4	013061
2958	NGUYỄN VĂN ĐẠT	22/02/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	1.5	5.4	10.4	010048
2959	CAO THỊ MINH PHƯƠNG	17/09/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	4.0	1.4	10.4	009142
2960	NGUYỄN GIA BẢO	07/05/2009	8D	THCS AN HOÀ	0.0	4.5	1.4	10.4	003019
2961	NGUYỄN THỊ LAN	03/05/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.0	3.0	4.4	10.4	011066
2962	LÊ ĐÌNH MẠNH	07/08/2009	8A3	THCS AN HỒNG	0.0	3.0	4.4	10.4	004131
2963	PHẠM TUẤN HÙNG	16/03/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	0.8	3.8	10.3	009080
2964	BẠCH DUY KHÁNH	01/09/2009	8E	THCS AN HOÀ	1.5	1.3	4.8	10.3	003083
2965	PHẠM VĂN TRIỆU	31/10/2009	8C3	THCS NAM SƠN	1.0	2.8	2.8	10.3	014222
2966	NGUYỄN MẠNH HIỆP	01/05/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.0	1.5	5.3	10.3	016077
2967	TRƯƠNG TRIỆU LUÂN	12/04/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	2.5	5.3	10.3	004126
2968	HOÀNG THỊ TRÀ MI	05/06/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.5	1.5	2.2	10.2	006075
2969	NGUYỄN GIA MINH	22/10/2009	8C2	THCS NAM SƠN	2.3	2.3	1.2	10.2	014135
2970	PHẠM KHÁNH QUANG	06/03/2009	8B4	THCS ĐẠI BẮN	2.3	1.3	3.2	10.2	007221

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2971	LÊ BÁ GIA HUY	26/10/2009	8B	THCS BẮC SƠN	2.0	1.5	3.2	10.2	006042
2972	PHẠM TIẾN VŨ	09/12/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.5	1.0	5.2	10.2	010197
2973	PHẠM NGỌC ANH	22/07/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	0.0	7.2	10.2	009014
2974	NGUYỄN DUY KHÔI	16/08/2009	8C	THCS LÊ LỢI	1.0	2.0	4.2	10.2	012047
2975	VŨ TÙNG BÌNH	24/07/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.0	1.5	5.2	10.2	008015
2976	TRẦN ANH THƯ	06/11/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.5	3.5	2.2	10.2	005206
2977	NGÔ NHƯ QUỲNH	26/01/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	0.5	3.5	2.2	10.2	010148
2978	NGUYỄN THÀNH AN	17/01/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	0.5	2.0	5.2	10.2	010002
2979	NGUYỄN VĂN KHÁNH	04/02/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	1.5	6.2	10.2	009085
2980	NGUYỄN QUANG THẮNG	03/04/2009	8C4	THCS AN HƯNG	2.3	2.0	1.6	10.1	005200
2981	NGUYỄN ANH TÚ	10/06/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	1.5	1.8	3.6	10.1	013173
2982	ĐỖ ĐÌNH LÂM	12/12/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.3	1.0	5.6	10.1	008066
2983	HOÀNG MẠNH TIẾN	09/08/2009	8C1	THCS NAM SƠN	0.5	3.3	2.6	10.1	014215
2984	ĐẶNG HỒNG QUÂN	23/05/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	0.3	3.5	2.6	10.1	011112
2985	HOÀNG VĂN TÙNG	09/10/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	4.3	1.6	10.1	005230
2986	LƯU THẢO NHI	05/02/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	3.3	0.5	2.5	10	016179
2987	VŨ THỊ HUYỀN	22/08/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.0	2.0	10	016085
2988	TRƯƠNG THỊ TÂM VI	25/02/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	1.5	2.5	2.0	10	013179
2989	PHẠM VĂN TÂN	27/09/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	1.5	1.5	4.0	10	013142
2990	HOÀNG NGÔ GIA BẢO	27/11/2009	8E	THCS AN HOÀ	1.5	1.5	4.0	10	003017
2991	VŨ QUANG TIẾN	27/01/2009	8C6	THCS AN HƯNG	1.3	2.5	2.5	10	005210
2992	TRẦN NGỌC VY	16/12/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	1.0	3.0	2.0	10	002263
2993	NGUYỄN HUY THÔNG	18/08/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	1.0	2.5	3.0	10	013153
2994	AN ĐỨC ANH	01/11/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.5	3.0	3.0	10	016003
2995	NGUYỄN BÁ CHUNG	06/08/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	1.5	6.0	10	009028
2996	NGUYỄN THÀNH TRUNG	12/11/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	4.0	2.0	10	005221
2997	BÙI THANH TRÚC	11/04/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	3.5	3.0	10	004229
2998	PHẠM VĂN NAM	18/08/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	0.0	3.0	4.0	10	016166
2999	NGUYỄN VĂN LỘC	14/03/2009	8C3	THCS NAM SƠN	2.3	1.5	2.4	9.9	014127
3000	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	20/08/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.8	2.0	2.4	9.9	008143

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3001	LÊ ĐỨC ANH	14/08/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	1.8	1.0	4.4	9.9	001011
3002	CHU ĐỨC ANH	05/02/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	1.0	2.8	2.4	9.9	015003
3003	CAO TIẾN BÌNH	23/10/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	2.0	2.0	1.8	9.8	002034
3004	PHẠM TRẦN KHÁNH HƯNG	18/06/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.6	2.0	2.6	9.8	005087
3005	LƯU VIỆT HÙNG	27/04/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.5	1.5	3.8	9.8	005084
3006	BÙI HẢI BÌNH	17/12/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.0	4.0	1.8	9.8	002033
3007	TRẦN AN HUY	17/09/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	2.0	1.3	3.2	9.7	011052
3008	VŨ THỊ TUỆ MY	14/11/2008	8D	THCS AN HOÀ	1.5	2.0	2.7	9.7	003123
3009	PHẠM TIẾN ANH	06/10/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	0.3	1.5	6.2	9.7	013019
3010	NGUYỄN THỊ LY	24/05/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.0	2.8	4.2	9.7	007162
3011	NGUYỄN THỊ LAN ANH	08/10/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	1.3	2.6	9.6	009011
3012	TRẦN DUY LONG	26/07/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.8	1.5	3.0	9.6	010106
3013	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	03/07/2009	8C3	THCS AN HƯNG	1.5	2.0	2.6	9.6	005218
3014	NGUYỄN LÊ KIỀU OANH	24/12/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	1.0	2.0	3.6	9.6	013123
3015	NGÔ ĐỨC MẠNH	09/07/2009	8C	THCS AN HOÀ	3.0	0.8	2.0	9.5	003118
3016	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	08/11/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.5	1.8	3.0	9.5	013154
3017	NGUYỄN HÀ VY	10/09/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	4.3	1.0	9.5	004253
3018	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	29/05/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	2.5	1.0	2.4	9.4	016240
3019	ĐỖ THÀNH TRUNG	26/03/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	1.5	2.0	2.4	9.4	010182
3020	ĐỖ VĂN TÚ	05/10/2009	8C	THCS LÊ THIỆN	1.5	1.5	3.4	9.4	013172
3021	NGUYỄN THANH NINH	03/12/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	1.3	2.3	2.4	9.4	011103
3022	ĐOÀN THỊ QUỲNH NGA	21/12/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	1.5	4.4	9.4	010122
3023	ĐẶNG XUÂN ĐỨC	05/01/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	1.5	4.4	9.4	009039
3024	HOÀNG PHÚ AN NGUYỄN	15/06/2009	8A2	THCS AN HỒNG	0.5	3.0	2.4	9.4	004162
3025	NGÔ TUẤN DŨNG	13/09/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	2.5	3.4	9.4	009035
3026	TRẦN XUÂN TRẮNG	23/10/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.0	3.0	3.4	9.4	008135
3027	BÙI DOÃN NHẬT ANH	30/03/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	2.3	0.5	3.8	9.3	001004
3028	NGÔ HOÀNG LINH	15/08/2009	8D	THCS AN HOÀ	1.8	1.5	2.8	9.3	003103
3029	NGUYỄN VĂN MINH	19/10/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG	1.0	1.5	4.3	9.3	010118
3030	PHẠM CÔNG VŨ	29/05/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	2.5	2.8	9.3	009198

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3031	NGUYỄN HỒNG LỘC	01/02/2009	8C3	THCS NAM SƠN	0.5	1.8	4.8	9.3	014126
3032	NGUYỄN VĂN HẠNH	03/05/2009	8C4	THCS AN HƯNG	0.0	3.0	3.3	9.3	005063
3033	TRIỆU VĂN THANH	16/10/2009	8E	THCS AN HOÀ	2.0	1.5	2.2	9.2	003157
3034	TRẦN LÝ NGỌC LINH	02/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	2.0	2.2	9.2	016130
3035	NGUYỄN HOÀNG TRANG	06/05/2009	8C2	THCS AN HƯNG	1.5	2.0	2.2	9.2	005214
3036	LÊ THỊ ANH THƯ	21/09/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.0	3.2	9.2	016227
3037	VŨ THỊ HỒNG HẠNH	27/10/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	2.8	0.3	3.0	9.1	007088
3038	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	27/01/2009	8C5	THCS AN HƯNG	1.0	1.3	4.6	9.1	005044
3039	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	28/11/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.8	2.0	3.6	9.1	005175
3040	TRẦN DIỆU ANH	05/04/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	0.3	2.0	4.6	9.1	013021
3041	NGUYỄN TUẤN ANH	02/06/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.9	0.8	3.8	9	008006
3042	ĐỖ THỊ TUYẾT NHI	06/08/2009	8D	THCS LÊ THIỆN	1.5	2.0	2.0	9	013118
3043	ĐOÀN HOÀNG LÂM	29/06/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.3	2.0	2.5	9	016110
3044	NGUYỄN NHÂN NGHĨA	14/04/2009	8B	THCS LÊ THIỆN	0.5	3.0	2.0	9	013106
3045	NGUYỄN BÁ BẢO NAM	12/07/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.3	1.8	5.0	9	007184
3046	NGÔ XUÂN TOÀN	01/04/2008	8D	THCS AN ĐỒNG	0.0	2.0	5.0	9	001227
3047	LÊ PHONG TOÀN	03/09/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	2.0	5.0	9	004217
3048	TRẦN QUỲNH NHƯ	07/01/2008	8C3	THCS NAM SƠN	1.5	1.8	2.4	8.9	014167
3049	NGUYỄN HẢI THẮNG	03/03/2009	8C6	THCS AN HƯNG	1.3	2.0	2.4	8.9	005199
3050	TRƯƠNG ĐĂNG KHOA	07/08/2008	8E	THCS AN HOÀ	1.3	2.0	2.4	8.9	003086
3051	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	27/08/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.3	3.0	2.4	8.9	002106
3052	TẠ KHÁNH THIỆN	28/05/2009	8E	THCS AN HOÀ	0.3	2.5	3.4	8.9	003166
3053	NGUYỄN MINH QUÂN	01/10/2009	8C2	THCS NAM SƠN	2.0	1.5	1.8	8.8	014181
3054	LÊ ĐỨC HUY	30/05/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	1.5	2.8	8.8	016082
3055	ĐỖ THỊ ÁNH	25/08/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	2.5	1.8	8.8	009017
3056	HÀ VĂN CẢNH	10/10/2009	8A6	THCS AN HỒNG	1.0	2.5	1.8	8.8	004032
3057	VŨ HẢI TIẾN	29/04/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.0	4.8	8.8	001226
3058	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	18/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	0.8	2.0	3.3	8.8	014031
3059	LÊ VĂN KHÔI	29/01/2009	8A3	THCS AN HỒNG	0.5	2.5	2.8	8.8	004101
3060	TRẦN VĂN BẢO	20/02/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	0.0	2.0	4.8	8.8	015015

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3061	ĐỖ MINH PHÚ	28/08/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	0.8	3.2	8.7	009140
3062	MAI THỊ QUỲNH ANH	20/11/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	1.3	3.2	8.7	009010
3063	MAI THÀNH TRUNG	04/09/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	2.5	2.2	8.7	009185
3064	NGUYỄN MINH TÂN	22/10/2009	8C2	THCS NAM SƠN	0.5	1.8	4.2	8.7	014193
3065	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	30/06/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.5	1.0	3.6	8.6	010114
3066	ĐỒNG HẢI ANH	09/06/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.5	3.6	8.6	001008
3067	NGUYỄN MINH CHÂU	21/09/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.0	4.6	8.6	001036
3068	VŨ MINH QUÂN	28/11/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	0.5	3.0	1.6	8.6	010145
3069	TRẦN KHÁNH DUY	18/12/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.5	3.0	1.6	8.6	005040
3070	ĐỖ THANH THỦY	28/12/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.5	2.5	2.6	8.6	008127
3071	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	27/06/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	2.0	4.6	8.6	005251
3072	ĐINH VĂN TUẤN ANH	04/07/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	0.0	2.0	4.6	8.6	015006
3073	NGUYỄN MAI LAN	20/06/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	0.0	1.0	6.6	8.6	001119
3074	PHẠM TRUNG HIẾU	26/10/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	0.8	3.0	8.5	009056
3075	NGUYỄN QUANG TRUNG	22/05/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.0	2.3	2.0	8.5	008139
3076	ĐỖ QUỐC ĐƯỢC	06/07/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	1.0	1.8	3.0	8.5	013052
3077	TRƯƠNG VĂN THẮNG	13/06/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	1.5	2.4	8.4	009168
3078	NGUYỄN BÌNH MINH	24/08/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.5	1.5	2.4	8.4	010115
3079	TRƯƠNG VĂN LỢI	13/06/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	1.5	3.4	8.4	009107
3080	ĐÀO VĨNH HƯNG	02/10/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	0.5	5.4	8.4	009076
3081	NGUYỄN TUẤN PHÚC	23/05/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	0.5	2.0	3.4	8.4	016189
3082	LƯU THẢO VÂN	26/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.5	2.0	3.4	8.4	005236
3083	LÊ THỊ VÂN ANH	31/03/2009	8E	THCS AN HOÀ	2.8	0.5	1.8	8.3	003005
3084	PHẠM VĂN THẮNG	15/06/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	1.5	1.8	8.3	009166
3085	LÊ NHẬT MINH	21/09/2009	8B5	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	1.8	1.8	8.3	009119
3086	NGUYỄN HOÀNG THÁI SƠN	12/10/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.8	1.5	3.8	8.3	002208
3087	LƯU ĐỨC THẮNG	05/05/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.5	2.0	3.3	8.3	016219
3088	BÙI ĐỨC THỊNH	18/02/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.5	2.0	3.3	8.3	016220
3089	ĐỖ ĐỨC ĐĂNG KHOA	10/09/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	2.0	1.0	2.2	8.2	016100
3090	CHU ĐỨC PHÚC	27/08/2009	8A6	THCS AN HỒNG	1.5	1.5	2.2	8.2	004174

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3091	ĐINH THỊ TRÚC LINH	30/12/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.5	2.0	3.2	8.2	004110
3092	NGUYỄN ĐỨC HẢI NAM	19/06/2009	8A3	THCS AN HỒNG	0.0	3.0	2.2	8.2	004143
3093	NGUYỄN HẢI ANH	28/04/2009	8C4	THCS AN HƯNG	0.0	2.3	3.6	8.2	005013
3094	PHẠM NGÔ ĐỨC THỊNH	25/05/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	1.0	1.3	3.6	8.1	016221
3095	NGUYỄN THỊ THU THỦY	11/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	0.8	2.0	2.6	8.1	005205
3096	BÙI THỊ MỸ DUYÊN	08/07/2009	8D	THCS AN HOÀ	0.3	2.0	3.6	8.1	003029
3097	ĐỖ CÔNG VINH	20/12/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	2.8	2.6	8.1	009196
3098	TRẦN QUANG THÁI	26/08/2008	8C2	THCS NAM SƠN	0.0	2.5	3.1	8.1	014203
3099	PHẠM THỊ MINH NGÀ	21/09/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	1.0	4.0	8	008089
3100	BÙI NGUYỄN NGỌC BÍCH	25/05/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	1.0	1.0	4.0	8	011013
3101	NGUYỄN MINH HOÀNG	22/10/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	1.0	1.0	4.0	8	013067
3102	ĐỖ MINH QUÂN	05/04/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	3.0	2.0	8	004186
3103	MAI TUẤN TỬ	03/07/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	3.0	2.0	8	009193
3104	BÙI ÁNH NGUYỆT	27/12/2009	8C5	THCS AN HƯNG	1.0	2.0	1.8	7.8	005160
3105	TRƯƠNG MẠNH NAM	09/09/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	3.0	1.8	7.8	004146
3106	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	20/08/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	2.5	2.8	7.8	005231
3107	PHẠM MẠNH QUÂN	03/08/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	0.5	2.2	7.7	009150
3108	NGÔ MINH QUYỀN	01/09/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	1.5	1.2	7.7	009151
3109	ĐẶNG AN BÌNH MINH	22/03/2009	8C5	THCS AN HƯNG	1.0	1.5	2.7	7.7	005135
3110	ĐỖ VĂN CƯỜNG	28/12/2008	8D	THCS AN HOÀ	0.8	1.5	3.2	7.7	003025
3111	VŨ KHÁNH DUY	17/09/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	0.0	1.3	5.2	7.7	015026
3112	VŨ GIA KHIÊM	29/07/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	0.5	2.0	2.6	7.6	015061
3113	PHẠM KHÁNH DUY	06/08/2009	8C3	THCS AN HƯNG	0.5	2.0	2.6	7.6	005039
3114	NGUYỄN BÁ NGUYỄN	25/11/2008	8B	THCS AN ĐỒNG	0.5	1.0	4.6	7.6	001176
3115	NGUYỄN VĂN ĐẠI	05/05/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.3	1.0	5.1	7.6	016052
3116	NGUYỄN TRUNG ANH	01/12/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.0	3.0	1.6	7.6	002024
3117	ĐỖ GIA LINH	22/01/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.0	3.0	1.6	7.6	005104
3118	NGUYỄN TRUNG KIÊN	01/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	0.8	3.0	7.5	016106
3119	LƯU KHÁNH NGỌC	10/09/2009	8C5	THCS AN HƯNG	1.3	1.5	2.0	7.5	005156
3120	TRẦN HỮU QUANG	24/04/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	0.8	2.0	2.0	7.5	007222

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3121	NGUYỄN VĂN MẠNH	12/07/2009	8C2	THCS NAM SƠN	0.8	1.5	3.0	7.5	014131
3122	PHẠM ĐĂNG QUANG	23/10/2009	8B2	THCS ĐẠI BẮN	0.5	1.8	3.0	7.5	007220
3123	NGUYỄN TRUNG KIÊN	01/10/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	2.0	0.0	3.4	7.4	010091
3124	ĐỖ KHẮC HIỆP	18/09/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.0	3.4	7.4	001088
3125	PHẠM GIA BẢO	25/09/2009	8A3	THCS AN HỒNG	0.5	2.3	1.9	7.4	004029
3126	NGUYỄN NGỌC QUANG	28/11/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	0.5	1.5	3.4	7.4	015105
3127	NGUYỄN NGỌC LONG	17/11/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	1.0	1.5	2.2	7.2	010105
3128	ĐINH HOÀNG QUỲNH ANH	03/10/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.5	2.0	2.2	7.2	002009
3129	LÊ TUẤN KIỆT	13/12/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	3.0	1.2	7.2	005101
3130	BÙI XUÂN TÙNG	14/08/2009	8A	THCS BẮC SƠN	0.0	1.5	4.2	7.2	006122
3131	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	12/04/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	0.5	2.3	1.6	7.1	013152
3132	NGUYỄN VĂN THIÊN	07/01/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.3	2.0	2.6	7.1	008125
3133	VŨ HOÀNG GIA LONG	07/08/2009	8A2	THCS AN HỒNG	0.0	1.8	3.6	7.1	004125
3134	LÊ VĂN ĐỨC	18/06/2007	8A	THCS BẮC SƠN	1.8	0.8	2.0	7	006034
3135	NGÔ QUANG HUY	21/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.5	1.0	2.0	7	016083
3136	NGUYỄN TRÚC LÂN	17/10/2009	8B	THCS QUỐC TUẤN	1.5	1.0	2.0	7	015069
3137	LÊ XUÂN TRƯỜNG	20/10/2009	8D	THCS LÊ THIÊN	1.0	1.0	3.0	7	013166
3138	NGUYỄN DUY KHÁNH	16/05/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	0.5	2.0	2.0	7	010087
3139	NGUYỄN TIẾN PHONG	22/11/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	0.5	1.5	3.0	7	013124
3140	CHU ĐỨC LÂM	19/09/2009	8A5	THCS AN HỒNG	0.0	1.5	4.0	7	004106
3141	NGUYỄN DUY KHÁNH	31/10/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	2.0	0.8	1.4	6.9	016098
3142	TRẦN BÁ HIỆP	17/01/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	2.8	1.4	6.9	004069
3143	NGÔ VĂN DŨNG	25/05/2009	8E	THCS AN HOÀ	1.8	1.0	1.3	6.8	003033
3144	ĐỖ ĐÌNH BÌNH	06/06/2009	8C	THCS AN HOÀ	1.5	1.5	0.8	6.8	003020
3145	NGUYỄN THIÊN PHÚC	15/07/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.0	2.8	6.8	001181
3146	QUÁCH TRẦN PHONG	11/04/2008	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	0.5	3.8	6.8	009139
3147	NGUYỄN BÁ MẠNH QUÂN	30/03/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	1.3	1.0	2.2	6.7	011113
3148	NGUYỄN NHẬT MINH	28/04/2009	8C6	THCS AN HƯNG	1.3	1.0	2.2	6.7	005138
3149	LƯƠNG TRUNG ĐỨC	02/07/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.8	1.5	2.2	6.7	008033
3150	TRỊNH ĐỨC HUY	14/09/2009	8C4	THCS AN HƯNG	0.3	1.0	4.2	6.7	005079

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3151	ĐINH QUANG DƯƠNG	19/09/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.0	2.8	1.2	6.7	002058
3152	CẦN ĐỨC HOÀNG NAM	14/03/2009	8A3	THCS AN HỒNG	0.0	1.8	3.2	6.7	004141
3153	DƯƠNG QUANG NINH	11/12/2009	8A2	THCS AN HỒNG	0.0	1.3	4.2	6.7	004170
3154	BÙI ĐỨC QUANG	04/11/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	1.3	4.2	6.7	004183
3155	TRẦN QUANG TÂM	15/10/2009	8C3	THCS NAM SƠN	1.5	1.0	1.6	6.6	014191
3156	VŨ VĂN THỨC	28/09/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.5	1.5	2.6	6.6	005208
3157	LƯƠNG ÁNH NGỌC	13/11/2007	8D	THCS LÊ THIÊN	1.0	1.0	2.5	6.5	013107
3158	NGUYỄN ĐỨC LÂM	26/11/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	0.3	1.0	4.0	6.5	013085
3159	LÊ VĂN LƯƠNG	19/11/2009	8C	THCS AN HOÀ	1.5	1.0	1.4	6.4	003113
3160	NGÔ NGỌC TIẾN	16/10/2009	8C4	THCS AN HƯNG	1.0	1.0	2.4	6.4	005209
3161	LÊ THẾ TOÀN	30/01/2009	8B	THCS BẮC SƠN	1.0	1.0	2.4	6.4	006112
3162	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	01/05/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.8	1.0	2.9	6.4	016032
3163	NGUYỄN VĂN KIÊN	24/07/2009	8C3	THCS NAM SƠN	0.3	1.5	2.9	6.4	014105
3164	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	27/10/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	1.5	3.4	6.4	004180
3165	NGUYỄN ĐỨC HƯNG	28/07/2009	8C3	THCS AN HƯNG	0.0	1.0	4.4	6.4	005085
3166	DƯƠNG THỊ THÙY LINH	08/05/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	2.8	0.8	6.3	004109
3167	LÊ ĐÀO ANH NHƯ	23/09/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	0.5	1.5	2.2	6.2	011100
3168	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	25/06/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	0.5	1.0	3.2	6.2	010186
3169	PHẠM MINH HIẾU	30/04/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.5	1.0	3.2	6.2	008049
3170	NGUYỄN CHÍ ĐẠT	03/11/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	0.0	2.5	1.2	6.2	011030
3171	NGUYỄN LÊ HOÀNG LINH	12/08/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	0.0	2.5	1.2	6.2	010099
3172	PHẠM VĂN TOÀN	23/02/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	2.0	2.2	6.2	004218
3173	NGUYỄN HOÀNG DUY	05/06/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	0.0	2.0	2.2	6.2	011021
3174	NGUYỄN VĂN PHÚ	05/05/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.0	4.2	6.2	016187
3175	NGUYỄN TÙNG LÂM	14/12/2009	8A	THCS QUỐC TUẤN	0.8	1.0	2.6	6.1	015068
3176	ĐỖ TIẾN THÀNH	09/04/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.0	2.3	1.6	6.1	016213
3177	PHẠM QUỐC HUY	14/04/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	2.0	2.1	6.1	004081
3178	CAO MINH PHÚC	13/02/2009	8C5	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.8	4.6	6.1	002197
3179	NGUYỄN PHÚ TOÀN	17/04/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG	1.0	1.0	2.0	6	010176
3180	VŨ VIỆT TIẾN	26/01/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG	0.5	1.0	3.0	6	010175

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3181	NGUYỄN BẢO NAM	05/11/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.0	2.0	2.0	6	016164
3182	ĐOÀN TUẤN KHANG	22/12/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	2.0	2.0	6	005092
3183	ĐẶNG MINH HIẾU	16/08/2009	8C2	THCS NAM SƠN	1.5	0.5	1.9	5.9	014074
3184	TRẦN ĐỨC ĐỘ	15/10/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.5	1.0	2.8	5.8	011033
3185	VŨ BÁ PHÚ	01/11/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	1.0	0.5	2.7	5.7	011105
3186	NGUYỄN GIA THỊNH	18/09/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	1.3	2.2	5.7	009169
3187	ĐINH TRUNG HIẾU	17/08/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	0.3	1.0	3.2	5.7	016074
3188	BÙI VĂN TẤN	16/10/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	1.0	1.0	1.6	5.6	016210
3189	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	15/05/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	0.3	0.8	3.6	5.6	011096
3190	ĐẶNG VĂN DUY	06/08/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.0	0.5	4.6	5.6	011020
3191	NGUYỄN TUẤN KHANG	09/02/2009	8C	THCS LÊ THIÊN	0.3	1.5	2.0	5.5	013080
3192	LƯU THÀNH ĐẠT	13/08/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.3	0.5	4.0	5.5	016055
3193	LƯU THÙY DƯƠNG	06/12/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.0	1.3	3.0	5.5	002062
3194	NGUYỄN DUY ĐẠI	19/11/2008	8D	THCS AN HOÀ	1.0	0.0	3.4	5.4	003041
3195	LÊ TƯỜNG THANH	12/08/2009	8A5	THCS AN HỒNG	0.0	1.5	2.4	5.4	004194
3196	LÊ MINH TIẾN	31/10/2009	8E	THCS AN ĐỒNG	0.0	1.0	3.4	5.4	001224
3197	TRẦN HOÀNG ANH	20/03/2009	8C4	THCS AN HƯNG	0.0	1.0	3.4	5.4	005019
3198	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	06/12/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.5	2.3	5.3	016033
3199	TRẦN NGỌC ANH	13/10/2009	8B3	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.3	2.8	5.3	016020
3200	BÙI ĐÌNH THÁI PHONG	06/06/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	1.0	0.5	2.2	5.2	016186
3201	HOÀNG ANH KHOA	22/10/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	2.0	1.2	5.2	005100
3202	ĐINH VĂN NGHĨA	24/05/2009	8C	THCS BẮC SƠN	0.0	1.5	2.2	5.2	006086
3203	NGUYỄN QUỐC NGUYỄN	27/01/2008	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	0.0	5.2	5.2	008098
3204	ĐỒNG ĐỨC QUÂN	05/01/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.5	1.3	1.6	5.1	004185
3205	LÊ THỊ KHÁNH HÒA	05/07/2009	8A	THCS BẮC SƠN	0.5	1.0	2.0	5	006040
3206	LƯU GIA BẢO	15/07/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.0	2.0	1.0	5	005025
3207	NGUYỄN ĐỨC DUY	30/09/2009	8B7	THCS ĐẠI BẢN	0.0	1.5	2.0	5	007057
3208	VŨ QUỐC TRUNG	04/06/2008	8A	THCS BẮC SƠN	0.0	1.5	2.0	5	006118
3209	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	27/08/2009	8A5	THCS AN HỒNG	0.0	1.0	3.0	5	004215
3210	PHẠM MINH TÂM	08/01/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.8	3.4	4.9	002215

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3211	LƯƠNG GIA HUY	01/09/2009	8C2	THCS NAM SƠN	0.5	0.8	2.3	4.8	014087
3212	LÊ CÔNG VỸ	17/06/2009	8A	THCS BẮC SƠN	0.0	1.0	2.8	4.8	006132
3213	NGUYỄN NGỌC HUY	27/11/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	1.0	2.8	4.8	004079
3214	TRẦN ĐỨC ANH	28/03/2009	8A	THCS BẮC SƠN	0.3	1.0	2.2	4.7	006012
3215	TRẦN HUY HIỆU	29/01/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	0.8	3.2	4.7	005071
3216	TRẦN TIẾN THÀNH	03/08/2009	8C3	THCS NAM SƠN	0.5	0.8	2.1	4.6	014196
3217	NGUYỄN VĂN PHÚC	07/06/2009	8A6	THCS AN HỒNG	0.0	1.5	1.6	4.6	004175
3218	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	01/03/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.0	2.6	4.6	016061
3219	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	02/12/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.0	1.0	2.6	4.6	005050
3220	TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	25/07/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	0.0	0.8	3.0	4.5	011132
3221	TRẦN TUẤN ANH	10/12/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN	0.0	0.0	4.5	4.5	015012
3222	NGUYỄN MAI BÍCH TÚ	12/12/2009	8B	THCS LÊ THIÊN	0.5	0.5	2.4	4.4	013174
3223	NGUYỄN NGỌC MINH	14/04/2009	8B1	THCS ĐẠI BẢN	0.0	1.0	2.4	4.4	007171
3224	LÊ VĂN HOÀNG	20/01/2009	8C6	THCS AN HƯNG	0.0	1.0	2.4	4.4	005075
3225	NGUYỄN TRẦN THÁI SƠN	31/07/2009	8C	THCS AN ĐỒNG	0.0	1.0	2.4	4.4	001197
3226	LƯƠNG MINH TRÍ KIỆT	14/05/2009	8C3	THCS NAM SƠN	0.5	0.5	2.3	4.3	014106
3227	LƯƠNG THẾ VINH	22/12/2009	8B2	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.3	1.8	4.3	016267
3228	LÊ THÀNH CÔNG	28/10/2009	8C	THCS AN HOÀ	1.0	0.0	2.2	4.2	003023
3229	VŨ THẾ CÔNG	02/02/2009	8D	THCS AN HOÀ	0.3	1.3	1.2	4.2	003024
3230	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	29/05/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.0	2.2	4.2	016176
3231	ĐOÀN PHƯƠNG NHI	25/07/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	0.0	0.5	3.2	4.2	011095
3232	PHẠM THÁI SƠN	21/09/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.0	4.2	4.2	002209
3233	NGUYỄN TUẤN VŨ	20/04/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	1.5	1.0	4	009197
3234	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	17/08/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.0	1.0	2.0	4	002105
3235	TRƯƠNG MINH HOAN	30/10/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.3	1.0	1.4	3.9	005074
3236	TRẦN ĐỨC TRUNG	29/10/2009	8B4	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	1.3	1.4	3.9	009186
3237	NGUYỄN THÙY TRANG	29/08/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	1.0	1.8	3.8	004227
3238	PHẠM VĂN CƯỜNG	13/08/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.5	0.5	1.6	3.6	005036
3239	LÃ ĐỨC MINH	02/09/2009	8C3	THCS NAM SƠN	0.5	0.5	1.6	3.6	014132
3240	VŨ VĂN PHONG	03/07/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.0	3.6	3.6	002196

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3241	LÊ TƯỜNG NGỌC	11/12/2009	8A4	THCS AN HỒNG	0.0	1.3	1.0	3.5	004153
3242	TRẦN MẠNH TUẤN	11/06/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.0	0.8	2.0	3.5	016256
3243	LÊ TIẾN THÀNH	09/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	1.0	1.4	3.4	009156
3244	NGUYỄN VĂN HƯNG	05/09/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.5	2.4	3.4	009079
3245	PHẠM VĂN TRƯỜNG	23/10/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.8	1.8	3.3	009188
3246	ĐẶNG VĂN DŨNG	12/08/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.0	1.2	3.2	011023
3247	HOÀNG GIA HUY	28/09/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.5	2.2	3.2	002113
3248	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	28/09/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.0	3.2	3.2	009161
3249	PHẠM MAI PHƯƠNG	01/11/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	1.0	1.0	3	008110
3250	PHẠM QUANG VINH	13/02/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.0	1.0	3	011138
3251	VŨ PHƯƠNG VY	21/11/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.5	2.0	3	009200
3252	NGUYỄN HOÀNG HUY	02/08/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.5	2.0	3	002116
3253	PHAN VĂN TRƯỜNG	15/08/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.5	2.0	3	009187
3254	TRẦN VĂN HOÀNG	02/07/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.0	0.8	2.8	011047
3255	NGUYỄN BÌNH MINH	23/11/2009	8C5	THCS AN HƯNG	0.0	0.5	1.7	2.7	005136
3256	PHẠM QUỐC HUY	03/09/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.0	0.6	2.6	011051
3257	TRẦN TIẾN SỬU	27/12/2009	8C1	THCS NAM SƠN	0.0	0.3	2.1	2.6	014188
3258	BÙI TIẾN LÂM	11/06/2009	8A5	THCS AN HỒNG	0.0	0.5	1.3	2.3	004105
3259	VŨ VĂN TRÍ	28/03/2008	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.0	2.2	2.2	009184
3260	NGUYỄN TUẤN ANH	30/05/2009	8A5	THCS AN HỒNG	0.0	0.0	2.2	2.2	004020
3261	VŨ VĂN DŨNG	18/03/2009	8C2	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.5	1.0	2	002057
3262	NGUYỄN THỊ MINH THU	01/05/2009	8D	THCS AN ĐỒNG	0.0	0.0	2.0	2	001215
3263	CAO XUÂN TỬ	01/08/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.0	1.8	1.8	009192
3264	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	09/10/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG	0.0	0.8	0.2	1.7	002214
3265	NGUYỄN BÌNH MINH	11/12/2009	8A3	THCS AN HỒNG	0.0	0.5	0.5	1.5	004135
3266	ĐỖ SINH HÙNG	07/11/2009	8B1	THCS TÂN TIẾN	0.5	0.0	0.4	1.4	016086
3267	TÔ MINH NGỌC	08/10/2008	8B3	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.0	1.4	1.4	009132
3268	ĐOÀN ANH KHOA	19/02/2009	8A5	THCS AN HỒNG	0.0	0.0	1.4	1.4	004098
3269	TRẦN THÀNH ĐẠT	31/01/2009	8D	THCS HỒNG THÁI	0.0	0.5	0.0	1	011031
3270	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	09/02/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.0	0.5	0.0	1	011025

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3271	VŨ THỊ THÙY GIANG	29/05/2008	8D	THCS HỒNG THÁI	0.0	0.5	0.0	1	011037
3272	TRƯƠNG HỒNG PHÚC	03/05/2009	8B	THCS AN ĐỒNG	0.0	0.0	1.0	1	001184
3273	LÊ NGỌC ĐỨC	08/05/2008	8C4	THCS NAM SƠN	0.0	0.0	0.0	0	014057
3274	ĐÀO THANH PHONG	06/11/2009	8E	THCS AN HOÀ	5.3		3.0		003138
3275	LÊ THỊ THÚY	17/12/2009	8B	THCS BẮC SƠN	4.5		3.6		006107
3276	ĐOÀN NGỌC HUYỀN LINH	23/06/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	2.8		2.4		011072
3277	ĐỖ NGUYỄN VIỆT ANH	22/06/2009	8C5	THCS AN HƯNG	1.8	5.0			005007
3278	TRẦN HƯƠNG QUỲNH	24/09/2009	8C	THCS HỒNG THÁI	1.3		2.2		011115
3279	TRẦN THUÝ NHI	04/01/2009	8B4	THCS HỒNG PHONG	1.0		5.0		010132
3280	NGUYỄN HỒNG NHUNG	14/01/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG	1.0		4.0		010133
3281	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	29/09/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.5			011016
3282	VŨ ĐÌNH TIẾN	17/07/2009	8A	THCS HỒNG THÁI	0.0		0.2		011128
3283	NGUYỄN HUY KHÁNH	30/11/2009	8B	THCS HỒNG THÁI	0.0		0.0		011060
3284	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	10/11/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG		6.0			010162
3285	NGÔ TUẤN ANH	05/09/2009	8B3	THCS HỒNG PHONG		6.0			010004
3286	PHẠM VĂN QUYẾN	10/02/2009	8B	THCS HỒNG THÁI		4.5	0.0		011114
3287	NGÔ QUỐC BẢO	29/04/2009	8D	THCS LÊ THIÊN		4.0	7.6		013026
3288	NGUYỄN KIM KHẢI LÂM	12/10/2009	8C	THCS QUỐC TUẤN		4.0	4.0		015067
3289	LÊ HOÀI PHƯƠNG	07/02/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI		3.8	1.8		009144
3290	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	20/11/2009	8B2	THCS HỒNG PHONG		3.5	4.0		010144
3291	VŨ KHẮC TIẾN	18/06/2009	8B	THCS HỒNG THÁI		2.5	6.4		011129
3292	ĐỖ ĐÌNH TÀI	09/06/2009	8C	THCS ĐẶNG CƯỜNG		2.3	4.0		008117
3293	LÊ TÙNG DƯƠNG	10/03/2009	8C5	THCS NAM SƠN		2.0	2.0		014053
3294	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	06/12/2009	8B	THCS ĐẶNG CƯỜNG		2.0	5.8		008153
3295	PHẠM THÙY LINH	09/09/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI		1.5	4.0		009105
3296	VŨ KHÁNH VI	29/12/2009	8B	THCS HỒNG THÁI		1.0	0.0		011137
3297	VŨ VIỆT BÌNH ĐỨC	03/01/2009	8A	THCS HỒNG THÁI		1.0	1.6		011035
3298	NGUYỄN THỊ LINH	11/09/2008	8C4	THCS AN HƯNG		0.5	1.2		005113
3299	ĐOÀN MẠNH QUANG	19/02/2009	8C	THCS HỒNG THÁI		0.5	0.0		011109
3300	PHÙNG MINH QUANG	01/07/2009	8D	THCS HỒNG THÁI		0.5	2.8		011111

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3301	PHÙNG NGỌC MAI	15/10/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI		0.3	2.2		009115
3302	CHU MINH PHƯỚC	14/12/2008	8A4	THCS AN HỒNG		0.0	0.6		004182
3303	NGUYỄN ANH KIỆT	19/08/2009	8B5	THCS HỒNG PHONG		0.0	1.6		010092
3304	PHẠM DUY KHÁNH	27/03/2009	8C1	THCS NAM SƠN			0.0		014099
3305	VŨ ĐÌNH QUANG TÙNG	13/10/2009	8C4	THCS AN HƯNG					005232
3306	LƯU QUỲNH ANH	23/08/2008	8C1	THCS NAM SƠN			0.0		014011
3307	NGUYỄN THÀNH HẢI	17/02/2009	8A	THCS AN ĐỒNG					001074
3308	PHẠM VĂN MƯỜI	26/03/2008	8B4	THCS ĐẠI BẮN					007176
3309	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	04/07/2006	8B4	THCS ĐẠI BẮN					007167
3310	BÙI TUẤN ĐẠT	21/12/2009	8A3	THCS AN HỒNG					004049
3311	PHẠM THỊ LOAN	29/07/2007	8B1	THCS ĐẠI BẮN					007154
3312	BÙI TRẦN THU THẢO	18/11/2009	8B5	THCS ĐẠI BẮN					007251
3313	VƯƠNG NGỌC MINH	08/01/2009	8A	THCS AN ĐỒNG					001163
3314	VŨ THỊ HOA	13/07/2009	8B	THCS HỒNG THÁI			0.0		011046
3315	LÊ SỸ PHONG	07/10/2009	8C3	THCS NAM SƠN			0.0		014171
3316	NGUYỄN VĂN ĐỨC	25/05/2009	8A	THCS HỒNG THÁI			0.0		011034
3317	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	08/10/2009	8B1	THCS HỒNG PHONG					010190
3318	ĐÀO THỊ LAN ANH	24/02/2009	8C	THCS LÊ THIÊN					013003
3319	LÊ NGÔ QUỲNH ANH	24/10/2009	8B	THCS AN ĐỒNG					001012
3320	VŨ TUẤN ANH	07/01/2009	8D	THCS HỒNG THÁI			0.0		011010
3321	BÙI XUÂN MẠNH	26/11/2009	8B3	THCS ĐỒNG THÁI					009116
3322	TRẦN THỊ HÒA	24/03/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI					009065
3323	PHẠM THÙY LINH	11/06/2009	8C1	THCS AN DƯƠNG			0.0		002149
3324	PHẠM LÊ MINH TRUNG	05/05/2009	8D	THCS ĐẶNG CƯỜNG					008140
3325	PHẠM ĐÌNH NGỌC MINH	29/01/2009	8A	THCS AN ĐỒNG					001161
3326	VŨ DUY DŨNG	10/04/2009	8B2	THCS ĐỒNG THÁI					009036
3327	NGUYỄN BẢO LONG	21/07/2009	8C2	THCS AN HƯNG					005125
3328	VŨ TRUNG HIẾU	13/10/2009	8C	THCS AN ĐỒNG					001087
3329	PHẠM MINH TIẾN	04/12/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI					009179
3330	VŨ THỊ NGỌC DUYÊN	21/07/2007	8C3	THCS AN HƯNG					005042

PHÒNG GD-ĐT AN DƯƠNG
KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HS LỚP 8
Khoá thi ngày: 05/05/2023

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3331	LÊ VIỆT HOÀNG	21/10/2009	8B1	THCS ĐỒNG THÁI					009061
3332	ĐÀO NGỌC HẢI NAM	29/11/2009	8B4	THCS TÂN TIẾN			0.0		016163
3333	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	15/12/2008	8B1	THCS ĐỒNG THÁI					009022
3334	NGUYỄN THU NGA	27/07/2007	8B	THCS LÊ LỢI			0.0		012061

PHÒNG GD-ĐT AN DƯƠNG